



TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
MCK: DPM



AEC

EVFTA

THỜI CƠ & TĂNG TRƯỞNG

TPP



NỘI DUNG

4 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

06

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN PVFCCo

- 08 Thông tin chung
- 10 Các cột mốc phát triển quan trọng
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Các mục tiêu, định hướng phát triển

16

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- 18 Mô hình quản trị, tổ chức và bộ máy quản lý
- 19 Các công ty có liên quan
- 20 Sơ đồ tổ chức
- 22 Hội đồng quản trị
- 24 Ban điều hành
- 27 Ban kiểm soát
- 28 Tổ chức và nhân sự
- 29 Nguồn nhân lực
- 32 Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

34

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

- 36 Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2015
- 44 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 48 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 51 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2016
- 52 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016
- 54 Danh hiệu, giải thưởng năm 2015
- 56 Thị trường phân bón thế giới
- 60 Thị trường phân bón trong nước

70

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 72 Tình hình quản trị Tổng công ty
- 78 Báo cáo quản trị rủi ro
- 84 Báo cáo quan hệ nhà đầu tư

86

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 88 Tổng quan về phát triển bền vững
- 94 Báo cáo an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường
- 104 Báo cáo trách nhiệm xã hội

104

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 106 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 108 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 110 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 112 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 113 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 115 Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TẦM NHÌN

Phát triển trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam và trong khu vực về lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón và hóa chất phục vụ ngành dầu khí.

SỨ MỆNH

Sản xuất, cung ứng nguồn phân bón và hóa chất phong phú, đáng tin cậy với giá cả hợp lý và điều kiện tốt nhất cho khách hàng trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của nền nông nghiệp và kinh tế đất nước.

TẬN DỤNG THỜI CƠ TẠO ĐÀ TĂNG TRƯỞNG

Năm 2015 là năm đánh dấu bước ngoặt trong công tác đầu tư và phát triển của Tổng công ty, với việc đưa vào vận hành thương mại Xưởng sản xuất hóa chất UFC85/Formaldehyde; Dây chuyền công nghệ sản xuất thực nghiệm Urê chuyên dụng và triển khai Tổ hợp dự án NH_3 & NPK, hứa hẹn sẽ mang lại tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận cùng sự phát triển của Tổng công ty trong năm 2016 và những năm tiếp theo.

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ,

Năm 2015 trôi qua với nhiều dấu ấn trong công cuộc hội nhập kinh tế của Việt Nam, đặc biệt với việc tham gia các hiệp định thương mại tự do: FTA ASEAN - Hàn Quốc, FTA ASEAN - Nhật Bản, FTA Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và WTO sẽ tạo sức ép, lực đẩy và cơ hội để chúng ta cải cách cơ chế, chính sách, môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh, tận dụng tốt thế mạnh, lợi thế để nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng phát triển hiệu quả, bền vững trong nền kinh tế mở và hội nhập.

Đối với Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo), năm 2015 có thể được đánh giá là một năm tiếp tục gặt hái nhiều thành công trong quá trình xây dựng và phát triển. Đóng góp vào thành công đó, bên cạnh sự đồng hành, ủng hộ của Quý cổ đông, các nhà đầu tư; sự đoàn kết, lao động sáng tạo của tập thể CBCNV; còn có một số yếu tố khách quan thuận lợi đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, cụ thể:

Với cơ chế giá khí, điều hành theo giá thị trường kể từ ngày 01/04/2014, việc giá dầu giảm và đạt mức trung bình khoảng 55 USD/thùng trong năm 2015 đã giúp Tổng công ty giảm được đáng kể chi phí nguyên liệu đầu vào, góp phần vào giảm giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, với việc giá khí đầu vào giảm, kéo theo giá thành các sản phẩm được chế biến từ khí giảm theo nhưng với một độ trễ nhất định, cụ thể đối với sản phẩm phân đạm, giá giảm và thiết lập mặt bằng giá mới (khoảng 250 - 260 USD/tấn FOB - tháng 11/2015).

Bên cạnh thuận lợi về việc giá khí đầu vào giảm theo cơ chế giá thị trường, trong năm 2015, Tổng công ty gánh chịu nhiều khoản mục chi phí tăng, cụ thể: (i) Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tăng dần theo tuổi thọ của Nhà máy; (ii) Chi phí vận tải tăng khi Nhà nước thực thi nghiêm ngặt kiểm soát tải trọng trong vận chuyển; (iii) Chi phí thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ làm tăng giá thành sản

phẩm, tăng tổng mức đầu tư của một số dự án đầu tư; (iv) Bên cạnh đó, các khoản đầu tư vào các công ty liên kết không hiệu quả khiến cho Tổng công ty gia tăng chi phí trích lập dự phòng tổn thất đầu tư và gặp khó khăn trong việc tái cơ cấu, thoái vốn tại các đơn vị này.

Năm 2015 là năm đánh dấu bước ngoặt trong công tác đầu tư và phát triển của Tổng công ty, với việc khánh thành và đưa vào vận hành thương mại Xưởng sản xuất hóa chất UFC85/Formaldehyde (tháng 12/2015); Dây chuyền công nghệ sản xuất thực nghiệm Urê chuyên dụng (tháng 10/2015); và việc khởi công Tổ hợp dự án NH_3 - NPK Phú Mỹ (quý IV/2015), hứa hẹn sẽ mang lại tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận cùng sự phát triển của Tổng công ty trong năm 2016 và những năm tiếp theo.

Về công tác quản trị, bên cạnh việc duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý hiện hành, trong năm 2015, Tổng công ty triển khai mới các dự án ERP giai đoạn 2 (phân hệ quản lý sản xuất và phân hệ quản lý kế hoạch, ngân sách), hệ thống đánh giá kết quả công việc của nhân viên KPI và trả lương theo phương pháp 3P... nhằm hướng tới xu hướng quản trị tinh gọn, hiệu quả và minh bạch. Với những cố gắng, nỗ lực đó vào ngày 14/11/2015, tại Manila, Philippines, Tổng công ty đã vinh dự nhận Giải thưởng “Quản trị công ty khu vực ASEAN” cho 3 công ty niêm yết có điểm quản trị công ty đứng đầu Việt Nam theo Chương trình “Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN”.

Có thể nói điểm nổi bật trong năm 2015 của Tổng công ty là giữa những khó khăn đã có những cơ hội và Tổng công ty đã tận dụng tốt cơ hội để giảm chi phí, giữ vững và tăng trưởng kết quả lợi nhuận, đồng thời triển khai được các dự án đầu tư trọng điểm, tạo đà tăng trưởng cho những năm tới.

Năm 2016, dự báo thị trường phân bón nói chung và phân đạm nói riêng không mấy khả quan hơn so với năm 2015. Nguồn cung về cơ bản đã đi vào ổn định với việc các dự án nhà máy mới đều đã đi vào hoạt động trong năm 2015. Năng lực sản xuất trong nước của Việt Nam trong năm 2016 dự báo đạt gần 9 triệu tấn phân bón các loại, trong đó phân đạm khoảng 2,6 triệu tấn. Nhu cầu trong nước dự báo không đổi, duy trì ở mức dưới 11 triệu tấn, trong đó đối với phân đạm khoảng 2 triệu tấn. Do vậy cạnh tranh ở thị trường này sẽ tiếp tục khốc liệt, đặc biệt là trong bối cảnh giá phân đạm thế giới giảm theo giá dầu; hàng nhập khẩu từ các nước ASEAN không phải chịu thuế nhập khẩu (Malaysia, Indonesia); và nhu cầu nội địa Trung Quốc yếu gây áp lực xuất khẩu lớn.

Về kế hoạch năm 2016, mặc dù bối cảnh bất ổn về kinh tế và chính trị trên thế giới còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, giá nguyên liệu đầu vào biến động và tình hình thị trường tiếp tục cạnh tranh gay gắt, Ban lãnh đạo PVFCCo cam kết để ra các chỉ tiêu thách thức, triển khai các giải pháp phù hợp để hoàn thành vượt mức, về đích sớm kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016. Ngoài việc tiếp tục vận hành ổn định, an toàn Nhà máy đạm Phú Mỹ, kinh doanh hiệu quả sản phẩm phân bón Phú Mỹ, trong năm PVFCCo sẽ tiếp tục nỗ lực đẩy mạnh sản xuất và kinh doanh mảng hóa chất, triển khai đạt tiến độ các dự án đầu tư đã được phê duyệt nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực hiện có.

Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, tín nhiệm và đồng hành của Quý cổ đông, Nhà đầu tư với cổ phiếu DPM và với Ban Quản trị, Điều hành của Tổng công ty.

Kính chúc Quý cổ đông, Nhà đầu tư mạnh khỏe, hạnh phúc và gặt hái nhiều thành công mới.

LÊ CỰ TÂN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN PVFCCo

Thông tin chung	08
Các cột mốc phát triển quan trọng	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
Các mục tiêu, định hướng phát triển	14

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

3.800
VỐN ĐIỀU LỆ / TỶ ĐỒNG

Tên giao dịch:	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0303165480
Vốn điều lệ:	3.800.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	3.800.000.000.000 đồng
Địa chỉ:	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại:	(+84.8) 3825 6258
Số fax:	(+84.8) 3825 6269
Website:	www.dpm.vn
Mã cổ phiếu:	DPM

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày thành lập

Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (nay là Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 02/2003/QĐ-VPCP ngày 28/03/2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 19/01/2004.

Ngày 21/9/2004, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP đã tiếp nhận Nhà máy đạm Phú Mỹ từ Tổ hợp nhà thầu Technip – Samsung và chính thức quản lý, vận hành đưa sản phẩm phân urê thương hiệu Đạm Phú Mỹ ra thị trường.

Quá trình đổi mới doanh nghiệp

» Từ Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần

Ngày 15/03/2007, Bộ Công nghiệp đã ra Quyết định số 793/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí với 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Ngày 21/04/2007, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán 40% cổ phần ra công chúng tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

Ngày 30/06/2007, Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần, thông qua Điều lệ công ty, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông qua các kế hoạch kinh doanh sau khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

Ngày 31/08/2007, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký số 4103007696 và Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí chính thức đi vào hoạt động.

» Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE)

Ngày 29/10/2007, Công ty đã hoàn tất các thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) và ngày 05/11/2007, Công ty đã chính thức niêm yết 380 triệu cổ phiếu trên sàn HOSE.

Loại chứng khoán:	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán:	DPM
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng niêm yết:	380.000.000 cổ phiếu

» Từ Công ty cổ phần thành Tổng công ty:

Ngày 05/04/2008, Đại hội đồng cổ đông thông qua đề án chuyển đổi từ công ty cổ phần thành tổng công ty (mô hình công ty mẹ - công ty con).

Ngày 15/05/2008, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi số 4103007696 cho Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần.



12/03/2001: Phát động triển khai xây dựng Nhà máy đạm Phú Mỹ.



21/09/2004: PVFCCo nhận bàn giao Nhà máy đạm Phú Mỹ, chính thức đưa sản phẩm mang thương hiệu Đạm Phú Mỹ ra thị trường.

15/12/2004: Khánh thành Nhà máy đạm Phú Mỹ.



15/05/2008: Chuyển đổi thành Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.



14/09/2010: Khánh thành cụm thu hồi khí thải CO₂ nâng công suất Nhà máy đạm Phú Mỹ lên 800.000 tấn/năm.



28/03/2013: Kỷ niệm 10 năm thành lập, đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất.



02/2015: Nhà máy đạm Phú Mỹ đạt mức sản lượng 8 triệu tấn.

2001

2003

2004

2007

2008

28/03/2003: Thành lập Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo).

31/08/2007: Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.

05/11/2007: Cổ phiếu DPM được niêm yết và giao dịch trên HOSE.

2010

2011

2013

2014

2015

2016

16/07/2011: Khánh thành trụ sở PVFCCo Tower.

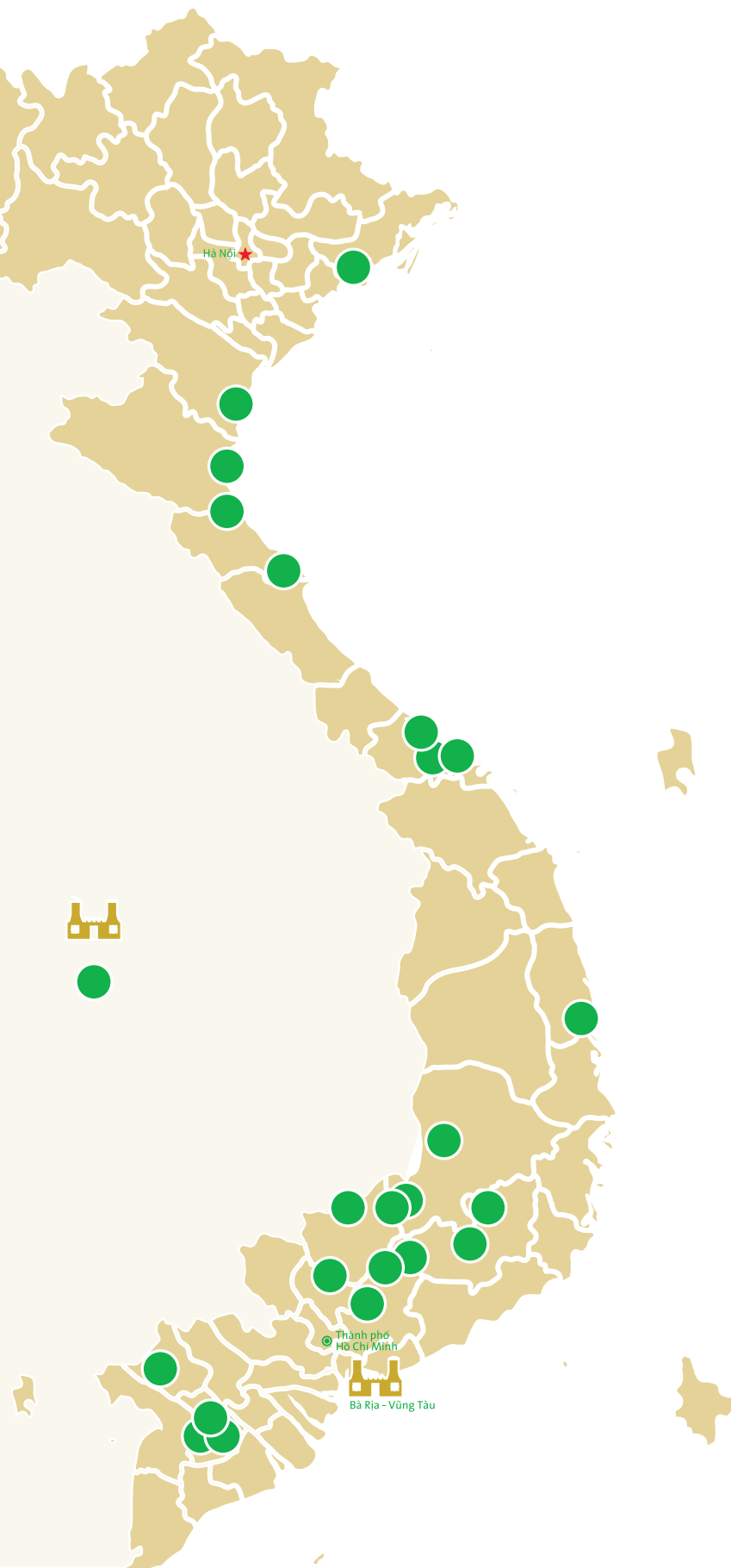
23/12/2014: Thương hiệu Đạm Phú Mỹ của PVFCCo đã chính thức được công nhận là Thương hiệu Quốc gia 2014.

28/03/2016: 13 năm ngày thành lập



“

VỚI MỤC TIÊU KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN VÀ MỞ RỘNG ĐỊA BÀN KINH DOANH, TỔNG CÔNG TY ĐÃ CHỦ TRƯỞNG TẬP TRUNG MỌI NGUỒN LỰC ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN, ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM, XÚC TIẾN HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU PHÂN BÓN SANG THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI. VIỆC THƯƠNG HIỆU ĐẠM PHÚ MỸ ĐÃ CÓ MẶT TẠI THỊ TRƯỜNG NHIỀU NƯỚC KHÔNG CHỈ KHẲNG ĐỊNH SỰ PHÁT TRIỂN MỞ RỘNG CỦA PVFCCo MÀ CÒN KHẲNG ĐỊNH CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CỦA MỘT THƯƠNG HIỆU PHÂN BÓN HÀNG ĐẦU VIỆT NAM.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất. Hiện nay, sản phẩm chủ lực của Tổng công ty là

phân đạm (Urê) hạt trong, phân NPK, Kali, SA, DAP phục vụ cho nền nông nghiệp của đất nước, khí Amoniac lỏng, hóa chất UFC85/Formaldehyde.

ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

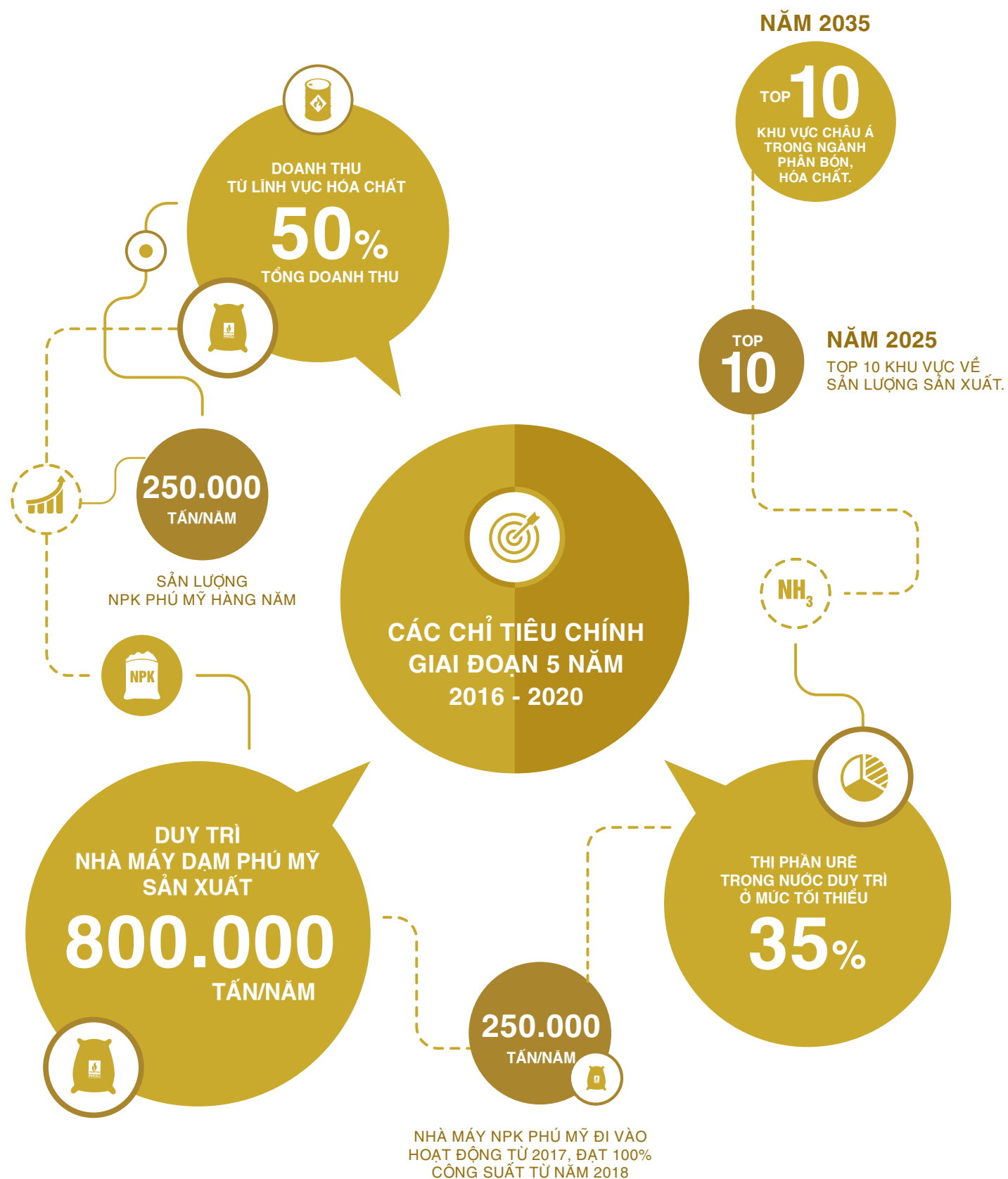
Hoạt động sản xuất chính của Tổng công ty tiến hành tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị trực thuộc Tổng công ty, đặt tại KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trải rộng khắp các vùng canh tác nông nghiệp và cây công nghiệp trên khắp lãnh thổ Việt Nam thông qua hệ thống tiêu thụ sản phẩm hình thành từ các công ty con đóng trụ sở chính tại các khu vực: miền

Bắc, miền Trung và Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ.

Từ năm 2011, Tổng công ty triển khai hoạt động kinh doanh ra phạm vi khu vực Đông Nam Á, thiết lập quan hệ thương mại với các đối tác uy tín trong khu vực và thế giới để xúc tiến xuất khẩu phân bón ra thị trường Đông Nam Á, xúc tiến hoạt động quảng bá sản phẩm tại thị trường này.





Trải qua hơn 13 năm xây dựng và phát triển, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo) đã đạt được những thành quả hết sức ấn tượng trong sản xuất và kinh doanh.

Tuy nhiên, nhìn vào kết quả sản xuất kinh doanh kể từ năm 2012 đến nay, PVFCCo đang gặp khó khăn trong vấn đề duy trì tốc độ tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận. Để giải quyết bài toán tăng trưởng, với quyết tâm đổi mới – sáng tạo, trong những năm qua Ban lãnh đạo Tổng công ty đã tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm, triển khai đầu tư các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực sản xuất phân bón, hóa chất, hóa dầu theo chiến lược phát triển giai đoạn 2008-2015.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035 ĐƯỢC HOẠCH ĐỊNH VỚI NHỮNG MỤC TIÊU CƠ BẢN NHƯ SAU:

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

GIAI ĐOẠN 2016 - 2020:

Duy trì vị thế của PVFCCo là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón số 1 trong nước; Phát triển lĩnh vực sản xuất hóa chất, tập trung vào lĩnh vực hóa dầu. Đến năm 2020 doanh thu từ lĩnh vực hóa chất chiếm 50% tổng doanh thu.

ĐẾN NĂM 2025:

Tiếp tục đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất phân bón, hóa chất có công nghệ hiện đại và trình độ quản lý tiên tiến để đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường phân phối phân bón, hóa chất ra các nước trong khu vực cũng như trên thế giới nhằm phát triển đưa PVFCCo trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón, hóa chất với công

nghệ cao trong khu vực Đông Nam Á, đứng trong Top 10 trong khu vực về sản lượng sản xuất.

ĐẾN NĂM 2035:

Phấn đấu trở thành doanh nghiệp có quy mô nằm trong Top 10 ở khu vực Châu Á trong ngành phân bón, hóa chất.

MỤC TIÊU CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

VỀ SẢN XUẤT:

- » Duy trì NM ĐPM sản xuất trung bình 800.000 tấn/năm.
- » Nhà máy NPK Phú Mỹ đi vào hoạt động từ 2017, đạt 100% công suất từ năm 2018 (250.000 tấn/năm).
- » Gia tăng sản lượng sản xuất hóa chất hiện có, triển khai sản xuất sản phẩm NH_3 (90.000 tấn/năm), UFC/Formalin (15.000 tấn/năm), H_2O_2 (30.000 tấn/năm), Polystyrene (300.000 tấn/năm).

VỀ KINH DOANH:

- » Thị phần urê trong nước duy trì ở mức tối thiểu 35%.
- » Tiêu thụ hết và có hiệu quả sản lượng NPK Phú Mỹ hàng năm (250.000 tấn).
- » Mở rộng thị trường ra nước ngoài, tập trung tại một số nước thuộc khu vực Đông Nam Á.
- » Tiêu thụ 100% các sản phẩm hóa chất sản xuất được, doanh thu tiến

- tối bằng và vượt mǎng phân bón vào năm 2020.
- » Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm phân bón trên nền Urea và NPK.
- » Tiêu thụ hết sản lượng các sản phẩm phân bón chuyên dụng từ các cơ sở mới được đầu tư.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Mô hình quản trị, tổ chức và bộ máy quản lý	18
Các công ty có liên quan	19
Sơ đồ tổ chức	20
Hội đồng quản trị	22
Ban điều hành	24
Ban kiểm soát	27
Tổ chức và nhân sự	28
Nguồn nhân lực	29
Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty	32

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Tổng công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - cổ đông nhà nước nắm giữ hơn 61% vốn cổ phần của Tổng công ty. Phần vốn còn lại được sở hữu bởi hàng nghìn cổ đông gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Công ty mẹ và các công ty con của Tổng công ty được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần, trong đó công ty mẹ đã trở thành công ty đại chúng, niêm yết trên thị trường chứng khoán. Công ty mẹ tuân thủ các quy định và chuẩn mực quản trị của doanh nghiệp niêm yết. Các công ty con đã và sẽ tiến tới trở thành các công ty đại chúng, niêm yết trên thị trường chứng khoán.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY MẸ

Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đương nhiệm của Tổng công ty có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 1 thành viên chuyên trách, 2 thành viên kiêm nhiệm trong đó có Tổng giám đốc.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đương nhiệm gồm Trưởng ban và 1 thành viên chuyên trách, 1 thành viên kiêm nhiệm.

Bộ máy điều hành

Đứng đầu bộ máy điều hành là thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc phụ trách về

các lĩnh vực như sản xuất, công nghệ - kỹ thuật - đầu tư xây dựng, tài chính - kế toán, kinh doanh và xây dựng hệ thống phân phối, công tác nghiên cứu phát triển, hợp tác quốc tế, pháp chế, nội chính và mua sắm...

Tại trụ sở Công ty mẹ, bộ máy tham mưu cho Ban điều hành gồm các ban chức năng theo từng mảng lĩnh vực chuyên môn.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc: Tổng công ty có các chi nhánh, văn phòng đại diện đặt tại các địa bàn sản xuất - kinh doanh

Chi nhánh Tổng công ty - Nhà máy đạm Phú Mỹ: Đơn vị sản xuất chính của Tổng công ty, đóng tại KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nhà máy có công suất sản xuất 800.000 tấn phân đạm/năm.

Chi nhánh Tổng công ty tại TP. HCM: Đơn vị trực thuộc có chức năng hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu phân bón, hóa chất.

Chi nhánh Tổng công ty - Ban Quản lý dự án chuyên ngành Phân bón & Hóa chất Dầu khí: Đơn vị trực thuộc có chức năng quản lý các dự án đầu tư phát triển quan trọng của Tổng công ty.

Văn phòng đại diện Tổng công ty tại Myanmar: Đơn vị trực thuộc có chức năng đại diện và hỗ trợ, xúc tiến hoạt động kinh doanh phân bón của Tổng công ty tại Myanmar.

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Năm 2015, Tổng công ty gồm có 6 công ty con và 4 công ty liên kết, có góp vốn.

CÁC CÔNG TY NẪM GIỮ TỪ 50% CỔ PHẦN TRỞ LÊN

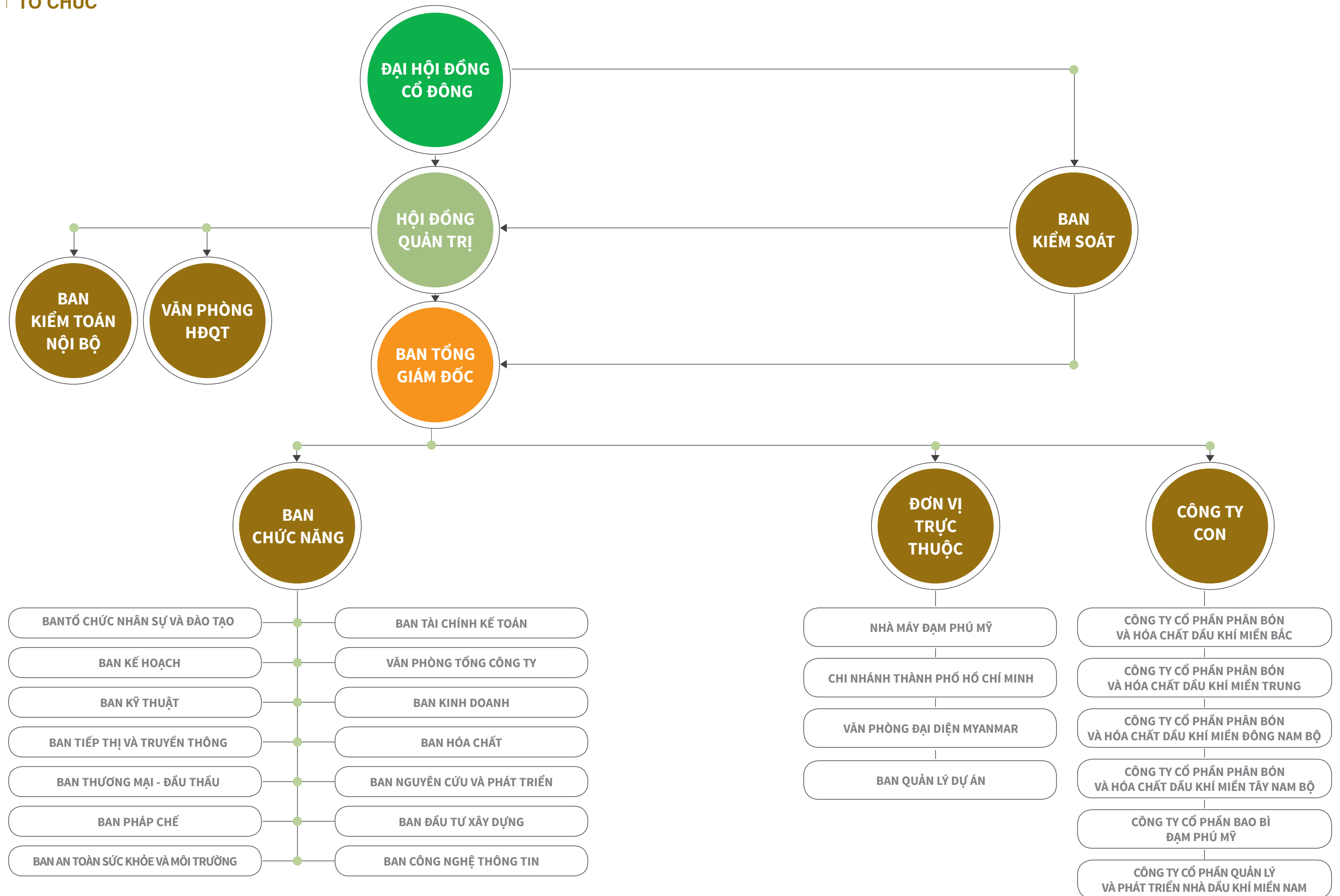
STT	Tên công ty	Ngành nghề KD chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ năm giữ
1	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (PVFCCo - North) Tầng 4, 173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh phân bón, hóa chất	120.000	75%
2	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (PVFCCo - Central) Lô A2, Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh phân bón, hóa chất	100.000	75%
3	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (PVFCCo - SE) 27 Đinh Bộ Lĩnh, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh phân bón, hóa chất	125.000	75%
4	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PVFCCo - SW) 151/18 Trần Hoàng Na, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Kinh doanh phân bón, hóa chất	170.000	75%
5	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (PVFCCo - Packaging) KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Sản xuất, kinh doanh bao bì	42.000	50,98% (*)
6	Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam (PVFCCo - SBD) 27 Đinh Bộ Lĩnh, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quản lý, phát triển nhà, xây lắp và dịch vụ vận chuyển	72.248	81,38%

(*) Ghi chú: Từ tháng 4/2015, Tổng công ty giảm tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ xuống mức 43,34% vốn điều lệ.



CÁC CÔNG TY NẪM GIỮ DƯỚI 50% VỐN

STT	Tên công ty	Ngành nghề KD chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ năm giữ
1	Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PV TEX) Lô CN5.5 A Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm xơ sợi tổng hợp	2.165.110	25,99%
2	Công ty CP Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí (PAIC) Tầng 10, 173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Công nghệ thông tin, viễn thông và Tự động hóa, năng lượng sạch	42.352	8,5%
3	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong) Số 131, Trần Hưng Đạo, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Tư vấn thiết kế, thi công xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản	280.869	35,63%
4	Công ty Cổ phần Chế biến Thủy Hải sản Út Xi Tỉnh lộ 8, Xã Tài Văn, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng chế biến và mua bán thủy, hải sản	354.000	6,78%





Ông **LÊ CỰ TÂN**
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển; Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Tự động hóa.

Ông bắt đầu công tác tại ngành Dầu khí Việt Nam từ năm 1992, trải qua nhiều vị trí quản lý tại các đơn vị thuộc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC).

Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc PTSC trước khi về đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí từ tháng 12/2013.



Bà **NGUYỄN THỊ HIỀN**
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại thương.

Bà đã có quá trình công tác tại Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Điện 2, Ban QLDA Khí - Điện - Đạm Cà Mau, Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí với các vị trí cán bộ phân tích, cán bộ quản lý công tác kế hoạch...

Từ 7/2007-3/2009 bà được bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát PVFCCo và từ tháng 3/2009 đến nay, là thành viên Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị PVFCCo.



Ông **ĐOÀN VĂN NHUỘM**
Tổng giám đốc kiêm
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Trắc địa

Ông gia nhập ngành dầu khí Việt Nam với công việc kỹ sư tại Công ty Địa vật lý thuộc Tổng cục Dầu khí Việt Nam từ năm 1987. Trong giai đoạn 1992 - 2006 ông đảm trách các chức vụ Phó Giám đốc Xi nghiệp trực thuộc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC), Phó Giám đốc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm dầu mỏ (PDC) thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Từ năm 2006 - 2015 ông giữ chức vụ Giám đốc Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South) và sau đó đảm nhận nhiệm vụ Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil).

Ngày 30/12/2015 Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP đã quyết định bổ nhiệm ông giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ năm 2016.



Ông **CAO HOÀI DƯƠNG**
Ủy viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Hóa dầu.

Ông được bổ nhiệm giữ chức Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí từ ngày 15/11/2010 và kiêm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty từ tháng 2/2011. Trước đó ông đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực lọc hóa dầu với các vị trí Trưởng ban Ban Quản lý dự án Nhà máy lọc dầu số 2 của Petrovietnam, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

Ông đã rời khỏi vị trí Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP kể từ năm 2016 theo quyết định ban hành ngày 30/12/2015 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.



Ông **NGUYỄN HỒNG VINH**
Ủy viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp.

Ông có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý điều hành trong lĩnh vực phân bón và vật tư nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt là trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Từ tháng 12/2009 - 7/2013, ông đảm nhận chức vụ Phó Tổng giám đốc PVFCCo. Từ tháng 4/2013, ông được bầu vào Hội đồng quản trị và giữ chức Ủy viên HĐQT chuyên trách của PVFCCo.



Ông **ĐINH QUANG HOÀN**
Ủy viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, ACCA.

Từ năm 1998, ông làm việc cho các công ty kiểm toán hàng đầu là Arthur Andersen và KPMG. Đến năm 2007, ông gia nhập Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) với lĩnh vực chính là tư vấn tài chính, chứng khoán.

Hiện tại, ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc VCSC và với sự đề cử của nhóm cổ đông DPM, ông được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 bầu giữ chức thành viên HĐQT kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2013 - 2018 của Tổng công ty.

Ông đã thôi giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP theo đơn từ nhiệm gửi tới Hội đồng quản trị ngày 27/08/2015.



Ông **ĐOÀN VĂN NHUỘM**
Tổng giám đốc kiêm
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Trắc địa

Ông gia nhập ngành dầu khí Việt Nam với công việc kỹ sư tại Công ty Địa Vật lý thuộc Tổng cục Dầu khí Việt Nam từ năm 1987. Trong giai đoạn 1992 - 2006 ông đảm trách các chức vụ Phó Giám đốc Xí nghiệp trực thuộc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC), Phó Giám đốc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm dầu mỏ (PDC) thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Từ năm 2006 - 2015 ông giữ chức vụ Giám đốc Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South) và sau đó đảm nhận nhiệm vụ Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil).

Ngày 30/12/2015 Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP đã quyết định bổ nhiệm ông giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ năm 2016.



Ông **LÊ VĂN QUỐC VIỆT**
Phó Tổng giám đốc
phụ trách Nội chính và Mua sắm

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Kế hoạch.

Sau khi rời quân ngũ năm 1984, ông đã tham gia công tác Đoàn, Đảng, công tác tổ chức, nhân sự tại đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo và Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt – Xô.

Từ tháng 5/2007, ông giữ chức Trưởng ban Tổ chức nhân sự PVFCCo và sau đó được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc từ tháng 2/2009.



Ông **TỪ CƯỜNG**
Phó Tổng giám đốc phụ trách
Sản xuất, Kế hoạch, Kỹ thuật
công nghệ sản xuất và công tác
đầu tư Tổ hợp Dự án NH₃-NPK

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Hóa hữu cơ.

Các công việc, chức vụ đã đảm nhận: Cán bộ phiên dịch, Ban Quản lý Lao động Tiếp Khắc, Bộ LĐ-TB-XH, Kỹ thuật viên, Phòng Độc chất, Bệnh viện Bạch Mai - Hà Nội, Kỹ sư phòng Công nghệ, Trưởng phòng Phân phối khí, Trưởng phòng Kinh doanh... của Tổng công ty Khí Việt Nam (PV Gas), Giám đốc Xí nghiệp chế biến khí PV Gas.

Từ năm 2008, ông giữ chức Giám đốc Nhà máy đạm Phú Mỹ và Phó Tổng giám đốc PVFCCo kiêm Giám đốc Nhà máy đạm Phú Mỹ. Từ tháng 10/2015 ông thôi kiêm nhiệm chức Giám đốc Nhà máy đạm Phú Mỹ.



Ông **HOÀNG VIỆT DŨNG**
Phó Tổng giám đốc phụ trách Công
nghệ Kỹ thuật Dự án, Đầu tư Xây
dựng, AT - SK - MT - CL
sản phẩm và Công nghệ thông tin

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Hóa dầu.

Từ tháng 1/1996 - 10/2002: Chuyên viên Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) và được cử đi học tại UOP - Mỹ.

Ông đã đảm nhiệm các vị trí Chuyên viên Ban QLDA Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Phó Trưởng Ban QLDA Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVFCCo từ tháng 3/2011.



Ông **NGUYỄN VĂN TÒNG**
Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài
chính Kế toán, Kiểm toán và Đầu tư
tài chính

Năm sinh: 1958

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán ngành Ngân hàng Kiến thiết.

Ông đã có thời gian công tác tại Tổng cục Thuế (Văn phòng 2 tại TP. HCM), công tác tài chính kế toán tại Công ty Dầu khí II, Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí, Trung tâm An toàn và Môi trường Dầu khí. Ông đảm trách chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVD) và chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh TP. HCM – Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVFCCo từ tháng 4/2009.



Ông **DƯƠNG TRÍ HỘI**
Phó Tổng giám đốc phụ trách
Kinh doanh và Xây dựng
hệ thống phân phối

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện công nghiệp, Cử nhân Kinh tế Kế hoạch Đầu tư.

Ông thuộc lớp cán bộ trẻ trưởng thành từ môi trường hoạt động của PVFCCo.

Từ năm 2007, ông gia nhập PVFCCo và đã trải qua các vị trí Trợ lý Tổng giám đốc, Trưởng phòng Tiếp thị, Giám đốc Công ty PVFCCo Miền Trung, Giám đốc Công ty PVFCCo Đông Nam Bộ trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVFCCo vào tháng 7/2013.



Bà **LÊ THỊ THU HƯƠNG**
Phó Tổng giám đốc phụ trách
Nghiên cứu Phát triển và Pháp
chế

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Từ năm 1996, bà bắt đầu công tác tại Sở Thương mại TP. Hà Nội, sau đó là Vụ Thương mại và Dịch vụ - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tháng 5/2008, bà đảm nhận chức vụ Trưởng ban Ban Luật và Hợp tác quốc tế Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP vào ngày 01/3/2013, bà đảm nhận chức vụ Phó trưởng Ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn dầu khí Việt Nam từ 2009 - 2013.



Ông **HUỖNH KIM NHÂN**
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính Kế toán.

Từ năm 1998 - 6/2007, ông đảm nhiệm các vị trí Chuyên viên Kế toán Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí; Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán, Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán - PVFCCo.

Ông được bổ nhiệm giữ chức Kế toán trưởng PVFCCo từ tháng 6/2007.



Bà **TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO**
Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Ngoại thương.

Bà đã có quá trình công tác tại Công ty PETEC - Bộ Thương mại, Công ty Giám sát các hợp đồng PSC - Petrovietnam trong công tác kinh doanh, quản lý hợp đồng, tài chính kế toán và kiểm toán.

Từ năm 2001, bà đảm nhận chức vụ Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban QLDA Nhà máy đạm Phú Mỹ, Phó trưởng ban Ban Thương mại thị trường, PVFCCo. Bà được bầu vào Ban kiểm soát và giữ chức Trưởng Ban kiểm soát PVFCCo từ tháng 3/2009.



Ông **NGUYỄN VĂN HÒA**
Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Ngân hàng.

Ông có quá trình công tác gắn bó với Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) qua các chức vụ Nhân viên kế toán, Kế toán trưởng ACB Đà Nẵng, Phó phòng Kế toán và Kế toán trưởng Hội sở ACB từ năm 2002.

Ông được bầu vào Ban kiểm soát PVFCCo từ năm 2007.



Ông **LÊ VINH VẤN**
Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán.

Ông đã trải qua vị trí Chuyên viên Kế toán Công ty Liên doanh Dịch vụ Dầu Khí OSC - SOS International; Kế toán trưởng Công ty TNHH TM DV Classic, Chuyên viên phòng Thương mại Vật tư - PVFCCo, Chuyên viên Ban kiểm soát PVFCCo.

Ông đảm nhận vị trí thành viên Ban kiểm soát PVFCCo từ tháng 11/2008.

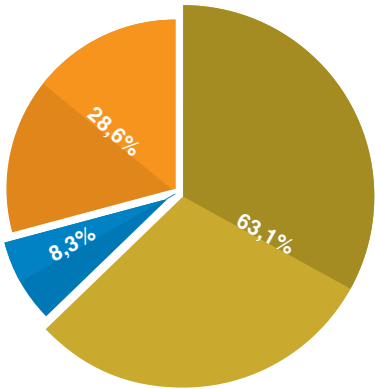
STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu DPM	
			Đại diện	Sở hữu cá nhân
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1.	Lê Cự Tân	Chủ tịch HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác	77.404.253	50.000
2.	Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác	55.100.000	5.500
3.	Cao Hoài Dương	Thành viên HĐQT kiêm TGD, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác	55.100.000	2.000
4.	Nguyễn Hồng Vinh	Thành viên HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác	45.600.000	-
5.	Đình Quang Hoàn	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành, là Phó TGD Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	-	-
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1.	Cao Hoài Dương	Tổng giám đốc	55.100.000	2.000
2.	Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc	-	-
3.	Từ Cường	Phó Tổng giám đốc	-	-
4.	Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng giám đốc	-	-
5.	Dương Trí Hội	Phó Tổng giám đốc	-	-
6.	Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng giám đốc	-	-
7.	Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	-	-
BAN KIỂM SOÁT				
1.	Trần Thị Phương Thảo	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	-	-
2.	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm, Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-
3.	Lê Vinh Văn	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách, kiêm nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	-	800
KẾ TOÁN TRƯỞNG				
1.	Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng	-	-

THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

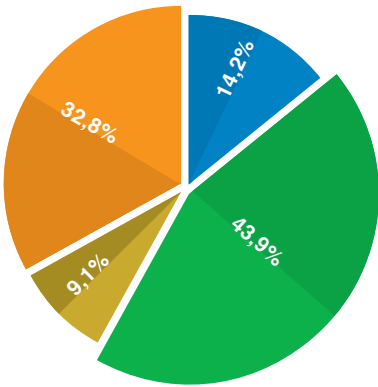
Ngày 27/08/2015, Tổng công ty nhận được thư từ nhiệm đề ngày 25/08/2015 của thành viên HĐQT Đình Quang Hoàn. Chiều theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, ông Đình Quang Hoàn chấm dứt tư cách thành viên HĐQT của Tổng công ty kể từ ngày 27/08/2015.

Vào ngày 30/12/2015, HĐQT của Tổng công ty đã họp phiên bất thường để miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc của ông Cao Hoài Dương và bổ nhiệm ông Đoàn Văn Nhuộm giữ chức thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc. Các quyết định miễn nhiệm, bổ nhiệm có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016.

1.583
TỔNG SỐ CBCNV / người
toàn Tổng công ty tính đến thời điểm
31/12/2015 (gồm Công ty mẹ và công ty con)



Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Đại học, Cao đẳng trở lên	998	63,1%
Trung học chuyên nghiệp	132	8,3%
Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	453	28,6%
Tổng cộng	1.583	100%



Phân công lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Cán bộ lãnh đạo, quản lý	225	14,2%
Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ	695	43,9%
Nhân viên phục vụ	144	9,1%
Công nhân các ngành nghề	519	32,8%
Tổng cộng	1.583	100%

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

Năm 2015, Tổng công ty đã hoàn thành và đưa vào áp dụng 2 dự án quan trọng về chính sách quản trị nhân sự và tiền lương, đó là dự án xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc (KPI) và dự án cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực để đánh giá năng lực cá nhân.

Từ năm 2008, Tổng công ty đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng thang, bảng lương mới phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, theo quy định của Bộ luật Lao động – Thương binh xã hội, hướng tới việc trả lương theo thị trường nhằm hạn chế hiện tượng chảy máu chất xám và thu hút lao động giỏi. Từ đó đến nay hệ thống thang, bảng lương thường xuyên được nghiên cứu sửa đổi và điều chỉnh cho phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tình hình thực tế SXKD. Tổng công ty đã thực hiện tốt chế độ Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp cho người lao động theo đúng các quy định của Luật Bảo hiểm Xã hội và các Quy định của Chính phủ.

Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã ban hành chính sách nhân viên áp dụng từ 01/01/2009, hàng năm được chỉnh sửa bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty. Quy định bao gồm các chính sách phúc lợi áp dụng cho toàn thể CBCNV và một số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: Chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác.

Nhằm đảm bảo giữ người lao động đối với các vị trí chuyên môn về công nghệ, kỹ thuật quan trọng, Tổng công ty xây dựng quy định về việc công nhận và áp dụng các bậc lương chuyên gia với mức lương cao nhằm thu hút, giữ chân nhân tài. Theo đó, có những chuyên



gia bậc cao được áp dụng mức lương có thể tương đương với mức lương cán bộ quản lý cấp Ban của Tổng công ty hoặc Giám đốc các công ty con. Hiện nay, Tổng công ty đã có 18 nhân sự được công nhận chức danh chuyên gia.

Năm 2015, Tổng công ty đã hoàn thành và đưa vào áp dụng 2 dự án quan trọng về chính sách quản trị nhân sự và tiền lương, đó là dự án xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc (KPI) và dự án cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực để đánh giá năng lực cá nhân. Theo đó, việc tổ chức, quản lý, sắp xếp nhân sự sẽ đảm bảo tính hợp lý, khoa học, đúng người đúng việc, đo lường chính xác năng lực và kết quả công việc của nhân viên và việc trả lương, thưởng sẽ công bằng và chính xác.

Xác định việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện ý thức, tác phong công nghiệp cho CBCNV đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh, Tổng công ty đã rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, quy chế, quy định đào tạo để khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.



CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Chất lượng đào tạo được nâng cao, đào tạo đúng nhiệm vụ chức danh công việc đảm nhận, đẩy mạnh tổ chức tập trung đào tạo kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm và chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật. Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước và đào tạo ở nước ngoài. Quan tâm đào tạo nhân lực trẻ, có tiềm năng phát triển trong chuyên môn và quản lý. Thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chính sách để động viên, khuyến khích CBCNV tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ.

Trong thời gian qua, lãnh đạo Tổng công ty luôn xem công tác đào tạo nội bộ là phương thức thực hiện đào tạo hiệu quả nhất, nên đã rất quan tâm và đầu tư đúng mức. Nhờ vậy, đội ngũ CBCNV đã trưởng thành vượt bậc, vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ an toàn, hiệu quả, làm chủ hệ thống kinh doanh, phân phối.

Các khóa đào tạo nước ngoài hoặc có yếu tố nước ngoài đều được rà soát, kiểm tra đảm bảo phù hợp, hiệu quả (trình độ ngoại ngữ, đối tượng đào tạo). Ban lãnh đạo Tổng công ty luôn quan tâm và sẵn sàng đầu tư cho các cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật có chuyên môn giỏi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu mang tính đặc thù ở nước ngoài để tiếp nhận các kinh nghiệm, kiến thức mới phục vụ cho hoạt động SXKD của Tổng công ty cũng như hỗ trợ cho các dự án mới của Tập đoàn.

Tăng cường đào tạo tại chỗ, mời giảng viên về đào tạo riêng cho CBCNV theo chương trình, nội dung đặt hàng để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tính chất đặc thù công việc của Tổng công ty.

Thường xuyên linh động trong công tác triển khai kế hoạch đào tạo, đáp ứng kịp thời nhu cầu cập nhật, bổ sung và nâng cao kiến thức CBCNV phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đều đã đáp ứng tốt yêu cầu công việc, đặc biệt là đội ngũ cán bộ vận hành, kỹ thuật của Tổng công ty đã phát huy tốt trình độ để vận hành, bảo dưỡng Nhà máy đạm Phú Mỹ an toàn, hiệu quả và luôn cán đích về trước kế hoạch đề ra.

10.047
TỔNG DOANH THU / TỶ ĐỒNG
ĐẠT 109% SO VỚI KẾ HOẠCH 2015

1.880
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ / TỶ ĐỒNG

1.488
LỢI NHUẬN SAU THUẾ / TỶ ĐỒNG

CHỈ TIÊU VỀ SẢN LƯỢNG

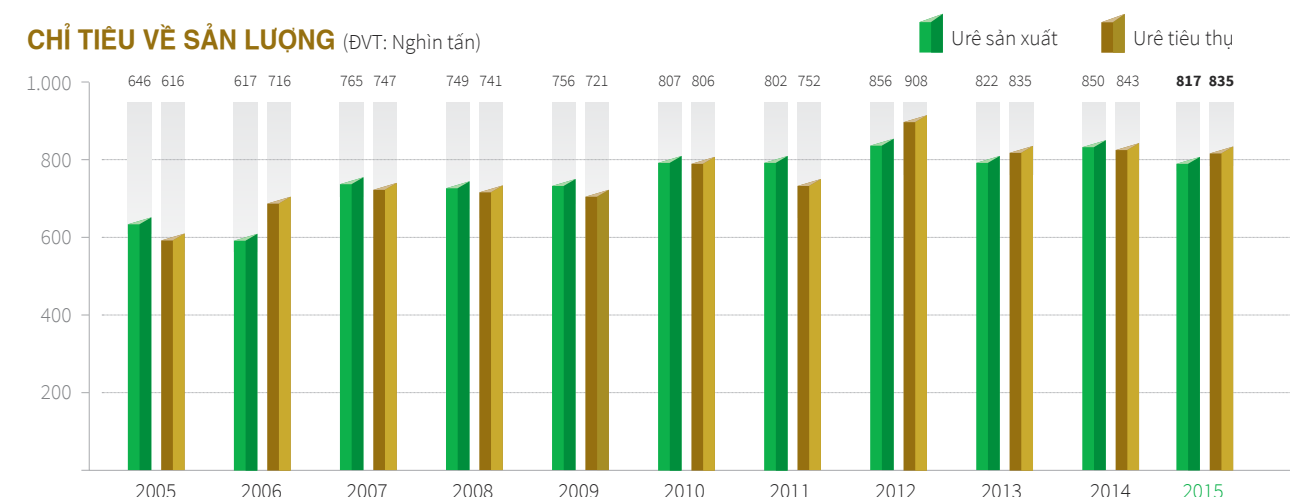
	2005	2006	2007
Urê sản xuất (nghìn tấn)	646	617	765
Urê tiêu thụ (nghìn tấn)	616	716	747

CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

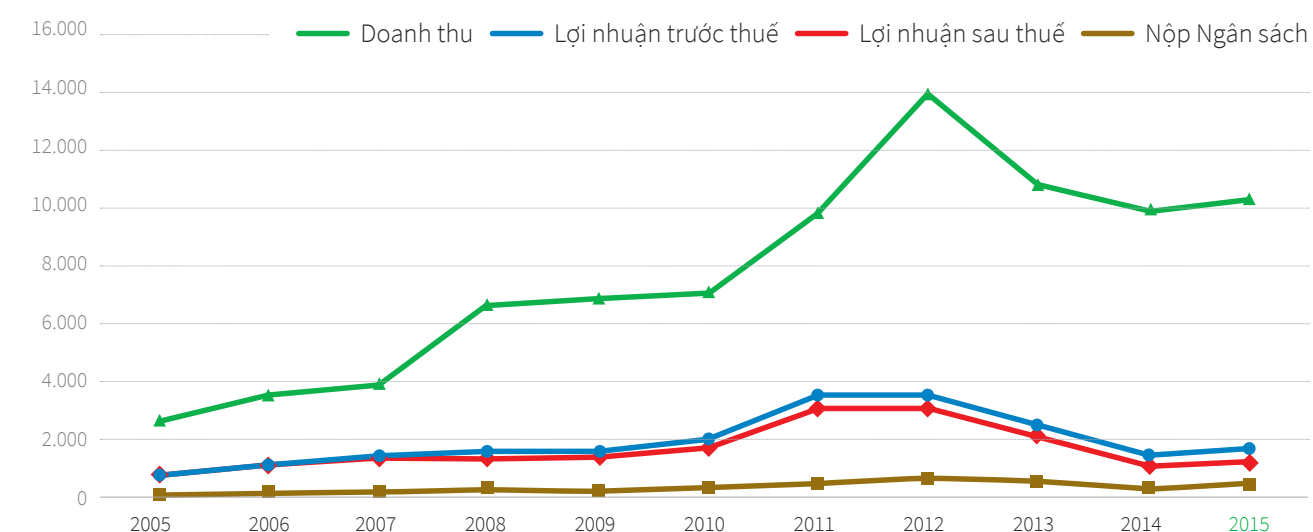
	2005	2006	2007
Doanh thu (tỷ đồng)	2.713	3.542	3.928
Nộp Ngân sách (tỷ đồng)	85	107	151
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	791	1.161	1.330
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	791	1.161	1.329

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠM PHÚ MỸ CỦA TỔNG CÔNG TY

CHỈ TIÊU VỀ SẢN LƯỢNG (ĐVT: Nghìn tấn)



CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (ĐVT: Tỷ đồng)



	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Urê sản xuất (nghìn tấn)	749	756	807	802	856	822	850	819
Urê tiêu thụ (nghìn tấn)	741	721	806	752	908	835	843	835
Doanh thu (tỷ đồng)	6.625	6.834	6.999	9.763	13.906	10.807	9.972	10.047
Nộp Ngân sách (tỷ đồng)	283	253	405	537	694	602	308	436
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	1.501	1.520	1.922	3.510	3.542	2.468	1.285	1.880
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	1.383	1.348	1.706	3.140	3.016	2.142	1.096	1.488

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2014	00
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	00
Báo cáo của Hội đồng quản trị	00
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2015	00
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015	00
Danh hiệu, giải thưởng năm 2014	00
Thị trường phân bón thế giới	00
Thị trường phân bón trong nước	00

Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị sản xuất chủ lực của Tổng công ty đã vận hành gần 12 năm, mặc dù được bảo dưỡng sửa chữa lớn định kỳ và thường xuyên, nhưng đã bước vào giai đoạn tăng nguy cơ tiềm ẩn những sự cố, hỏng hóc của hệ thống máy móc, thiết bị.

RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, VẬN HÀNH NHÀ MÁY

Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị sản xuất chủ lực của Tổng công ty đã vận hành gần 12 năm, mặc dù được bảo dưỡng sửa chữa lớn định kỳ và thường xuyên, nhưng đã bước vào giai đoạn tăng nguy cơ tiềm ẩn những sự cố, hỏng hóc của hệ thống máy móc, thiết bị. Những sự cố trong vận hành nếu phát sinh sẽ dẫn tới nguy cơ nhà máy phải ngừng hoạt động để khắc phục, và thời gian dừng hoạt động của nhà máy sẽ tác động lớn đến khả năng hoàn thành chỉ tiêu sản lượng sản xuất, tiêu thụ và doanh thu, lợi nhuận. Bên cạnh đó, sự cố trong vận hành nhà máy cũng

NHẬN ĐỊNH VỀ CÁC YẾU TỐ RỦI RO CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM 2015

có nguy cơ tác động xấu đến an toàn cho môi trường, cho người lao động và tăng chi phí khắc phục.

RỦI RO VỀ NGUỒN NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Khí đầu vào là nguồn nguyên liệu chính và chiếm phần lớn trong cơ cấu giá thành sản xuất phân đạm hiện nay của Tổng công ty. Nguồn khí được Chính phủ bảo đảm cung cấp đủ tuy nhiên giá bán đã căn cứ theo giá thị trường. Giá khí biến động phụ thuộc theo thị trường cũng sẽ có thời điểm biến động ngoài tầm kiểm soát của Tổng công ty. Bên cạnh đó, do khí thiên nhiên là nguồn tài nguyên của đất nước, trong từng giai đoạn Chính phủ có thể có những điều chỉnh trong chiến lược khai thác, cung ứng phù hợp với mục tiêu tổng thể của nền kinh tế và những điều chỉnh này cũng có thể ảnh hưởng đến Tổng công ty là một đơn vị tiêu thụ khí.

RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG VÀ GIÁ BÁN SẢN PHẨM

Hiện nay, thị trường phân đạm trong nước có nhu cầu ổn định khoảng 2 triệu tấn, trong khi đó tổng năng lực cung ứng của các nhà sản xuất trong nước đạt hơn 2,6 triệu tấn. Trong những năm qua, thực tế cho thấy mặc dù đã xuất hiện mức độ cạnh tranh cao, nhưng nguồn cung từ các nhà máy trong nước chưa đạt đến mức công suất thiết kế, cộng với uy tín của sản phẩm Đạm Phú Mỹ, tổng công ty vẫn duy trì được khả năng tiêu thụ hết sản lượng sản xuất với mức giá

tốt nhất thị trường. Tuy nhiên không loại trừ rủi ro suy giảm thị phần và giá bán sản phẩm khi mà năng lực và chất lượng vận hành của các nhà sản xuất khác trong nước ngày càng tăng lên, cũng như do tác động từ các nguồn hàng nhập khẩu.

RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH VÀ MỤC TIÊU TÀI CHÍNH

Tổng công ty có một số khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào một số công ty không cùng lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính và gặp tình trạng khó khăn trong SXKD như PVTEX, PVC Mekong. Theo kế hoạch tái cấu trúc, Tổng công ty đặt ra mục tiêu thoái hết vốn khỏi các doanh nghiệp này. Tuy nhiên mục tiêu này khó có thể đạt được như mong muốn. Tổng công ty đã có các biện pháp trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản vốn đầu tư, tuy nhiên trong quá trình tìm kiếm phương án thoái vốn Tổng công ty phải triển khai một số hoạt động hỗ trợ giúp các công ty này nâng cao dần hiệu quả hoạt động nhằm thu hút các nhà đầu tư khác. Những biện pháp hỗ trợ này trước mắt có khả năng phát sinh thêm chi phí cho Tổng công ty.

2,6
SẢN LƯỢNG PHÂN ĐẠM CỦA CÁC
NHÀ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC TRIỆU TẤN

TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ SXKD NĂM 2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ so với năm 2014 (%)	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Sản lượng sản xuất						
	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	850	780	819	96%	105%
2	Sản lượng phân bón nhập khẩu	Nghìn tấn	144	255	301	177%	118%
3	Sản lượng kinh doanh						
	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	843	800	835	99%	104%
	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	380	339	370	97%	109%
	Hóa chất	Nghìn tấn	3,8	3,5	4,6	121%	131%
4	Chỉ tiêu tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)						
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	9.972	9.246	10.047	101%	109%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.285	1.293	1.880	146%	145%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.096	1.047	1.488	136%	142%
	Nộp NSNN	Tỷ đồng	308	316	436	141%	138%
5	Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ						
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	8.694	6.374	8.368	96%	131%
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.800	3.800	3.800	100%	100%
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.001	8.068	8.616	108%	107%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.181	1.242	1.738	147%	140%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.066	1.018	1.468	138%	144%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	28,06	25,39	38,63	138%	152%
	Nộp NSNN	Tỷ đồng	214	271	363	169%	134%
6	Đầu tư						
a.	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	262	1.389	979	374%	71%
	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	160	1.288	893	558%	69%
	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	74	101	86	116%	85%
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng	29	-	-	-	-
b.	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	262	1.389	979	374%	71%
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	262	1.110	757	289%	68%
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	0	279	222	-	80%

NHỮNG THAY ĐỔI, BIẾN ĐỘNG LỚN VỀ CHIẾN LƯỢC
KINH DOANH, DOANH THU, LỢI NHUẬN, CHI PHÍ, THỊ TRƯỜNG,
SẢN PHẨM VÀ NGUỒN CUNG CẤP – ĐÁNH GIÁ NGUYÊN NHÂN

So với nhận định, kế hoạch, mục tiêu đề ra, thực tế năm 2015 có thể nhận diện hoạt động SXKD của Tổng công ty có những thay đổi, biến động nổi bật như sau:



- » **Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2014** có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 xếp ngành SXKD phân bón vào diện không chịu thuế GTGT đầu ra thay vì chịu thuế suất 0% như trước. Điều này dẫn tới khoản thuế GTGT đầu vào của Tổng công ty không được khấu trừ từ đó làm tăng chi phí đầu vào xấp xỉ 300 tỷ đồng.
- » **Giá dầu, khí thị trường thế giới năm 2015 có sự sụt giảm liên tục.** Điều này có mặt tích cực khiến cho chi phí khí nguyên liệu đầu vào của Tổng công ty giảm 38% so với dự kiến.
- » **Các khoản vốn đầu tư dài hạn, trong đó chiếm tỷ trọng lớn** là vốn đầu tư vào 2 đơn vị PVTEX và PVC Mekong, phải trích lập dự phòng tổn

thất khá lớn, khoảng 663 tỷ đồng.

» **Với những biến động tăng và giảm trong chi phí sản xuất** như trên, cân đối trong kết quả SXKD thì chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện năm 2015 vẫn đảm bảo vượt so với kế hoạch đề ra.

» **Về chính sách, sản lượng kinh doanh, doanh thu, thị phần, nguồn cung cấp...** được Tổng công ty duy trì và thực hiện theo dự kiến.



PHÂN TÍCH CÁC MẢNG NỔI BẬT
TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH

VỀ SẢN XUẤT

Nhà máy đạm Phú Mỹ đã hoàn thành kế hoạch sản xuất trước 26 ngày, sản lượng cả năm đạt 819 ngàn tấn, vượt 5% so với kế hoạch, đánh dấu thành tích 9 năm liên tục vận hành an toàn, ổn định, vượt công suất thiết kế và về đích trước kế hoạch sản lượng.

VỀ KINH DOANH & TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Kinh doanh hiệu quả 1,2 triệu tấn phân bón (835 ngàn tấn ĐPM - vượt 4% KH và 370 ngàn tấn phân bón khác-vượt 9% KH) và 4,6 nghìn tấn hóa chất - vượt 31% KH, cùng với đó là:

- » Giữ vững thương hiệu “Đạm Phú Mỹ” ở vị trí số 1;
- » Chất lượng sản phẩm “Phú Mỹ” tiếp tục được khẳng định: Bộ sản phẩm Phú Mỹ (Urê, Kali, DAP) được Bộ Nông lâm thủy sản Nhật Bản cấp GCN đạt tiêu chuẩn chất lượng của Nhật Bản.
- » Từng bước khẳng định vị thế trong sản xuất kinh doanh hóa chất, hóa phẩm dầu khí: Tiếp theo năm 2014 (đưa Xưởng phối trộn hóa chất dầu khí đi vào hoạt động thương mại), ngày 12/12/2015 Tổng công ty đã khánh thành Xưởng sản xuất UFC85/

Formaldehyde 15 ngàn tấn/năm và đã thương mại sản phẩm, đã khẳng định sự phát triển không ngừng trong lĩnh vực SXKD hóa chất của Tổng công ty.

» Doanh thu năm 2015 đạt 10.047 tỷ đồng, đạt 109% kế hoạch, tăng 1% so với cùng kỳ 2014.

» Lợi nhuận trước thuế: 1.880 tỷ đồng - đạt 145% kế hoạch năm, tăng 46% so với cùng kỳ năm 2014 chủ yếu do giá khí đầu vào bình quân năm 2015 giảm chỉ còn 4,22 USD/MMBTU, giảm 38% so với năm 2014 (4,22/ 6,78 USD/MMBTU).

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ DỰ ÁN VÀ ĐẦU TƯ KHÁC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN

Xác định tầm quan trọng của công tác nghiên cứu phát triển đối với sự phát triển của Tổng công ty, trong năm 2015, PVFCCo đã quyết liệt triển khai các giải pháp (quản lý, phân bổ nguồn lực, lập kế hoạch trung và dài hạn) để đổi mới và nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu phát triển theo hướng chú trọng khả năng ứng dụng, bám sát nhu cầu thị trường đồng thời tận dụng các lợi thế sẵn có của Tổng công ty và của ngành dầu khí.

Tổng nguồn Quỹ phát triển Khoa học - Công nghệ trích lập đến hết năm 2015 đạt 57 tỷ đồng và đã sử dụng 29,7 tỷ đồng, nguồn tài trợ cho công tác nghiên cứu phát triển của Tổng công ty được tăng cường nhằm xây dựng một số cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác nghiên cứu phát triển và khoa học công nghệ.

Các nội dung nghiên cứu trọng tâm trong năm 2015 cũng như trong kế hoạch giai đoạn 2014 - 2017 gồm các sản phẩm phân bón trên nền ure (nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, nghiên cứu kết hợp ure với các thành phần trung vi lượng, hữu cơ, vi sinh), các sản phẩm phân bón và hóa chất đặc thù (kết hợp khoáng với hữu cơ, tối ưu công thức NPK, sản phẩm

phân bón hỗn hợp khoáng cao, các sản phẩm hóa chất, phân bón từ phế phẩm nông nghiệp, phân bón hòa tan kết hợp hệ thống tưới, ...).

Trong năm 2016, Tổng công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh các nghiên cứu có khả năng ứng dụng cao, nghiên cứu các mô hình quản lý hoặc giải pháp kinh doanh mới phù hợp với quy mô phát triển, đồng thời trang bị cơ sở vật chất cho công tác nghiên cứu phát triển (xưởng sản xuất thực nghiệm, phòng thí nghiệm, vườn thực nghiệm...) nhằm tăng tính chủ động, kịp thời triển khai các ý tưởng sáng tạo có triển vọng. Bên cạnh đó, Tổng công ty tăng cường việc hợp tác với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài nước để nghiên cứu, phát triển các sản phẩm phân bón, hóa chất mới và có tiềm năng sản xuất kinh doanh.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT



5 – 10%. Dự án đang được triển khai theo tiến độ, dự kiến hoàn thành trong năm 2017.

Dự án xưởng sản xuất hóa chất UFC85/Formaldehyde công suất thiết kế 15.000 tấn/năm, tổng mức đầu tư là 497 tỷ đồng. UFC85 là một phụ gia quan trọng trong quá trình sản xuất ure, làm tăng độ cứng, độ bền và giảm mật của sản phẩm. UFC85 giúp cho sản phẩm Đạm Phú Mỹ dẻo dai hơn trong quá trình vận chuyển, đảm bảo chất lượng đến tận tay người tiêu dùng. Hiện tại Tổng công ty là nhà sản xuất trong nước đầu tiên cung ứng sản phẩm này. Dự án đã hoàn thành tháng 12/2015, năm 2016 bắt đầu sản xuất kinh doanh thương mại với sản lượng dự kiến 13.500 tấn UFC85/Formaldehyde, góp phần gia tăng giá trị thương hiệu của PVFCCo.

Các dự án đang nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn từ 2015 – 2020: PVFCCo đang từng bước phát triển cả về quy mô và chủng loại sản phẩm mới trên cơ sở tận dụng các thế mạnh của PVFCCo và ngành dầu khí. Một số dự án đầu tư thuộc lĩnh vực chế biến đang được triển khai nghiên cứu:

» Dự án sản xuất Ôxy già (H_2O_2) công suất thiết kế 30.000 tấn/năm, với TMĐT khoảng 21 triệu USD. Đây là một hóa chất được sử dụng vào trong nhiều khâu sản xuất công nghiệp nhất là thị trường công nghiệp giấy và nhuộm. Xưởng H_2O_2 sẽ sử dụng nguyên liệu chính là khí giàu hydro và một số phụ trợ, tiện ích từ Nhà máy Đạm Phú Mỹ.

» Dự án Nhà máy sản xuất Polystyrene (PS) công suất thiết kế 300.000 tấn/năm: Nhựa PS, PP là các sản phẩm hóa dầu, được sử dụng nhiều trong công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp phụ trợ hiện trong nước đang thiếu hụt lượng lớn.

Theo kế hoạch năm 2015, PVFCCo triển khai 1 dự án nhóm A, 2 dự án nhóm B và 2 dự án nhóm C và một số hạng mục mua sắm tài sản cố định với tổng mức đầu tư xây dựng và mua sắm là 1.389 tỷ đồng.

Năm 2015 Tổng công ty đã giải ngân được 959 tỷ đồng đạt 69% kế hoạch năm. Đây là mức giải ngân đầu tư xây dựng, mua sắm cao nhất từ trước đến nay, đánh dấu nỗ lực của PVFCCo trong việc lựa chọn các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực mạnh của mình, kinh doanh các sản phẩm chính và cốt lõi,

chú trọng đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tạo sự khác biệt với các sản phẩm cùng loại trên thị trường.

Các dự án tiêu biểu đã và đang triển khai trong năm 2015:

Tổ hợp dự án “Nâng công suất phân xưởng NH_3 của nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng NM sản xuất NPK công nghệ hóa học”: Đây là dự án nâng công suất xưởng sản xuất NH_3 hiện tại của nhà máy đạm Phú Mỹ thêm 90.000 tấn/năm (tăng khoảng 20% công suất hiện có) và xây dựng nhà máy sản xuất 250.000 tấn NPK/năm từ nguồn NH_3 bằng công nghệ hóa học. Tổng mức đầu tư cho tổ hợp dự án gần 5.000 tỷ đồng. Dự án mang tính khả thi cao trong điều kiện nhu cầu thị trường NPK trong nước mỗi năm cần hơn 2 triệu tấn nhưng sản xuất sản phẩm chất lượng cao, công nghệ hiện đại mới chỉ đáp ứng khoảng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ GÓP VỐN

Tình hình tài chính năm 2015 của các công ty có liên quan (ĐVT: tỷ đồng)

STT	Nội dung	Tỷ lệ góp vốn	Tổng giá trị đầu tư thực tế	Vốn Điều lệ	Lợi nhuận sau thuế	LNST/VĐL	Cổ tức nhận trong năm 2015
I	Đầu tư vào Công ty con		445,05	587,25	134,30		60,57
3	PVFCo North	75,00%	90,00	120,00	25,18	21%	8,10
4	PVFCo Central	75,00%	75,00	100,00	27,96	28%	12,00
1	PVFCo SE	75,00%	93,75	125,00	27,28	22%	17,81
2	PVFCo SW	75,00%	127,50	170,00	32,04	19%	19,13
6	PVFCo SBD	81,38%	58,80	72,25	6,22	9%	3,53
II	Đầu tư vào Công ty Liên doanh liên kết		680,90	2.487,80	- 1.300,08		3,09
1	PVTEX	25,99%	562,70	2.165,11	- 1.308,00	-60%	-
2	PVC Mekong	35,63%	100,00	280,69	- 3,19	-1%	-
3	PVFCo Packaging	43,34%	18,20	42,00	11,11	26%	3,09
III	Đầu tư dài hạn khác		20,50	396,35	- 74,48		-
1	PAIC	8,50%	3,60	42,35	2,23	5%	-
2	Công ty CP Thủy Hải sản Útxi	6,78%	16,90	354,00	- 76,71	-22%	-
TỔNG CỘNG			1.146,45	3.471,40	-1.240,25	-	-

TÌNH HÌNH

TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY



TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu (ĐVT: tỷ đồng)	31/12/2014	31/12/2015	Tỷ lệ tăng (giảm)
TỔNG TÀI SẢN	10.111	10.919	8%
Tài sản ngắn hạn	7.200	8.082	12%
Tài sản dài hạn	2.910	2.837	-3%
TỔNG NGUỒN VỐN	10.111	10.919	8%
NỢ PHẢI TRẢ	1.106	2.372	114%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	9.005	8.548	-5%
- Vốn điều lệ	3.800	3.800	0%
TỔNG DOANH THU	9.972	10.047	1%
TỔNG CHI PHÍ	8.408	7.969	-5%
LÃI VAY	2,9	2,6	-11%
EBIT	1.567	2.081	33%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.285	1.880	46%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	1.134	1.522	34%
-LNST cổ đông thiểu số	38	34	-10%
-LNST Công ty mẹ	1.096	1.488	36%

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	6,90	4,40
Hệ số thanh toán nhanh	5,47	3,66
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	10,94%	21,72%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	12,59%	27,75%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	6,40	7,13
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	94%	89%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	11,48%	15,24%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu	13%	19%
ROE	12,47%	17,41%
ROA	10,84%	13,63%

VỐN CỔ PHẦN

- » Tổng số cổ phần của Tổng công ty khi phát hành lần đầu (IPO) ra công chúng: 380.000.000 cổ phần, tất cả đều là cổ phần phổ thông.
- » Số cổ phần đang lưu hành: Tại thời điểm cuối năm 2015, tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng công ty là 379.934.260 cổ phiếu (trừ 65.740 cổ phiếu quỹ).
- » Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không có.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2015, Tổng công ty không tăng vốn cổ phần.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

- » Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời điểm đầu năm 2015: 65.740 cổ phần.
- » Trong năm 2015, Tổng công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ. Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2015: 65.740 cổ phần.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG DO TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM LẬP NGÀY 30/12/2015, TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH LÀ **379.934.260** CỔ PHẦN, SỞ HỮU BỞI **8.529** CỔ ĐÔNG.

CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Pháp nhân	100	243.654.592	64,13%
Cá nhân	7.848	36.183.334	9,52%
Cộng	7.948	279.837.926	73,65%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn trong nước

Tên cổ đông và địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	» Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, tàng trữ và vận chuyển dầu khí, làm dịch vụ dầu khí trong và ngoài nước; Kinh doanh vật tư, thiết bị trong ngành dầu khí; Kinh doanh, phân phối sản phẩm dầu khí và hóa dầu.	233.204.253	61,38%
Địa chỉ: 18 Láng Hạ, Q. Ba Đình, Hà Nội.			
Tập đoàn kinh tế nhà nước thuộc sở hữu của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam Website: www.pvn.vn	» Đầu tư sản xuất, kinh doanh điện, nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo; » Các ngành nghề kinh doanh phụ trợ liên quan đến lĩnh vực dầu khí, năng lượng.		

CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần đang lưu hành
Pháp nhân	119	98.731.626	25,99%
Cá nhân	462	1.364.708	0,36%
Cộng	581	100.096.334	26,35%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn nước ngoài: Không có

CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (như trên)

Năm 2015, mặc dù đối diện với không ít khó khăn, thử thách nhưng nhờ vào sự chỉ đạo sát sao và ủng hộ rất lớn của Tập đoàn, Ban lãnh đạo TCT và đặc biệt là tinh thần sáng tạo với phương thức làm việc ngày càng chuyên nghiệp, PVFCCo tiếp tục gặt hái những kết quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



ĐÁNH GIÁ CHUNG

Bước sang năm thứ 13 kể từ ngày thành lập và trải qua gần 9 năm hoạt động với mô hình công ty cổ phần, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (tiên thân là Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí) ngày càng lớn mạnh, phát triển và kết tinh những giá trị bền vững. Kế thừa và phát huy kinh nghiệm, nguồn nhân lực cùng với những thay đổi phù hợp về mô hình tổ chức, quản lý và phương thức điều hành, năm 2015, PVFCCo tiếp tục đạt được kết quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành mục tiêu phát triển thương hiệu, từng bước nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường sản xuất - kinh doanh phân bón, hóa chất trong và ngoài nước; tạo được sự yên tâm và gắn bó lâu dài đối với CBCNV trong Tổng công ty; khẳng định tính đúng đắn, phù hợp trong chiến lược kinh doanh tạo tiền đề cho sự phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn tới.

Để đạt được bước tiến trong năm 2015, Tổng công ty đã tận dụng những thuận

lợi và khắc phục những khó khăn, chủ yếu như sau:

Thuận lợi

- » PVFCCo luôn nhận được sự hỗ trợ từ Tập đoàn, các đơn vị trong Ngành và các Bộ, Ngành có liên quan.
- » Chất lượng và thương hiệu Đạm Phú Mỹ luôn tạo được uy tín tốt đối với khách hàng.
- » Hệ thống phân phối phân bón được triển khai sâu, rộng đến các vùng tiêu thụ.
- » Nguồn khí đầu vào đáp ứng đủ cho công suất hoạt động tối đa Nhà máy Đạm Phú Mỹ.
- » Nguồn vốn được đảm bảo đủ và kịp thời cho hoạt động sản xuất và kinh doanh.
- » Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được sắp xếp hợp lý. Các phòng ban nghiệp vụ hoạt động theo quy chế phân cấp tổ chức và điều hành một cách rõ ràng. Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ luôn được sửa

đổi, bổ sung phù hợp với hoạt động của Tổng công ty theo từng thời kỳ.

- » Đội ngũ cán bộ nhân viên Tổng công ty có năng lực, kinh nghiệm và đang dần được trẻ hóa, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong môi trường sản xuất kinh doanh cạnh tranh.
- » Truyền thống đoàn kết, lao động sáng tạo, sự nỗ lực cống hiến của toàn thể CBCNV Tổng công ty.

Khó khăn

- » Cạnh tranh ngày càng gay gắt; Cung ure tiếp tục gia tăng (cao hơn cầu)→ giá giảm.
- » Chính sách thuế mới từ 01/01/2015: không được khấu trừ thuế VAT đầu vào cho sản xuất, kinh doanh phân bón dẫn đến chi phí đầu vào tăng.
- » Máy móc thiết bị qua thời gian dài vận hành đòi hỏi sự bảo dưỡng, sửa chữa nhiều hơn và gia tăng rủi ro trong hoạt động.
- » Hàng giả và kém chất lượng trên thị trường phân bón chưa được kiểm soát chặt chẽ.

KẾT QUẢ SXKD TRONG NĂM

10.047
DOANH THU
NGHÌN TỶ ĐỒNG
VƯỢT 9% KH

1,88
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
NGHÌN TỶ ĐỒNG
VƯỢT 45% KH

819
SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT
NGHÌN TẤN ĐẠM PHÚ MỸ
(CHƯA BAO GỒM NH₃ QUY ĐỔI)

835
SẢN LƯỢNG KINH DOANH
NGHÌN TẤN ĐẠM PHÚ MỸ
(CHƯA KỂ CÁC LOẠI PHÂN BÓN KHÁC)
VƯỢT 4% KH KHI THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH RẤT GAY GẮT.

Đầu tư xây dựng cơ bản:

» Tổ hợp dự án lớn “Nâng công suất phân xưởng NH₃ của nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng NM sản xuất NPK công nghệ hóa học”: tức là DA nâng công suất xưởng sản xuất NH₃ hiện tại của nhà máy đạm Phú Mỹ thêm 90.000 tấn/năm (tăng khoảng 20% công suất hiện có) và xây dựng nhà máy sản xuất 250.000 tấn NPK/năm từ nguồn NH₃ bằng công nghệ hóa học được triển khai đúng tiến độ và dự kiến hoàn thành trong năm 2017. Dự án mang tính khả thi cao trong điều kiện nhu cầu thị trường NPK trong nước mỗi năm cần hơn 2 triệu tấn nhưng sản phẩm sản xuất chất lượng cao, công nghệ hiện đại mới chỉ đáp ứng khoảng 5 – 10%.

» Dự án xưởng sản xuất hóa chất UFC85/Formaldehyde công suất thiết kế 15.000 tấn/năm được hoàn thành tháng 12/2015, năm 2016 bắt đầu sản xuất kinh doanh thương mại 13.500 tấn UFC85/Formaldehyde, góp phần gia tăng giá trị thương hiệu của PVFCCo.

Công tác nghiên cứu phát triển: Các nội dung nghiên cứu được đổi mới, tập trung vào nghiên cứu ứng dụng, sớm đưa các sản phẩm nghiên cứu vào thực

tiễn kinh doanh. Kết quả đạt được đến nay là nghiên cứu thành công 4 đề án nghiên cứu phát triển. Hiện đã đưa hai sản phẩm Khoáng hữu cơ mới ra kinh doanh thử nghiệm trên thị trường.

Trong công tác tổ chức, nhân sự:

Dự án cải tiến chính sách tiền lương và Dự án KPI được áp dụng đã đem lại động lực cho CBCNV phát huy sáng tạo/cải tiến trong công việc và giúp Tổng công ty giữ chân CBCNV có trình độ cao.

Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy rằng trong năm 2015, hoạt động SX - KD của Tổng công ty cũng còn một số mặt cần hoàn thiện trong thời gian tới, đó là:

- » Tổng số nhân sự còn lớn, bộ máy chưa thực sự tinh gọn.
- » Đầu tư tài chính vào các đơn vị liên kết kém hiệu quả.
- » Một số cán bộ quản lý chưa quyết liệt, còn ngại trách nhiệm.
- » Một số bộ phận còn thiếu tinh thần xây dựng trong phối hợp xử lý công việc.

Các hạn chế này là thách thức không nhỏ mà PVFCCo cần phải khắc phục ngay khi thị trường cạnh tranh cao và ngày một gay gắt.

PHÂN TÍCH VỀ
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

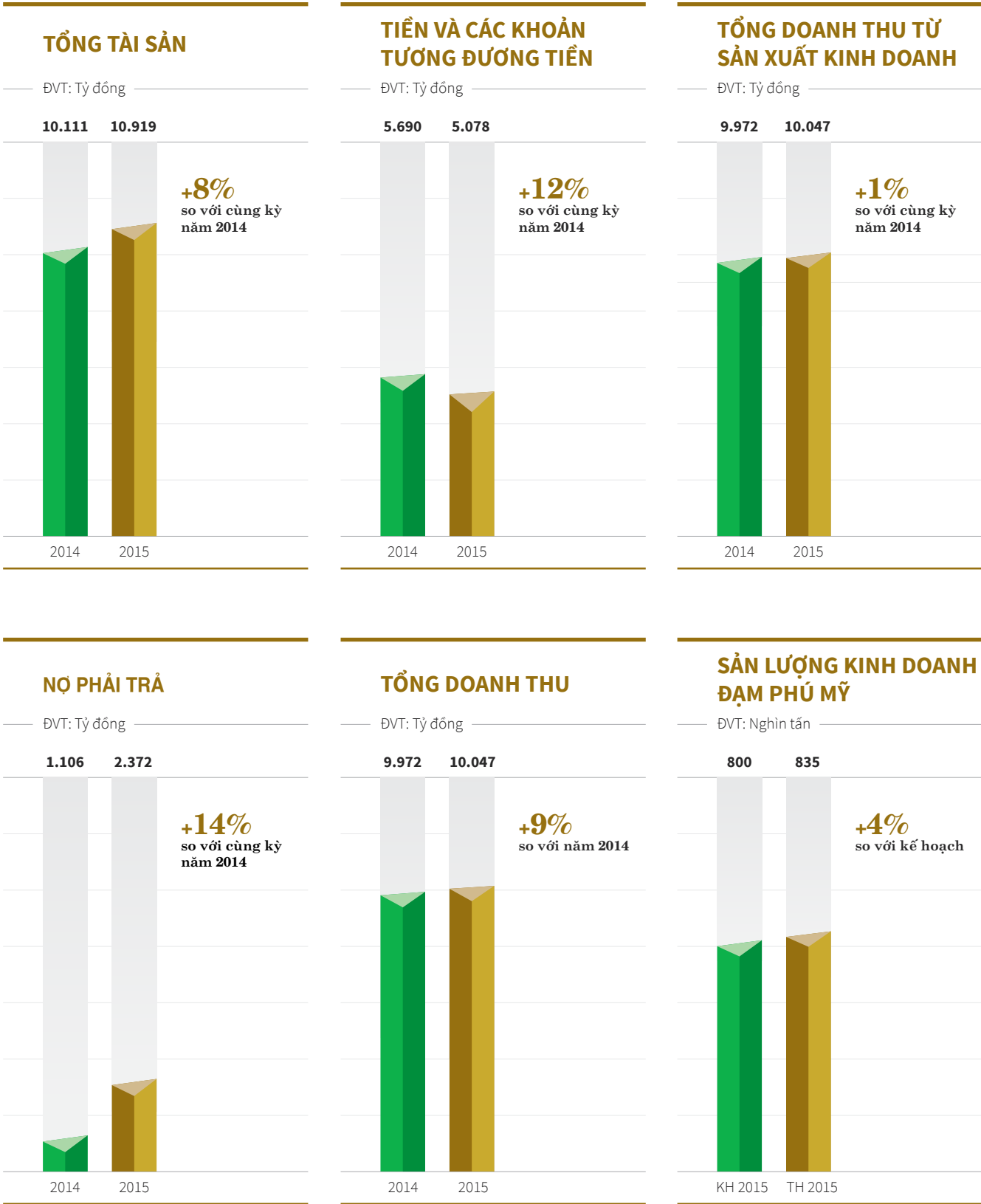
TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN CỦA PVFCCo

- » Tổng tài sản của PVFCCo tại ngày 31/12/2015 là 10.919 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2014 (10.111 / 10.111 tỷ đồng). Lượng tiền và các khoản tương đương tiền của PVFCCo tăng 12% so với cùng kỳ năm 2014 (5.690 / 5.078 tỷ đồng).
- » Trong năm 2015, PVFCCo thực hiện việc trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo quy định của Bộ Tài chính đối với công ty PVC – Mekong, PVTEX và PAIC với số tiền trích lập là 663 tỷ đồng. Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2015 tăng 8% so với cùng kỳ (10.919/ 10.111 tỷ đồng).
- » Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2015 đạt hiệu quả cao, lợi nhuận sau thuế tăng 36% so với năm 2014 đạt 142% so với kế hoạch năm 2015. Các công ty con có lợi nhuận trước thuế hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

- » Khoản nợ phải trả năm 2015 của PVFCCo là 2.372 tỷ đồng tăng 14% so với cùng kỳ năm 2015 (2.372 /1.106 tỷ đồng) do PVFCCo vay vốn ngân hàng để tài trợ cho các dự án đang triển khai.
- » Các chỉ số tổng nợ/ tổng tài sản, tổng nợ/ vốn chủ sở hữu đều cao hơn so với năm 2014 do PVFCCo bắt đầu tiến hành giải ngân cho các dự án đầu tư. Mặc dù nợ phải trả tăng nhưng - Khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh năm 2015 vẫn duy trì ở mức cao và lớn hơn 1. Điều này cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ tốt, Tổng công ty không gặp áp lực về nợ khi đến hạn phải trả, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tốt.
- » Với lượng tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ là 5.690 tỷ đồng, PVFCCo chủ động được nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch.
- » Các chỉ số về khả năng sinh lời của PVFCCo như ROE, ROA đều tăng cao so với năm 2014 do lợi nhuận cao hơn 36% so với năm 2014. Tổng công ty đảm bảo được hiệu quả sử dụng vốn của các cổ đông ở mức cao trước tình hình kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn và biến động lớn về kinh tế của thế giới.

Tổng công ty đảm bảo được hiệu quả sử dụng vốn của các cổ đông ở mức cao trước tình hình kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn và biến động lớn về kinh tế của thế giới.



CÁC ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP



Tổng công ty áp dụng mô hình quản trị gồm có Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2015.

Công tác quản trị của Tổng công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính. Tổng công ty bảo đảm môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm

chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình, góp phần giúp cho Tổng công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Tổng công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty, hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh: Hệ thống ERP, hệ thống ISO, hệ thống quản lý và đánh giá nhân viên KPI...

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

TỔNG QUAN

Năm 2015, PVFCCo tiếp tục đạt được kết quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục khẳng định chất lượng bộ sản phẩm mang thương hiệu Phú Mỹ; từng bước khẳng định vị thế trong hoạt động SXKD hóa chất, hóa phẩm dầu khí.

Năm 2015 của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo) đã trôi qua với một số điểm nổi bật về tình hình chung: Nền kinh tế Việt Nam có những điểm sáng về tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát được kiểm chế ở mức rất thấp mặc dù bối cảnh kinh tế và chính trị thế giới còn nhiều thách thức và bất ổn; Giá dầu thế giới giảm mạnh dẫn tới giá khí cũng giảm xuống mức thấp có tác dụng tích cực cho PVFCCo, tuy nhiên với đà giảm giá dầu/khí thì giá phân đạm cũng bắt đầu xu hướng giảm theo; Sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng lĩnh vực trong nước ngày càng gay gắt; Thị trường phân đạm trong nước cung vượt cầu và giá giảm theo xu hướng giá thế giới; Chi phí thuế GTGT đầu vào của PVFCCo tăng lên tương ứng với phần thuế GTGT không được khấu trừ do thay đổi luật thuế. Song, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của các cơ quan ban ngành, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, PVFCCo đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ thông qua.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2015 trong bối cảnh có những



thuận lợi và khó khăn, với những giải pháp đúng đắn PVFCCo đã tiếp tục hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 để ra, trong đó đặc biệt ấn tượng là chỉ tiêu lợi nhuận vượt kế hoạch 45%; Hoàn thành xuất sắc công tác bảo dưỡng sửa chữa lớn; Lĩnh hoạt trong chuyển đổi chế độ vận hành Nhà máy, qua đó góp phần quan trọng trong việc sản xuất và kinh doanh hiệu quả 15.000 tấn NH₃.

Bên cạnh việc luôn đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất và kinh doanh sản phẩm thế mạnh của Tổng công ty là Đạm Phú Mỹ, trong năm 2015, Tổng công ty đã chủ động đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh, đặc biệt là các sản phẩm mang thương hiệu Phú Mỹ (NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ, SA Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ,...), qua đó góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty, đồng thời khai thác tối đa lợi thế của hệ thống phân phối PVFCCo đã xây dựng. Các công ty con

trong lĩnh vực phân phối cũng đã chủ động từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh và hóa chất phục vụ dầu khí. Công tác đầu tư phát triển năm 2015 đã có kết quả đáng khích lệ với việc hoàn thành công trình Xưởng sản xuất hóa chất UFC85/Formaldehyde, phê duyệt kết quả đấu thầu và lựa chọn được nhà thầu triển khai dự án đầu tư nâng công suất phân xưởng NH₃, Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học... theo tiến độ đề ra.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Tổng công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch trong các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Năm 2015, bên cạnh việc tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp: ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001:2004; hệ thống: ERP, STOP, 5S, SixSigma, CBM, RCA, FMEA, RBI, RCM,...

Tổng công ty đã hoàn thành đề án xây dựng Bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI và đề án Cải tiến chính sách tiền lương (3P) nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và hiệu quả. Bộ máy Kiểm toán

nội bộ đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm toán, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác Quản trị rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.



NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ CẦN KHẮC PHỤC

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2015, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, cụ thể như sau:

Về nghiên cứu, sản xuất

Công tác nghiên cứu phát triển nhằm đa dạng hóa sản phẩm chưa tạo ra sản phẩm mới để thương mại có hiệu quả trong năm 2015. Mặc dù phát triển sản phẩm trong lĩnh vực phân bón, hóa chất không thể nhanh chóng nhưng trước yêu cầu phát triển của Tổng công ty thì mảng này cần phải được triển khai quyết liệt hơn nữa.

Về kinh doanh và xây dựng hệ thống phân phối

Hiệu quả và tỷ trọng kinh doanh các mặt hàng tự doanh (ngoài Urê) và sản phẩm hóa chất của Tổng công ty năm 2015 có bước tiến khả quan nhưng chưa đóng góp lợi nhuận như kỳ vọng. Với tình hình lợi nhuận từ kinh doanh sản phẩm Đạm Phú Mỹ không còn thuận lợi như trước, áp lực và yêu cầu hiệu quả trong mảng kinh doanh các mặt hàng khác càng cao và đòi hỏi nỗ lực hơn nữa của bộ phận kinh doanh. Trong bối cảnh mới, hệ thống phân phối cũng cần được rà soát, đánh giá để có những điều chỉnh phù hợp.

Về đầu tư góp vốn tại các doanh nghiệp liên kết

Mục tiêu thoái vốn tại các doanh nghiệp liên kết: PTEX, PVC Mekong, PAIC và Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi chưa thực hiện được trong năm 2015 như kế hoạch đề ra. Hoạt động của các công ty này trong năm 2015 tiếp tục đạt kết quả kém làm suy giảm vốn đầu tư của Tổng công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001:2004; Hệ thống quản lý và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP đã được áp dụng thành công, đề án cải cách chính sách tiền lương và đánh giá nhân viên được triển khai góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- » Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- » Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- » Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- » Hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007 và

ISO 14001:2004; Hệ thống quản lý và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP đã được áp dụng thành công, đề án cải cách chính sách tiền lương và đánh giá nhân viên được triển khai góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.

- » Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; Thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.
- » Ban Tổng giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối; Chủ động trong việc kinh doanh các mặt hàng tự doanh: NPK, Kali, DAP, SA, các mặt hàng hóa chất và bước đầu cho thấy đã có chuyển biến tốt.



CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016

Sự lao dốc của giá dầu trong năm 2015 đã tác động đáng kể đến tình hình kinh tế thế giới, đặc biệt tác động mạnh đến nền kinh tế Việt Nam trong năm 2016 nếu như giá dầu vẫn duy trì ở mức thấp như hiện nay.

Đối với ngành kinh doanh phân bón, giá dầu giảm kéo theo giá khí, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất phân đạm giảm. Tuy nhiên, mặt bằng giá phân đạm cũng sẽ giảm và thiết lập mặt bằng giá mới với độ trễ nhất định sẽ là những rủi ro, khó khăn, thách thức cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện các mục tiêu đề ra. Đối với PVFCCo, bên cạnh những khó khăn chung của ngành; Áp lực nguồn cung phân đạm

tiếp tục dư thừa khoảng 700 nghìn tấn/năm khi Nhà máy Đạm Hà Bắc hoàn thành dự án nâng công suất lên 500 nghìn tấn/năm trong năm 2015; Các dự án mới đều trong giai đoạn bắt đầu triển khai; Công tác tái cấu trúc gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là việc thoái vốn tại các công ty liên kết có hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả cũng là những thách thức đặt ra trong năm 2016 đối với Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV trong toàn Tổng công ty. Trước những khó khăn thách thức đó, Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao năm 2016, với kế hoạch, định hướng sau:



CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG TOÀN TỔNG CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Ghi chú
1	Sản lượng sản xuất			
1.1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	800.000	
1.2	UFC85/Formaldehyde	Tấn	13.500	
2	Sản lượng kinh doanh			
2.1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	830.000	
2.2	Phân bón tự doanh	Tấn	282.000	
2.3	Hóa chất	Tấn	11.966	Trong đó bao gồm 9.500 tấn UFC85/Formaldehyde

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH TOÀN TỔNG CÔNG TY (HỢP NHẤT)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	9.105
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	7.638
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.467
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.228
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	347
5.1	Thuế TNDN	Tỷ đồng	239
5.2	Các khoản thuế và nộp khác	Tỷ đồng	108

KẾ HOẠCH CÔNG TY MẸ

Kế hoạch Tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	7.939
	Trong đó: Vốn điều lệ/Vốn điều lệ bình quân	Tỷ đồng	3.914
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.427
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.428
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.212
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	31
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15
7	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	30
8	Hệ số nợ/Vốn điều lệ	lần	0,55
10	Nộp NSNN	Tỷ đồng	308
	- Thuế TNDN	Tỷ đồng	217
	- Các khoản thuế và nộp khác	Tỷ đồng	91

Kế hoạch vốn đầu tư

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	2.011,6
a	Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	1.913,9
b	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	97,7
c	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	2.011,6
a	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.364,7
b	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	647,0



ĐẠM PHÚ MỸ

12

lần liên tiếp đạt danh hiệu
HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
(28/01/2015).



TOP

5

PVFCCo nhận giải
**DOANH NGHIỆP CÓ HOẠT ĐỘNG
IR TỐT NHẤT 2014** (5/2/2015).

TOP

10

PVFCCo nhận danh hiệu
**DOANH NGHIỆP CÓ UY TÍN NHẤT
TRÊN TRUYỀN THÔNG** (13/7/2015).

Forbes
TOP

50

PVFCCo nhận giải
CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM
(17/8/2015).



ĐẠM PHÚ MỸ
nhận danh hiệu
**SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP
TIÊU BIỂU NĂM 2014**
(7/6/2015).

PVFCCo
nhận giải thưởng
QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN
(14/11/2015).

PVFCCo
nhận bằng khen
**VÌ NHỮNG THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG
CHƯƠNG TRÌNH “NGÂN HÀNG BÒ”**
(30/11/2015).

QUẢN TRỊ

DOANH NGHIỆP

Tình hình quản trị Tổng công ty	72
Báo cáo quản trị rủi ro	78
Báo cáo quan hệ nhà đầu tư	84

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị (HĐQT) đã được ĐHĐCĐ bầu lại nhiệm kỳ 2013 - 2018 gồm 5 thành viên với thông tin chi tiết như ở các phần trên, trong đó có 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch, 1 thành viên Chuyên trách, 1 thành viên kiêm Tổng giám đốc và 1 thành viên kiêm nhiệm và không điều hành. HĐQT không thành lập các tiểu ban.

Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên chuyên trách phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Tổng công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2015, HĐQT với 5 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Trong năm 2015, HĐQT họp 9 phiên họp thường kỳ và bất thường, 77 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 108 nghị quyết, quyết định và nhiều văn bản chỉ đạo khác về những nội dung quan trọng tiêu biểu sau đây:

Kế hoạch, chiến lược

- » Phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, thẩm định và phê duyệt kế hoạch năm 2016 để báo

cáo ĐHĐCĐ trong phiên họp thường niên 2016;

- » Hoàn thành Chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2035 để trình ĐHĐCĐ thông qua.

Về tổ chức - nhân sự

- » Tiếp tục chỉ đạo rà soát để thực hiện hoàn thành các mục tiêu cơ bản kế hoạch tái cấu trúc giai đoạn 2014 - 2015 của Tổng công ty.

- » Thành lập Chi nhánh Tổng công ty - Ban Quản lý dự án chuyên ngành Phân bón và Hóa chất Dầu khí.

- » Phê duyệt hệ thống thang, bảng lương và quy chế trả lương mới theo đề án KPI.

- » Phê duyệt và ban hành chỉ tiêu KPI năm 2015 của Tổng công ty.

Hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro, kiểm soát nội bộ: Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy trình và bộ máy được hoàn thiện từ dự án hỗ trợ thiết lập bộ máy kiểm toán nội bộ; Chỉ đạo thực hiện và áp dụng giai đoạn 1 hệ thống ERP và chỉ đạo nghiên cứu kế hoạch triển khai giai đoạn 2 của hệ thống ERP; Tiếp tục chỉ đạo việc áp dụng, theo dõi và điều chỉnh các bộ định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty với yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí nhằm quản lý hiệu quả chi phí và giá thành sản xuất.

Đầu tư, triển khai các dự án: Hoàn thành dự án Xưởng sản xuất hóa chất UFC85/Formaldehyde; Phê duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu EPC thuộc dự án đầu tư nâng công suất xưởng NH₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy phân NPK công nghệ hóa học.

Ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế: Quy chế Quản lý hoạt động kinh doanh phân bón; Quy chế trả lương, thưởng; Quy chế tuyển dụng nhân sự; Trình ĐHĐCĐ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ, Điều lệ Tổng công ty.

Công tác tái cơ cấu: Phê duyệt phương án giảm vốn tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (xuống 43,35%), thoái vốn toàn bộ tại Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam; Phê duyệt và chỉ đạo triển khai phương án chào bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Chế biến Thủy Hải sản Ut Xi.

Quan hệ cổ đông và chia cổ tức: Tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2015; Tổ chức thường xuyên các cuộc gặp mặt nhà đầu tư theo yêu cầu; Tổ chức gặp mặt cổ đông thường kỳ vào tháng 10/2015; Phát hành 2 Bản tin Nhà đầu tư vào Quý 3 và Quý 4, phát hành Báo cáo thường niên vào Quý 2; Quyết định chi tạm ứng cổ tức đợt 1 với tổng tỷ lệ trả cổ tức 25% mệnh giá cổ phiếu.

Bổ nhiệm cán bộ: Bổ nhiệm thay thế một số người đại diện phần vốn tại các công ty con và công ty liên kết, bổ nhiệm 1 thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính: Phối hợp với Ban kiểm soát để thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của ĐHĐCĐ.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên họp giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát thực hiện của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- » Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.

- » Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.

- » Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng giá sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách nhân viên, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm...

- » Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, thông

qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT.

- » Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Thành viên HĐQT Đinh Quang Hoàn, hoạt động kiêm nhiệm tại HĐQT và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của HĐQT; Tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của HĐQT cho đến thời điểm gửi đơn từ nhiệm thành viên HĐQT (ngày 27/08/2015).

BỒI DƯỠNG, ĐÀO TẠO NÂNG CAO KIẾN THỨC QUẢN TRỊ CÔNG TY CHO CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm và được đào tạo về Quản trị công ty tại thời điểm được bầu và bổ nhiệm.

Các thành viên HĐQT luôn chủ động bồi dưỡng, đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức về Quản trị công ty để đáp ứng yêu cầu công việc.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015

Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT, BĐH, các cuộc họp giao ban Kế toán trưởng và tổ chức 4 cuộc họp định kỳ theo từng quý để lấy ý kiến của các thành viên thông qua các nội dung, các kiến nghị trước khi ban hành ý kiến thiết thực trong quá trình quản trị doanh nghiệp đến HĐQT, BĐH và trình ĐHĐCĐ.

Mục tiêu trọng tâm là nâng cao hiệu quả kiểm tra giám sát theo kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt, Ngay từ đầu năm 2015 Ban kiểm soát Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí tăng cường giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT; kiểm tra việc sử dụng và bảo toàn vốn; việc chấp hành điều lệ/ nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Lương thưởng, thù lao và chi phí hoạt động của 3 thành viên BKS trong đó 2 thành viên chuyên trách được hưởng lương theo Hệ thống thang, bảng lương thưởng của TCT và 1 thành viên kiêm nhiệm hưởng thù lao đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua như sau:

ĐVT: Triệu đồng				
TT	Họ và tên	Tiền lương Thù lao	Tiền thưởng phúc lợi	Tổng thu nhập
1	Trần Thị Phương Thảo	616	326	943
2	Lê Vinh Văn	412	208	620
3	Nguyễn Văn Hòa	36	0	36
Tổng cộng		1.064	534	1.598

Chi phí hoạt động của Ban và của từng thành viên năm 2015 là 680 triệu đồng, được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành, các cuộc họp giao ban Kế toán trưởng và tổ chức 4 cuộc họp định kỳ theo từng quý để lấy ý kiến của các thành viên thông qua các nội dung các kiến nghị trước khi ban hành ý kiến thiết thực trong quá trình quản trị doanh nghiệp đến HĐQT, Ban điều hành và trình ĐHĐCĐ.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA TCT

Với tình hình biến động giá dầu thế giới giảm sâu, giá khí đầu bình quân giảm 2,56 USD/MNBTU tương đương 38% so với năm 2014 vì vậy giá thành ure Phú Mỹ giảm 20,8%, trong khi giá phân bón giảm, một số nhà máy sản xuất phân bón mới vận hành 100% công suất nên việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Lợi nhuận trước thuế 1.880 tỷ đồng đạt 145% kế hoạch.

Trong năm 2015, TCT thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2014 số tiền là 1.500 đồng/ cổ phần (tương đương 15% mệnh giá cổ phần), Chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng tiền mặt 2.500 đồng/cổ phần (tương đương 25%).

Tổng công ty luôn duy trì tình hình tài chính lành mạnh, bảo toàn vốn tạo sự phát triển bền vững và có uy tín trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp phân bón, với các biện pháp tiết kiệm chi phí nên các Công ty con hoạt động đều có lãi, hiệu quả kinh doanh ổn định.

Về Hoạt động sản xuất, kinh doanh

Nhà máy đạm Phú Mỹ đã cải tiến công nghệ, sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, tăng cường công tác tổ chức kiểm tra tình hình sử dụng máy móc thiết bị, kịp thời phát hiện mọi sự bất thường và đưa ra những biện pháp, kế hoạch xử lý kịp thời nhằm hạn chế tối thiểu thời gian dừng Nhà máy, vận hành ổn định an toàn và hiệu quả, tiến hành bảo dưỡng tổng thể trong thời gian 23 ngày, sản xuất đạt sản lượng 851 ngàn tấn Urê quy đổi.

Với tình hình kinh doanh phân bón ngày càng cạnh tranh gay gắt, lượng cung urê tiếp tục gia tăng, cao hơn nhu cầu sử dụng kéo theo giá giảm, từ 01/01/2015 Chính sách thuế mới áp dụng “không được khấu trừ thuế VAT đầu vào cho sản xuất, kinh doanh phân bón” nên chi phí giá thành tăng tương ứng, TCT tiếp tục kiện toàn hệ thống phân phối, tăng cường chăm sóc khách hàng.

Về Công tác quản trị

Tổng công ty tiếp tục sửa đổi và ban hành một số Quy định/Quy chế phù hợp với quy định mới và tình hình thực tế của TCT: Quy chế điều chỉnh lương chức danh hàng năm, Bổ sung Quy chế trả lương, xếp lương chức danh đối với Người đại diện của TCT, phân phối Quỹ phúc lợi, Ban hành lại chỉ tiêu KPI năm 2015, Bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo cấp cao, 1 thành viên HĐQT có đơn từ nhiệm từ tháng 8 năm 2015.

Về Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp

Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc toàn diện về tổ chức, bộ máy quản lý, cơ cấu vốn, nhân lực, sản phẩm, thị trường đã chính thức niêm yết 5 công ty con trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội-HNX, đã giảm tỷ lệ vốn góp tại Công ty CP Bao bì ĐPM xuống còn 43,33%, thoái toàn bộ vốn góp của PVFCCo tại PVFCCo-SBD, với số tiền lãi thu được là 4,73 tỷ đồng.

Ngày 7/7/2015 HĐQT ban hành Quyết định số 685/QĐ-PBHC về việc thành lập Chi nhánh TCT Phân bón và Hóa chất DK - Ban Quản lý Dự án chuyên ngành PB & HC DK.

Về Công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản

TCT đã tiến hành thực hiện đấu thầu Quốc tế và Ngày 6/6/2015 PVFCCo đã ký hợp đồng EPC với Nhà thầu xây dựng 2 dự án lớn NH₃ và dự án xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK hóa học, tiến hành chạy thử, nghiệm thu và đưa vào sử dụng DA xường sản xuất UFC85/formaldehyde, dự án đầu tư

hệ thống đóng bao Jumbo, Giá trị giải ngân trong ĐTXDCB & MSTTB đạt 956 tỷ đồng.

Về Công tác nghiên cứu phát triển

Tiếp tục nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm, đưa ra thị trường các dòng sản phẩm mới chuyên dụng, có chất lượng cao, thân thiện với môi trường trên nền sản phẩm Urê Phú Mỹ và NPK Phú Mỹ.

Tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, góp vốn với các đối tác trong và ngoài nước cùng triển khai các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty.



Về Công tác đầu tư tài chính

Đến 31/12/2015 tổng số vốn góp vào các công ty con và Công ty liên kết là 1.146,451 tỷ đồng giảm so với năm 2014 do thoái vốn 2 công ty, trong đó đầu tư vào Công ty con 445,046 tỷ đồng chiếm 38,8%; đầu tư vốn góp vào các công ty liên kết, dài hạn khác 701,405 tỷ đồng chiếm 61,2%.

Vốn góp 5 công ty con chiếm từ 75-81% Vốn điều lệ, TCT nắm quyền chi phối trong năm 2015 Tỷ suất LNST/VĐL của các công ty này đạt từ 19% - 28%, riêng Công ty SBD là 8,62%. Tất cả các công ty con đều hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Công tác tài chính kế toán

Trong năm 2015 Tổng công ty có 1 đoàn Thanh tra của UBCKNN theo Quyết định số 988/QĐ-UBCK ngày 17/11/2015 của Chủ tịch UBCKNN về việc duy trì điều kiện và tiêu chuẩn

niêm yết, đoàn thanh tra Bộ Tài chính, Bộ TNMT, đoàn Kiểm tra về hiệu quả công tác đầu tư xây dựng cơ bản của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam.

Năm 2015, Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính của PVFCCo, Ban kiểm soát nhận thấy BCTC đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty; việc ghi chép, phân loại và trình bày tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

Kết quả giám sát đối với HĐQT, BĐH và cán bộ quản lý khác

Ngoài các cuộc họp định kỳ hàng quý. HĐQT tổ chức các cuộc họp đột xuất lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để ra quyết định kịp thời. HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị. Ban điều hành đã chỉ đạo Cán bộ các Ban chức năng thực hiện tốt các NQ, Chỉ thị của HĐQT, ĐHĐCĐ ra các quyết định điều hành kịp thời thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Báo cáo đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và BĐH

HĐQT, BĐH đã tạo điều kiện hỗ trợ BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát việc quản lý và điều hành của TCT, duy trì mối quan hệ làm việc, phối hợp đảm bảo sự phát triển bền vững của TCT, của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ của TCT.

LƯƠNG, THUỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tổng công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách và Ban điều hành theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với người đại diện của Tập đoàn Dầu khí, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Tổng công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên.

Đối với các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Tổng công ty thực hiện chế độ thù lao công việc

CHI TIẾT TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ TIỀN THUỞNG NĂM 2015

TT	Họ & tên người đại diện	Chức danh	Tiền lương - Thù lao (triệu đồng)	Tiền thưởng - phúc lợi (triệu đồng)	Tổng thu nhập (triệu đồng)
1	2	3			
I. Hội đồng quản trị			2.938	1.805	4.743
1	Lê Cự Tân	Chủ tịch HĐQT	743	501	1.244
2	Cao Hoài Dương	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	779	522	1.301
3	Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT	660	415	1.075
4	Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên HĐQT	636	367	1.003
5	Đình Quang Hoàn	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	80	0	80
II. Phó TGD, KTT			4.462	2.514	6.976
1	Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	636	367	1.003
2	Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng Giám đốc	636	367	1.003
3	Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	628	363	991
4	Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc	616	357	973
5	Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	636	367	1.003
6	Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc	693	367	1.060
7	Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng	616	326	943
III. Ban kiểm soát			1.064	534	1.598
1	Trần Thị Phương Thảo	Trưởng BSK	616	326	943
2	Lê Vinh Văn	Thành viên BSK	412	208	620
3	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên BKS kiêm nhiệm	36	0	36
Tổng cộng			8.424	4.854	13.278

Ngày 26/03/2015	Cổ đông Deutschebank AG London thông báo mua 1.150.640 cổ phiếu tăng tỷ lệ sở hữu lên 5,02%.
Ngày 30/03/2015	Cổ đông Deutschebank AG London thông báo bán 234.370 cổ phiếu giảm tỷ lệ sở hữu xuống 4,96%.
Ngày 22/04/2015	Cổ đông Deutschebank AG London thông báo mua 182.210 cổ phiếu tăng tỷ lệ sở hữu lên 5,01%.
Ngày 20/05/2015	Cổ đông Deutschebank AG London thông báo bán 140.140 cổ phiếu giảm tỷ lệ sở hữu xuống 4,97%.
Ngày 20/08/2015	Cổ đông Deutschebank AG London thông báo mua 140.880 cổ phiếu tăng tỷ lệ sở hữu lên 5,02%.
Ngày 10/09/2015	Norges Bank thông báo cùng nhóm cổ đông nước ngoài có liên quan đã tăng mua cổ phiếu đến tỷ lệ sở hữu 5,00%.
Ngày 24/12/2015	Cổ đông Deutschebank AG London thông báo bán 1.044.590 cổ phiếu giảm tỷ lệ sở hữu xuống 4,74%.
Các đối tượng khác	Không có thông báo/báo cáo giao dịch cổ phiếu.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2015, không phát sinh các giao dịch giữa Tổng công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Quản trị công ty niêm yết.



Với trách nhiệm thúc đẩy thành công dài hạn doanh nghiệp để bảo vệ lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, hài hòa với trách nhiệm xã hội, PVFCCo luôn đánh giá và kiểm soát các rủi ro gắn kết với mục tiêu chiến lược và kế hoạch hành động để tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp và phát triển bền vững.

Xác định nhóm rủi ro then chốt và triển khai hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả để đạt được các mục tiêu quan trọng:

- » Tiếp tục giữ vững vị trí số 1 về sản xuất và kinh doanh phân bón tại thị trường nội địa.
- » Vận hành xuất sắc Nhà máy đạm Phú Mỹ, đối phó với các rủi ro chính ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh như giá nguyên vật liệu đầu vào, thị trường tiêu thụ và những biến động trong môi trường kinh doanh hiện đại.
- » Triển khai thành công các dự án phân bón và hóa chất chuyên ngành nhằm đạt được chiến lược dài hạn của PVFCCo.



RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Đánh giá toàn diện công tác quản trị rủi ro gắn kết với mục tiêu chiến lược và kế hoạch hành động. Theo đó, tiếp nối 2014, trong năm 2015 PVFCCo quản trị các nhóm rủi ro trọng yếu như sau:

Trong một môi trường đầy biến động và thay đổi nhanh chóng như hiện nay, các doanh nghiệp, nhà quản trị luôn phải đối mặt với nhiều rủi ro và nó chính là yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến mục tiêu phát triển của công ty. Vì vậy, việc kiểm soát tốt các rủi ro là một điều tối quan trọng để mang lại thành công cho PVFCCo.

Để duy trì vị trí số 1 về sản xuất và kinh doanh phân bón tại thị trường nội địa, PVFCCo đã kiểm soát, xử lý rủi ro thị trường trọng yếu:

Rủi ro cung vượt cầu

Do xu thế cung vượt cầu ngày càng gia tăng nên thị trường Urê trong nước đối mặt với áp lực cạnh tranh trong hiện tại và tương lai ngày càng quyết liệt hơn. Trước những thách thức này, PVFCCo tập trung kiện toàn hệ thống phân phối trong nước phát triển có chiều sâu để tạo mối liên kết bền vững giữa Công ty mẹ với Công ty thành viên và hệ thống đại lý bao phủ khắp các vùng miền trên cả nước, duy trì lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành, đồng thời mở rộng sang thị trường nước ngoài thông qua hoạt động xuất khẩu Urê Phú Mỹ sang Malaysia, Myanmar, Thái Lan - các nước đòi hỏi tiêu chuẩn chất lượng và tính cạnh tranh về giá, đa dạng về hình thức đóng gói. Đây là một kế hoạch mang tính chiến lược giúp Tổng công ty phát triển hệ thống bán hàng ổn định và lâu dài.

Vững vàng trong thử thách để theo đuổi mục tiêu là đích đến tốt đẹp mà PVFCCo đã đạt được một số kết quả trong năm 2015:

- » Tiếp tục khẳng định thương hiệu, chất lượng sản phẩm: Đạm Phú Mỹ lần thứ 12 liên tiếp đạt danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao”; Danh hiệu “Sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu năm 2014”. Sản phẩm thương hiệu Phú Mỹ (Đạm Phú Mỹ; Kali Phú Mỹ; DAP Phú Mỹ) được Bộ Nông lâm thủy sản Nhật Bản cấp

GCN đạt tiêu chuẩn chất lượng của Nhật Bản. Đây là tiền đề quan trọng để Tổng công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các thị trường khắt khe trên thế giới.

- » Đa dạng hóa sản phẩm: Tiếp tục đa dạng hóa các sản phẩm phân bón, cùng với việc chuẩn bị thị trường cho Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học, trong thời gian qua PVFCCo đã giới thiệu và được thị trường đánh giá cao bộ sản phẩm phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ.

- » Đánh dấu bước tiến mới trong sản xuất hóa chất, hóa phẩm dầu khí: Cùng với Xưởng phối trộn hóa chất dầu khí đi vào hoạt động thương mại ổn định, cung cấp đa dạng hóa phẩm hóa chất phục vụ thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí từ năm 2014. Tháng 12/2015, PVFCCo đã hoàn thành xây dựng Nhà máy Hóa chất UFC 85/Formaldehyde công suất 15 ngàn tấn/năm, đầu năm 2016, PVFCCo chính thức có sản phẩm thương mại, đánh dấu bước tiến quan trọng trong lĩnh vực SXKD hóa chất.

- » Các hoạt động quản lý SXKD, quản trị công ty được tổ chức/thực hiện đồng bộ góp phần giúp PVFCCo hoàn thành tốt kế hoạch SXKD trong năm 2015.

Rủi ro cạnh tranh với giá phân bón thế giới

Giá phân bón trong nước bị ảnh hưởng đáng kể bởi giá phân bón thế giới, PVFCCo là nhà sản xuất phân bón luôn phải cân bằng giữa rủi ro và cơ hội để quyết định bán sản phẩm ở mức giá hợp lý sát với giá thị trường nhằm giữ vững thị phần và duy trì lợi thế cạnh tranh. Bất kỳ một sự thay đổi nào về giá phân bón thế giới cũng sẽ tác động ngay đến giá phân bón trên thị trường nội địa vì luôn phải cạnh tranh quyết liệt với phân bón nhập khẩu nước ngoài và nguồn hàng nhập khẩu tiểu ngạch các nước lân cận.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu đầu vào là nhân tố chính

Giá dầu được quyết định do tình hình tài chính, nhu cầu, nguồn cung và tình hình an ninh, kinh tế thế giới. Trong thời gian qua bức tranh về giá dầu có nhiều gam sắc màu với diễn biến phức tạp. Với đặc thù kinh doanh ngành phân bón, giá thành sản phẩm chính của PVFCCo chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi biến động của giá dầu trên thế giới, trong 2 năm qua giá dầu thế giới biến động tăng/giảm không ổn định, trong khi giá bán sản phẩm phân bón Phú Mỹ có xu hướng giảm. Việc giá dầu tăng/giảm không ổn định, ngoài tầm kiểm soát có ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch SXKD của PVFCCo. Bên cạnh đó, trong từng giai đoạn Chính phủ có thể có những điều chỉnh trong chiến lược khai thác nguồn tài nguyên đất nước, cung ứng phù hợp với mục tiêu tổng thể của nền kinh tế và những điều chỉnh này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của PVFCCo.

Lợi nhuận của PVFCCo phụ thuộc rất lớn vào biến động chi phí nguyên liệu đầu vào để sản xuất phân bón. Để xử lý rủi ro về giá khí trong việc hoạch định và thực hiện các mục tiêu kinh doanh



trong ngắn hạn, PVFCCo đã linh hoạt lập dự báo kế hoạch SXKD trên nền các kịch bản về giá dầu, giá khí để kiểm soát sự thay đổi trong điều kiện môi trường kinh doanh nhiều biến động.

Rủi ro về tính thanh khoản của khách hàng

Chính sách bán hàng và chính sách tín dụng thương mại của PVFCCo được thực hiện và kiểm soát có hệ thống từ Công ty mẹ đến các Công ty thành viên, công nợ bán hàng được quy định riêng cho từng nhóm sản phẩm, hạn mức công nợ căn cứ vào năng lực tài chính, mức độ tín nhiệm và khả năng hợp tác của từng đại lý. Tại PVFCCo, định mức vốn lưu động nói chung và định mức hàng tồn kho, công nợ nói riêng được phê duyệt và kiểm soát chặt chẽ từ khâu lượng hóa nhu cầu để cơ cấu tỷ lệ hạn mức công nợ, hàng tồn kho. Trong năm 2015, PVFCCo không xảy ra tranh chấp nợ xấu trong các giao dịch mua bán hàng.

Rủi ro trong việc phát triển sản phẩm mới

Bảo vệ môi trường sẽ thúc đẩy nhu cầu đối với các loại phân bón chất lượng

cao, các sản phẩm có sự khác biệt, đa hiệu quả, cùng với xu thế nhu cầu sử dụng phân bón của bà con nông dân ngày càng đa dạng. Trước bối cảnh này, để tăng tính cạnh tranh, giữ vững và tạo ra thị trường, PVFCCo đã không ngừng đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển nhằm đổi mới, sáng tạo, cải tiến sản phẩm, tạo ra nhiều sản phẩm khác biệt, chất lượng vượt trội để đáp ứng thị hiếu của nông dân cũng như dẫn dắt thị trường vào các sản phẩm chất lượng cao.

Thực hiện các giải pháp linh hoạt để ứng phó ảnh hưởng nhóm các rủi ro thị trường, đảm bảo triển khai kế hoạch quản trị rủi ro năm 2015 kịp thời và hiệu quả:

- » Tập trung quản trị, kiện toàn hệ thống phân phối, thực hiện phát triển chiến lược truyền thông, quản trị thương hiệu để thúc đẩy, hỗ trợ công tác bán hàng nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh và khả năng sinh lời phù hợp, khẳng định vị thế thương hiệu phân bón Phú Mỹ trên thị trường nội địa.
- » Tổ chức hệ thống kênh thông tin thông suốt từ Công ty mẹ đến các

Công ty thành viên để nắm bắt thông tin thị trường nhanh và chính xác, có khả năng ứng phó linh hoạt với diễn biến thị trường từng khu vực.

- » Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về công tác kinh doanh, thương hiệu, hội thảo về công tác thông tin thị trường góp phần quan trọng trong hoạt động quảng bá sản phẩm, hình ảnh của PVFCCo, tìm kiếm cơ hội hợp tác ở thị trường trong và ngoài nước, góp phần hoàn thiện các phương án, chiến lược kinh doanh.
- » Hoàn thiện danh mục sản phẩm theo yêu cầu của thị trường với thương hiệu Phú Mỹ thông qua việc nhập khẩu các loại phân bón

chất lượng cao.

- » Ban hành sửa đổi một số chính sách quan trọng phù hợp với tình hình kinh doanh mới: Quy chế Quản lý hoạt động kinh doanh phân bón; Quy chế quản lý và phối hợp trong hoạt động kinh doanh hóa chất; Quy chế quản lý thương hiệu và nhãn hiệu của PVFCCo,... để tăng cường công tác quản lý hoạt động kinh doanh phân bón, hóa chất trong toàn Tổng công ty, đáp ứng diễn biến thị trường trong giai đoạn mới.
- » Thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu/thoái vốn, nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng biến động môi trường kinh doanh, năm 2015

PVFCCo đã hoàn thành lộ trình công tác tái cấu trúc PVFCCo giai đoạn 1, đến nay cổ phiếu các Công ty thành viên kinh doanh phân bón: PVFCCo North, PVFCCo Central, PVFCCo SE, PVFCCo SW chính thức giao dịch trên sàn GDCK Hà Nội. Cùng với việc đưa cổ phiếu các Công ty lên sàn GDCK, PVFCCo đã giảm tỷ lệ vốn góp tại Công ty Bao bì Đạm Phú Mỹ xuống còn 43,33%, tiếp theo là hoàn thành việc thoái vốn toàn bộ tại Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam vào tháng 01/2016.

- » Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc toàn diện về tổ chức, bộ máy quản lý, cơ cấu vốn, nhân lực, sản phẩm, thị trường,...

Xác định công tác tái cấu trúc là một nhiệm vụ quan trọng nên PVFCCo đã nỗ lực triển khai nhằm tận dụng, phát huy thế mạnh và sử dụng nguồn lực hiệu quả nhất nhằm tăng năng lực cạnh tranh trong giai đoạn tới.

Ngoài các giải pháp ứng phó rủi ro thị trường triển khai theo kế hoạch hàng năm, PVFCCo còn xây dựng một chiến lược phát triển thị trường dài hạn:

- » Duy trì vị thế của PVFCCo là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phân bón số 1 trong nước; phát triển lĩnh vực sản xuất hóa chất, tập trung vào lĩnh vực hóa dầu.
- » Giữ vững thị phần Urê Phú Mỹ thông qua các giải pháp về việc tiếp tục quản lý hệ thống kênh phân phối, công tác hỗ trợ kỹ thuật, chính sách hậu mãi, đồng thời phát triển xây dựng hệ thống phân phối tại các nước có tiềm năng.
- » Đã và sẽ thực hiện một số đề tài trong kế hoạch nghiên cứu và phát triển như: Đầu tư dây chuyền sản

xuất phân bón trên nền Urê chuyên dụng với công nghệ thùng quay gia tốc (quy mô Pilot); Tiếp tục kế hoạch hóa chiến lược nhằm đa dạng hóa sản phẩm trên nền tảng Urê Phú Mỹ, nghiên cứu bộ công thức các sản phẩm NPK, phát triển các sản phẩm phân bón chức năng và ứng dụng các mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị nông nghiệp phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh của PVFCCo.

- » Triển khai các chính sách nhằm đảm bảo gìn giữ hình ảnh và thương hiệu của PVFCCo trong cộng đồng nhà đầu tư.
- » Tăng cường các giải pháp quản trị tích hợp với các hệ thống CNTT tiên tiến nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược, thúc đẩy kiểm soát tự động so với kiểm soát thủ công, tối ưu hóa công nghệ để quản lý rủi ro hiệu quả.



RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA PVFCCo

Mục tiêu vận hành xuất sắc của Nhà máy Đạm Phú Mỹ đòi hỏi các hoạt động Quản trị rủi ro tập trung vào:



Tiếp nối thành công việc quản lý vận hành năm 2014, trong năm 2015 Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã thực hiện thành công đợt Bảo dưỡng tổng thể tạo điều kiện cho việc vận hành ổn định sản xuất đạt sản lượng kế hoạch năm 2015.

Tuy nhiên, máy móc thiết bị đã vận hành 12 năm nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ sự cố làm phát sinh tăng thêm chi phí vận hành, bảo dưỡng. Những sự cố trong vận hành sẽ dẫn đến nguy cơ nhà máy phải ngừng hoạt động để khắc phục, sửa chữa và ảnh hưởng đến việc hoàn thành các mục tiêu chung của PVFCCo.

Trong năm 2015, PVFCCo đã nhận diện và xử lý thông qua các giải pháp:

» Khánh thành và đưa vào vận hành thương mại Nhà máy sản xuất

UFC85/Formaldehyde nhằm cải thiện độ cứng của hạt Urê, nâng cao chất lượng sản phẩm của chính PVFCCo và khách hàng/các Nhà máy sản xuất Urê.

» Tiếp tục duy trì theo dõi quản lý để hiệu chỉnh và ban hành các Bộ định mức kinh tế kỹ thuật gồm: Định mức tiêu hao hóa chất, vật tư, năng lượng; Định mức tiêu hao xăng dầu mỡ nhờn; Định mức vật tư dự phòng tối thiểu; Định mức vật tư phụ tùng bảo dưỡng định kỳ nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.

» Xây dựng và ban hành các phương án kỹ thuật để kịp thời đối phó với các sự cố bất thường của thực tế sản xuất. Hàng tháng kiểm tra, đánh giá vận hành sản xuất để kịp thời xử lý và có biện pháp giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và tránh sự cố. Chú trọng các biện pháp phát hiện khí để ngăn ngừa rủi ro về cháy nổ, nguy cơ về rò rỉ khí từ các mối hàn trên đường ống cao áp để đảm an toàn trong sản xuất.

» Hội thảo công tác bảo dưỡng sửa chữa lần 3 các Nhà máy khâu chế biến dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để định hướng, hoạch định

chiến lược và quản trị đối với công tác bảo dưỡng, sửa chữa.

» Triển khai và áp dụng các hệ thống phần mềm như:

Hệ thống CMMS – Computerized Maintenance Management System: các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa của Nhà máy đã được thực hiện thông qua hệ thống CMMS: từ yêu cầu công việc, lập kế hoạch thực hiện, xuất vật tư cho bảo dưỡng, lưu hồ sơ kết quả bảo dưỡng, kiểm soát tồn kho, cụ thể:

• Quản lý công tác bảo dưỡng/sửa chữa thiết bị công nghệ; Lưu trữ hồ sơ, tài liệu toàn bộ lý lịch máy móc thiết bị.

• Quản lý tồn kho, đưa danh mục vật tư tối thiểu vào hệ thống CMMS; So sánh định mức vật tư bảo dưỡng và vật tư thực tế cấp phát.

• Tự động xuất danh mục vật tư, phụ tùng theo yêu cầu của công việc bảo dưỡng.

• Lập part list thiết bị; Chuẩn hóa vật tư Nhà máy bằng hệ thống phần mềm chuẩn hóa mã vật tư

theo tiêu chuẩn Shell Mesc; Phân loại thiết bị theo tầm quan trọng.

• Triển khai phân tích MTA (Maintenance Task Analysis) và sử dụng chức năng MTA để triển khai phân tích PMO trên hệ thống CMMS.

• Hệ thống ERP: Tiếp tục chuẩn hóa thông tin vật tư và xử lý các mã trùng trên CMMS và ERP, đưa vào vận hành phân hệ Quản lý sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ.

» Ngoài ra, tiếp tục áp dụng phần mềm AIMS-Asset Integrity Management System, SYSTEM 1 và RBI - Risk Base Inspection trong quản lý công tác bảo dưỡng, đánh giá tình trạng thiết bị và thu thập dữ liệu để phân tích tìm nguyên nhân hư hỏng của máy móc thiết bị.

» PVFCCo đã thực hiện hợp đồng cung cấp thiết bị cho Hệ thống Fire and Gas (tăng các điểm đầu dò ngoài hiện trường và bổ sung điểm theo dõi trong PLC). Ngoài ra, vẫn tiếp tục

xử lý tình huống và có hiệu quả là lập ma trận bản đồ các mối hàn để theo dõi, kiểm tra hàng ngày bằng cách sử dụng thiết bị phát hiện dò khí cầm tay.

» Đánh giá, phân tích nhu cầu thị trường, giá bán sản phẩm để quyết định sản xuất ở chế độ vận hành thích hợp, nhằm tối ưu hóa lợi nhuận của PVFCCo trong từng giai đoạn.

Tiếp nối thành công trong quản trị sản xuất năm 2014, năm 2015 cũng như các năm tới, PVFCCo đã và sẽ triển khai có hiệu quả chiến lược đầu tư trọng điểm vào hệ thống quản trị sản xuất của Nhà máy, nhằm vào hiệu quả đòn bẩy để tối ưu hóa chi phí sản xuất và vận hành.

» Áp dụng có hiệu quả các hệ thống tiêu chuẩn quản lý về an toàn và môi trường như ISO 14001:2004 và OSHAS 18001:2007.



» Phát triển đội ngũ lao động đáp ứng yêu cầu sản xuất của Tổng Công ty. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo nội bộ. Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo cho các dự án.

» Tiếp tục cải tiến, hợp lý hóa sản xuất, bảo dưỡng tiếp cận theo hướng bảo dưỡng dự phòng nhằm mang tính ngăn ngừa hư hỏng đột xuất thiết bị máy móc.

» Nghiên cứu chiến lược Bảo dưỡng để đạt mức tối ưu và phù hợp với thực tế Nhà máy Đạm Phú Mỹ, duy trì việc lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ (trung hạn, ngắn hạn và dài hạn)

để đảm bảo vận hành Nhà máy Đạm Phú Mỹ an toàn, ổn định và hiệu quả.

» Tăng cường công tác tổ chức kiểm tra tình hình sử dụng máy móc thiết bị, kịp thời phát hiện mọi sự bất thường và đưa ra những biện pháp, kế hoạch xử lý kịp thời nhằm hạn chế tối thiểu thời gian dừng Nhà máy.

» Rà soát, cập nhật bảng nhận diện rủi ro và khía cạnh môi trường của Nhà máy theo quy trình.

» Hoàn thiện để án nâng cao năng lực vận hành, bảo dưỡng và hiệu quả của Nhà máy Đạm Phú Mỹ.



TẬP TRUNG NGUỒN LỰC TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG CÁC DỰ ÁN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT CHUYÊN NGÀNH NHẪM ĐẠT ĐƯỢC CHIẾN LƯỢC DÀI HẠN CỦA PVFCCo

Trong năm 2015, PVFCCo đã thực hiện triển khai một số dự án lớn trọng điểm như: Xây dựng nhà máy sản xuất NPK Phú Mỹ theo công nghệ hóa học; tiếp tục quản lý giám sát xây dựng Tổ hợp nâng công suất sản xuất NH_3 của Nhà máy đạm Phú Mỹ; Hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt, vận hành chạy thử thành công và đưa vào sử dụng dự án xây dựng xưởng UFC85/Formaldehyde.

Thực hiện triển khai định hướng chiến lược phát triển TCT giai đoạn 2015 - 2020, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là triển khai thành công các dự án đầu tư để phát triển đa dạng hóa sản phẩm. Trong năm 2015, PVFCCo đã thực hiện triển khai một số dự án lớn trọng điểm như: Xây dựng nhà máy sản xuất NPK Phú Mỹ theo công nghệ hóa học; tiếp tục quản lý giám sát xây dựng Tổ hợp nâng công suất sản xuất NH_3 của Nhà máy Đạm Phú Mỹ; Hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt, vận hành chạy thử thành công và đưa vào sử dụng dự án xây dựng xưởng UFC85/Formaldehyde. Việc quản lý

rủi ro trong quá trình triển khai các dự án để đạt được mục tiêu ban đầu là rất quan trọng. Để đạt được khát vọng vươn xa, PVFCCo đã phân tích, đánh giá và chuẩn bị các giải pháp đối phó với các yếu tố, tình huống rủi ro có khả năng xảy ra làm ảnh hưởng bất lợi đến mục tiêu của dự án, đồng thời nắm bắt cơ hội để gia tăng tối đa các yếu tố có lợi tác động tích cực đến thành công của dự án, kiểm soát chặt chẽ các mục tiêu đã đề ra như đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình và chi phí đầu tư; tối ưu công suất vận hành; chất lượng sản phẩm và định mức chi phí sản xuất.

Với thời gian, nguồn lực có giới hạn và nhiều thay đổi biến động trong quá trình triển khai dự án, việc đánh giá chính xác rủi ro có khả năng xảy ra tác động đến sự khác biệt giữa thực tế và dự báo, từ đó phân loại, khoanh vùng các rủi ro trọng yếu đối với các dự án như sau:

- » Rủi ro về kỹ thuật: là khảo sát thiết kế không chính xác, sai sót; biện pháp thi công thiếu an toàn và chậm tiến độ.
- » Rủi ro tài chính: không đủ vốn cam kết để giải ngân kịp thời cho dự án để đảm bảo tiến độ thực hiện.
- » Rủi ro kinh tế xã hội: biến động về lãi suất, tỷ giá hối đoái, lạm phát và trượt giá sẽ làm thay đổi/phát sinh tổng mức đầu tư dự án. Đồng thời với ảnh hưởng suy thoái kinh tế trong và ngoài nước cũng tác động ảnh hưởng đến Nhà thầu và Chủ đầu tư.
- » Rủi ro quản lý dự án: do năng lực quản lý và hiểu biết về dự án còn hạn chế; thiếu cơ chế phối hợp giữa nội bộ chủ đầu tư, tư vấn giám sát cũng như với Nhà thầu.



Để quản trị các rủi ro tác động qua lại lẫn nhau làm ảnh hưởng đến mục tiêu thành công của dự án, PVFCCo luôn kiểm soát chặt chẽ đồng bộ các rủi ro và đề ra các giải pháp cụ thể ngăn ngừa, kiểm soát rủi ro:

- » PVFCCo đã thành lập Ban Quản lý dự án chuyên ngành Phân bón và Hóa chất Dầu khí, trong đó đội ngũ nhận sự được lựa chọn từ trong nội bộ Tổng công ty, các vị trí chủ chốt đã từng tham gia quản lý, thực hiện dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ và quản lý vận hành xuất sắc trong những năm qua. Ban hành các quy chế, quy định thực hiện trong quản lý dự án, quy trình phối hợp giữa Ban Quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ.
- » Lựa chọn nhà thầu có nhiều kinh nghiệm trong và ngoài nước thực hiện dự án và đảm bảo năng lực theo tiêu chí đã từng thực hiện dự án tương tự.
- » Áp dụng phần mềm Primavera P6 của Oracle vào quản lý dự án.
- » Lập kế hoạch quản lý rủi ro bằng phương pháp: (i) lập bảng liệt kê các rủi ro liên quan đến các bên; (ii) Sơ đồ nhân quả (iii) Tham vấn các chuyên gia và đào tạo.
- » Thuê Tư vấn quản lý dự án từ các Công ty chuyên nghiệp với nhận sự cao cấp xứng tầm quốc tế; Thành lập Tổ giám sát đầu tư dự án với các nhân sự có kinh nghiệm lâu năm trong quản lý dự án và quản trị doanh nghiệp.
- » Các Ban chức năng PVFCCo luôn bám sát tiến độ thực hiện dự án, lập kế hoạch dòng tiền giải ngân cho dự án cũng như thời điểm vay vốn để đảm bảo lãi suất tốt nhất.



RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH VÀ MỤC TIÊU TÁI CẤU TRÚC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Nhằm hỗ trợ các đơn vị nâng cao dần hiệu quả hoạt động, PVFCCo đã tăng cường giám sát hoạt động quản trị Công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn, đồng thời triển khai một số hoạt động để hỗ trợ các đơn vị.

PVFCCo có một số khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào Công ty liên kết như Công ty PVTEX, PVC Mekong đang gặp khó khăn trong SXKD, năm 2015 PVFCCo tiếp tục trích lập dự phòng liên quan đến khoản đầu tư tại Công ty PVTEX làm phát sinh tăng chi phí. Mục tiêu của PVFCCo là thoái vốn tại các doanh nghiệp này, nhưng rất khó

khẩn tái cấu trúc hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn trong bối cảnh các công ty liên kết hiện nay. Nhằm hỗ trợ các đơn vị nâng cao dần hiệu quả hoạt động, PVFCCo đã tăng cường giám sát hoạt động quản trị Công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn, đồng thời triển khai một số hoạt động để hỗ trợ các đơn vị.





RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG, LUẬT ĐỊNH

C hính sách thuế của Việt Nam hiện nay đang còn trong giai đoạn kiện toàn nên liên tục có những thay đổi, bổ sung liên quan trực tiếp đến ngành phân bón, vì vậy, các rủi ro về áp dụng chính sách thuế, thay đổi về thuế suất đối với mặt hàng phân bón có ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động của PVFCCo.

Việt Nam phải mở cửa thị trường phân bón trong quá trình hội nhập, nhiều doanh nghiệp nước ngoài sẽ đầu tư sản xuất kinh doanh phân bón có thể thay thế một phần Urê. Những doanh nghiệp nước ngoài với kinh nghiệm, năng lực quản lý kinh doanh tốt sẽ trở thành những đối thủ mạnh tại Việt Nam.

Phân bón giả, kém chất lượng chưa được quản lý chặt chẽ dẫn đến thiệt thòi cho những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nghiêm túc như PVFCCo.

Chính sách thuế của Việt Nam hiện nay đang còn trong giai đoạn kiện

toàn nên liên tục có những thay đổi, bổ sung liên quan trực tiếp đến ngành phân bón, vì vậy, các rủi ro về áp dụng chính sách thuế, thay đổi về thuế suất đối với mặt hàng phân bón có ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động của PVFCCo, chính sách thuế áp dụng cho mặt hàng phân bón thuế suất từ 5% trở thành mặt hàng không áp dụng thuế suất GTGT làm tăng chi phí đầu vào của sản phẩm phân bón. Để tối thiểu hóa các ảnh hưởng từ sự thay đổi của chính sách thuế, định kỳ hàng năm PVFCCo tổ chức các đợt đào tạo, huấn luyện để cập nhật thay đổi về chính sách thuế và các văn bản pháp luật liên quan.

Không những chú trọng để công tác quản trị rủi ro có trọng tâm chiến lược đi cùng với quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ tiên tiến, PVFCCo cũng không ngừng xây dựng và triển khai có hệ thống các giải pháp nhằm phát huy vai trò và cải tiến năng lực của chức năng Kiểm toán nội bộ - một chức năng quan trọng trong hoạt động quản trị rủi ro, tạo cơ sở vững chắc để “Hàng phòng vệ” này phục vụ tốt hơn nữa công tác tham vấn cho HĐQT và Ban kiểm soát. Trong năm 2015, Ban Kiểm toán nội bộ đã tiếp tục triển khai các đợt kiểm toán:

» Một đợt kiểm toán định kỳ có kết hợp các chuyên gia/chuyên viên nội bộ thuộc các lĩnh vực chuyên môn khác nhau kiểm tra tổng thể các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Chi nhánh và Công ty thành viên với chương trình kiểm toán được xây dựng dựa trên các nhóm rủi ro tại PVFCCo.

» Các đợt kiểm toán theo chuyên đề dựa trên cơ sở các nhóm rủi ro về: (i) Hoạt động Logistics và công tác thị trường, (ii) Hoạt động mua sắm hàng hóa/thuê dịch vụ tại Khối văn phòng TCT và Công ty thành viên của PVFCCo.

» Ngoài ra, Bộ phận kiểm toán nội bộ (KTNB) đã phối hợp với tổ chức tư vấn đào tạo triển khai xây dựng cải tiến hệ thống báo cáo quản trị tại PVFCCo theo các thông lệ tiên tiến. Trong năm 2016, bộ phận kiểm toán nội bộ PVFCCo tiếp tục triển khai kế hoạch đã được xây dựng trong năm 2015 bằng việc phối hợp với các Tổ chức tư vấn quốc tế triển khai phạm vi công việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện khung quản trị doanh nghiệp mà giai đoạn trước mắt là rà soát danh mục rủi ro, xây dựng ma trận tuân thủ và tối ưu hóa quy trình tác nghiệp.



» Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ thường niên, Ban KTNB không ngừng bổ sung, hoàn thiện Danh mục các điểm kiểm soát trọng yếu và đánh giá hiệu quả kiểm soát nhằm duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ vận hành một cách hữu hiệu và hiệu quả. Ngoài ra, các kết quả KTNB được đưa vào nội dung các phiên họp thường kỳ của HĐQT để tăng cường công tác quản trị tại PVFCCo.

» Tư vấn, tham mưu cho HĐQT trong việc hạn chế, ngăn ngừa các rủi ro thông qua việc thẩm tra, thẩm định các báo cáo do Ban điều hành đệ trình thuộc thẩm quyền xử lý và quyết định của HĐQT.

Tại PVFCCo không chỉ chú trọng đến công tác quản trị rủi ro có mục tiêu mà còn tập trung các nguồn lực khác để không ngừng triển khai đồng bộ các các giải pháp nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp nói chung:

» Triển khai tích hợp Quản trị rủi ro vào các quy trình quản trị, đặc biệt chú trọng đến công tác dự báo và lập kế hoạch kinh doanh; hệ thống quản

trị nguồn lực tổng thể của doanh nghiệp không ngừng được cải tiến và nâng cao, trên cơ sở đã triển khai thành công hệ thống quản lý tổng thể nguồn lực doanh nghiệp - ERP giai đoạn 1, năm 2015 PVFCCo đã chính thức vận hành hệ thống ERP giai đoạn 2 với Phân hệ lập kế hoạch và dự báo - HPM (Hyperion Planning Management), Phân hệ quản lý sản xuất - OPM (Oracle Processing Manufacturing) và tiếp theo là giai đoạn 3 với Phân hệ báo cáo thông minh BI (Business Intelligence), tiến

đến tối đa hóa kiểm soát tự động và kiểm soát trực tiếp trên hệ thống.

» Hoàn thành Dự án cải cách chính sách cải cách tiền lương tạo bước đột phá trong phân phối thu nhập để tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc mà cụ thể là: Sửa đổi hệ thống thang bảng lương; Xây dựng khung năng lực các vị trí chức danh và hệ thống đánh giá KPIs giúp Ban lãnh đạo đánh giá việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh bộ phận và mục tiêu tổng thể của PVFCCo.

V ới quan điểm “Phát triển bền vững, hiệu quả và nhân văn” cùng với việc không ngừng đẩy mạnh công tác quản trị theo các thông lệ tiên tiến, Ban lãnh đạo PVFCCo quyết tâm hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp – ERM (Enterprise Risk Management), hướng đến tính chiến lược để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiếp tục duy trì vị thế, thương hiệu của PVFCCo trong cộng đồng các nhà đầu tư”.

CHỦ ĐỘNG KẾT NỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐẦU TƯ

Ngoài việc tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên, Ban lãnh đạo PVFCCo và Tổ IR thường xuyên trao đổi thông tin với nhà đầu tư trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức như tiếp xúc định kỳ, gặp mặt riêng lẻ, trả lời qua email, điện thoại. Bên cạnh đó, PVFCCo cũng tích cực tham gia các sự kiện, diễn đàn dành cho nhà đầu tư trong nước và quốc tế nhằm mở rộng cơ hội giao lưu và hợp tác.

MINH BẠCH VÀ KỊP THỜI TRONG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ngoài việc thường xuyên chủ động tiếp xúc trực tiếp với cổ đông, nhà đầu tư, Tổ IR cũng phối hợp, cộng tác với các báo và tạp chí chuyên ngành đầu tư tài chính để đăng tải kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin về hoạt động của PVFCCo. Đồng thời, PVFCCo cũng tuân thủ chặt chẽ các quy định của Nhà nước về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Tổ IR cũng chủ động theo dõi sát sao những báo cáo phân tích nhận định về cổ phiếu DPM nhằm phản ánh và điều chỉnh kịp thời đối với những thông tin chưa chính xác về công ty.

CHUYÊN NGHIỆP VÀ SÁNG TẠO TRONG CÔNG TÁC PHÁT HÀNH SẢN PHẨM TRUYỀN THÔNG

Tổ IR của PVFCCo đã phối hợp cùng đơn vị tư vấn chuyên nghiệp thực hiện khảo sát lấy ý kiến đánh giá từ cổ đông và NĐT về chất lượng sản phẩm Bản tin Nhà đầu tư nhằm cải tiến cả về nội dung và hình thức, đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu tiếp cận thông tin mang tính chuyên môn cao tới cộng đồng nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Với những nỗ lực và thành tựu đã đạt được, PVFCCo và mã cổ phiếu DPM tiếp tục được cộng đồng nhà đầu tư tin tưởng, nhận được nhiều giải thưởng cao quý như:

TOP 3 CÔNG TY NIÊM YẾT VIỆT NAM QUẢN TRỊ TỐT NHẤT KHU VỰC ASEAN
do Diễn đàn Thị trường Tài chính khu vực ASEAN (ACMF) bình chọn

TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT
do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn

TOP 5 DOANH NGHIỆP CÓ HOẠT ĐỘNG IR TỐT NHẤT NĂM 2015
do nhà đầu tư bình chọn trực tuyến trên trang tin www.vietstock.vn

DANH HIỆU DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA TIÊU BIỂU DO BÁO ĐẦU TƯ TỔ CHỨC

TOP 50 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM
do Tạp chí Nhịp cầu đầu tư bình chọn

TOP 30 DOANH NGHIỆP CÓ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT
do Sở GD&ĐT TP.HCM, Báo Đầu tư, Quỹ Dragon Capital đồng tổ chức



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan về phát triển bền vững	88
Báo cáo an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường	94
Báo cáo trách nhiệm xã hội	104

Phát triển bền vững là một hình thái phát triển trong đó nguồn lực được con người khai thác và sử dụng nhằm phục vụ nhu cầu của nhân loại song song với việc bảo vệ môi trường, nhờ đó những nhu cầu này không chỉ được đáp ứng ở hiện tại mà còn trong tương lai.

(Theo định nghĩa của Ủy ban Brundtland của Liên hợp quốc ngày 20 tháng 03 năm 1987).

BÁO CÁO TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững hướng đến sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm, trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. Phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. Đó cũng là mục tiêu chiến lược quan trọng, là chủ trương đường lối, chính sách, quan điểm mà Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam quyết tâm thực hiện.

Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo) là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực phân bón và hóa chất, gắn liền với nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam (khu vực chiếm đến gần 70% dân số cả nước). Trong chiến lược phát triển của mình, PVFCCo đặt mục tiêu phát triển bền vững là quan điểm, nguyên tắc và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Trong

chặng đường phát triển 13 năm qua, triết lý kinh doanh “phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội” đã được các thể hệ CBCNV PVFCCo gìn giữ và phát triển như một tài sản, một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp. Tổng công ty luôn đảm bảo cân bằng và tối ưu việc thực hiện đồng thời các mục tiêu: (1) Phát triển có hiệu quả về kinh tế; (2) Phát triển hài hòa các mặt xã hội, nâng cao mức sống, nhận thức của dân cư, trong đó đặc biệt chú trọng đến khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn; và (3) Cải thiện môi trường sống, bảo đảm phát triển lâu dài vững chắc cho thế hệ hôm nay và mai sau.

Xuất phát từ mục tiêu trên, Tổng công ty đã, đang và sẽ tiếp tục triển khai các hành động để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, góp phần chung tay cùng xã hội thực hiện thành công định hướng chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung.



ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN

Với bản sắc văn hóa riêng được hình thành ngay từ những ngày đầu thành lập, mỗi nhân viên PVFCCo đều giữ vai trò quyết định trong việc tạo nên một môi trường làm việc chuyên nghiệp, kết hợp hài hòa giữa tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và sự minh bạch trong mọi hoạt động.

Xây dựng văn hóa PVFCCo “Chuyên nghiệp - Hiệu quả; Năng động - Sáng tạo; Khát vọng - Vươn xa; và Trách nhiệm - Sẻ chia” thông qua việc tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng chính sách nhân viên phù hợp, đồng thời cũng là nơi mà nhân viên được xã hội tôn trọng thông qua đào tạo và đổi mới. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- » Đầu tư hệ thống nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc được thiết kế hợp lý, thông thoáng, đảm bảo đủ ánh sáng và không khí, giúp hạn chế tối đa năng lượng dùng cho chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ mà vẫn đảm bảo tốt điều kiện làm việc cho người lao động.
- » Năm 2015, Tổng công ty đã triển khai quyết liệt và hoàn thành đưa vào áp dụng dự án KPI và cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn cải tiến hệ thống chính sách nhân viên nhằm đáp ứng một cách tốt nhất điều kiện làm việc, chế độ chính sách và cơ hội thăng tiến cho người lao động.
- » Trong năm 2015, PVFCCo đã xây dựng kế hoạch thực hiện và chủ động triển khai công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho Công ty mẹ, đạt được kết quả như sau: Thực hiện được 381 khóa đào tạo cho 6.404 lượt CBCNV với kinh phí 15,8 tỷ đồng. Công tác đào tạo năm 2015 của PVFCCo đã đạt kế hoạch đề ra, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Tổng công ty, cũng như đáp ứng nhu cầu và chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của PVFCCo.



ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Chất lượng sản phẩm tốt là yếu tố luôn được PVFCCo đặt lên hàng đầu trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cung cấp sản phẩm đảm bảo chất lượng, giải pháp sử dụng hiệu quả và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- » Chất lượng sản phẩm tốt là yếu tố luôn được PVFCCo đặt lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Các sản phẩm phân bón Phú Mỹ và các sản phẩm phân bón, hóa chất tự doanh khác mà Tổng công ty cung cấp cho khách hàng luôn đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn đăng ký.
- » Nhằm giúp nhà nông sử dụng ít phân bón hơn nhưng vẫn tăng năng suất cây trồng, PVFCCo đã cùng với chính quyền địa phương và các nhà khoa học thường xuyên tổ chức hàng trăm cuộc hội thảo, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, tổ chức các vườn thực nghiệm, thửa ruộng mẫu.
- » PVFCCo tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống kho cảng, logistic trên cả nước nhằm cung cấp sản phẩm đến tay bà con nông dân đảm bảo chất lượng, kịp thời và giá cả hợp lý.



ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

Trong năm 2015, bên cạnh các cuộc họp tiếp xúc cổ đông, nhà đầu tư theo quy định của pháp luật, bộ phận IR của Tổng công ty đã thực hiện hơn 70 cuộc gặp và tiếp xúc các cổ đông, nhà đầu tư. Hoạt động IR của Tổng công ty được Vietstock khảo sát và tôn vinh trong Top 5 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất 2015.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HÀNH TIẾT KIỆM CHỐNG
LÃNG PHÍ, THAM Ô THAM NHŨNG

68
TỶ ĐỒNG

Tổng công ty luôn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị doanh nghiệp. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- » Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã lãnh đạo, chỉ đạo CBCNV trong toàn Tổng công ty thực hiện và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đạt 1.875 tỷ đồng, về đích trước 3 tháng và vượt 45% kế hoạch.
- » Nhằm quản lý, phân bổ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, Tổng công ty triển khai áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm hỗ trợ, chương trình quản lý tiên tiến trong hoạt động quản lý và điều hành doanh nghiệp, như quản lý hệ thống văn bản điện tử, xây dựng và áp dụng phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP, STOP, 5S, APC, System 1, RBI, KPI,...
- » Hoạt động sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa sản xuất kinh doanh luôn được Ban lãnh đạo Tổng công ty quan tâm và chỉ đạo sát sao. Trong năm 2015, có 104 sáng kiến cải tiến được công nhận ở cấp cơ sở. Các sáng kiến cải tiến năm 2015 đã làm lợi cho Tổng công ty số tiền có thể lượng hóa là 21,01 tỷ đồng và các giá trị làm lợi khác không lượng hóa được.
- » Hoạt động khoa học công nghệ được Tổng công ty tập trung triển khai với kết quả thực hiện trong năm 2015 là 13 đề tài và 3 hoạt động hỗ trợ phát triển KHCN với kinh phí thực hiện hơn 24 tỷ đồng, qua đó góp phần tối ưu hoạt động sản xuất kinh doanh, cải tiến chất lượng sản phẩm, tạo tiền đề cho các dự án đầu tư phát triển và đa dạng hóa sản phẩm của TCT.
- » Triển khai chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tham ô tham nhũng. Trong năm 2015, Tổng công ty đã tiết kiệm được 68 tỷ đồng (đạt 216% kế hoạch).



ĐỐI VỚI CHÍNH PHỦ

Tổng công ty luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh lành mạnh và tuân thủ pháp luật. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- » Tổng giá trị nộp ngân sách nhà nước năm 2015 là 441 tỷ đồng, đạt 140% kế hoạch năm.

TỔNG GIÁ TRỊ NỘP NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC NĂM 2015

441
TỶ ĐỒNG



ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC KINH DOANH

Song song với việc đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định, hiệu quả và tiết kiệm của Nhà máy đạm Phú Mỹ, PVFCCo đã cung cấp đội ngũ chuyên gia, công nhân lành nghề hỗ trợ cho công tác sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành các Nhà máy Đạm Cà Mau, Đạm Ninh Bình, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Nhà máy sơ xối Đình Vũ - những dự án quan trọng của đất nước.





ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI



Tổng công ty luôn cam kết thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.

Bên cạnh việc phát triển hiệu quả, bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, Tổng công ty luôn quan tâm và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình đối với CBCNV và đối với xã hội. Năm 2015, Tổng công ty thực hiện giải ngân hoạt động an sinh xã hội với tổng kinh phí trên 100 tỷ đồng.

TỔNG GIÁ TRỊ HOẠT ĐỘNG
AN SINH XÃ HỘI 2015

100
TỶ ĐỒNG



ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ TOÀN CẦU



Phát triển bền vững sẽ đạt hiệu quả tốt nhất khi nó được xem là phương châm hành động của doanh nghiệp, đồng thời phải gắn liền với kế hoạch và quyết định kinh doanh của doanh nghiệp.

Tổng công ty luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu (giảm phát thải khí nhà kính, biến đổi khí hậu, nước biển dâng,...). Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- » PVFCCo chỉ sử dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất trong việc sản xuất các sản phẩm, nhằm sử dụng hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là khí tự nhiên, đồng thời hạn chế tối đa lượng khí CO₂ thải ra bên ngoài.
- » Xây dựng, ban hành và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động SXKD. Áp dụng và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn sức khỏe - Môi trường - Năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007, ISO 14001:2004 và ISO 50001:2011.
- » Năm 2015, TCT triển khai chương trình kiểm toán năng lượng nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Tổng công ty tin tưởng rằng, phát triển bền vững sẽ đạt hiệu quả tốt nhất khi nó được xem là phương châm hành động của doanh nghiệp, đồng thời phải gắn liền với kế hoạch và quyết định kinh doanh của doanh nghiệp. Với quan điểm và phương châm hành động này, Tổng công ty tin tưởng sẽ vượt qua khó khăn thách thức trong chặng đường xây dựng và phát triển doanh nghiệp trường tồn, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.



VỚI PHƯƠNG CHÂM DUY TRÌ SẢN XUẤT
KINH DOANH, ĐẦU TƯ ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM
TRÊN NGUYÊN TẮC TUÂN THỦ NGHIÊM NGẶT CÁC
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN, SỨC KHỎE
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CÓ THỂ NÓI, KỂ TỪ KHI
THÀNH LẬP ĐẾN NAY,
PVFCCo LUÔN TỰ HÀO LÀ DOANH NGHIỆP
ĐI ĐẦU TRONG CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN
- SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

Là đơn vị chuyên về sản xuất, kinh doanh phân bón và các loại hóa chất tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao, công tác đảm bảo an ninh – an toàn – sức khỏe – môi trường luôn là nhiệm vụ quan trọng, được ưu tiên hàng đầu của PVFCCo nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.



TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TÁC AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG (AT-SK-MT)



Với yêu cầu và tính chất quan trọng của công tác đảm bảo AT-SK-MT, bộ máy quản lý công tác AT-SK-MT đã được kiện toàn và tổ chức hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ từ Tổng công ty đến Nhà máy đạm Phú Mỹ và các công ty thành viên, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến chuyên viên chuyên trách/bán chuyên trách.



DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG - AN TOÀN, SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Năm 2015, tất cả các công ty thành viên đã xây dựng và duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 với mục tiêu hướng đến khách hàng nhằm đảm bảo thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của PVFCCo.

Năm 2015, PVFCCo duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp Chất lượng - An toàn Sức khỏe – Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001:2004 cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và Nhà máy đạm Phú Mỹ.

Kết quả đánh giá duy trì hệ thống của Det Norske Veritas (DNV) đã đánh giá cao sự cam kết của Ban lãnh đạo Tổng công ty trong việc duy trì và cải tiến hệ thống quản lý qua việc thiết lập và xem xét kết quả thực hiện mục tiêu ở tất cả các cấp, triển khai các dự án nâng cao chất lượng sản phẩm, dự án xem xét rà soát các văn bản pháp quy. Đây cũng là thông điệp của PVFCCo về mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và sự quan tâm đến công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động, trách nhiệm đối với cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường cũng như việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh,...

Năm 2015, tất cả các công ty thành viên đã xây dựng và duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 với mục tiêu hướng đến khách hàng nhằm đảm bảo thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của PVFCCo.



CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN, PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ỨNG CỨU KHẨN CẤP

PVFCCo nhận thức được rằng an toàn là vấn đề sống còn của Tổng công ty nên trong suốt 13 năm hoạt động, PVFCCo luôn chú trọng trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc và đảm bảo an toàn của CBCNV tại tất cả các địa điểm hoạt động, từ trụ sở chính đến các nhà máy sản xuất, các công ty thành viên và các chi nhánh. Năm 2015, PVFCCo đã thực hiện nhiều hoạt động nổi bật trong công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy như:

- » Tổ chức diễn tập ÚCTHKC cấp 2 tại Nhà máy đạm Phú Mỹ có sự tham gia của lực lượng PCCC khu công nghiệp, công an PCCC địa phương. Thực hiện diễn tập PCCC và Hội thao PCCC tại các nhà máy, tòa nhà văn phòng và các công trình, kho cảng của Tổng công ty.
 - » Diễn tập ÚCTHKC không báo trước tại nhà máy đạm Phú Mỹ nhằm đánh giá tính sẵn sàng của lực lượng chữa cháy tại nhà máy.
 - » Năm 2015, PVFCCo tiếp tục lắp đặt thêm ống trượt thoát hiểm hiện đại tại Tòa nhà 27 Đinh Bộ Lĩnh và Chung cư Nhà máy đạm Phú Mỹ nhằm đảm bảo công tác cứu nạn thoát hiểm và an toàn cho người lao động làm việc trong các tòa nhà cao tầng.
 - » Cấp phát đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho 100% CBCNV của Tổng công ty làm việc tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, các kho, cảng và công trường xây dựng.
 - » Thường xuyên kiểm kê và đánh giá các trang thiết bị, phương tiện cứu hộ cứu nạn của đơn vị nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn toàn lao động.
 - » Năm 2015, Ban Chỉ đạo ứng cứu tình huống khẩn cấp Tổng công ty đều theo dõi sát sao tình hình diễn biến của thời tiết để đưa ra những cảnh báo cho các đơn vị kịp thời phòng ngừa, đảm bảo an toàn cho con người và giảm thiệt hại về tài sản.
 - » Năm 2015, Tổng công ty đã xây dựng và thực hiện tốt chương trình huấn luyện nội bộ về AT-VSLĐ-PCCC phù hợp với 04 nhóm đối tượng trên cơ sở quy định pháp luật và điều kiện thực tiễn của Tổng công ty nhằm trang bị đầy đủ kiến thức về an toàn lao động cho CBCNV.
- Trong những năm tiếp theo, với chiến lược phát triển mạnh lĩnh vực hóa chất, Tổng công ty sẽ tăng cường đào tạo và tập huấn để bổ sung kiến thức về an toàn hóa chất cho các CBCNV nhằm đáp ứng với những yêu cầu nghiêm ngặt của pháp luật.
 - Chương trình STOP vẫn duy trì tốt tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, một số kho của công ty thành viên nhằm phát hiện sớm các nguy cơ mất an toàn, ngăn ngừa các tai nạn sự cố có thể xảy ra.
 - Năm 2015, PVFCCo không để xảy ra tai nạn lao động chết người nào. Việc thống kê, báo cáo và điều tra tai nạn sự cố được PVFCCo thực hiện đầy đủ theo yêu cầu luật định.



HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGĂN NGỪA BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Chăm sóc sức khỏe cho người lao động là trách nhiệm của doanh nghiệp, đồng thời đây cũng là giải pháp đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực, góp phần hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn lao động.

Đối với PVFCCo, hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh bền vững luôn gắn liền với hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Bởi vì, PVFCCo thấu hiểu người lao động chính là nhân tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của chúng tôi. Nhằm đảm bảo sức khỏe và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo đúng tinh thần của OHSAS 18001:2007, PVFCCo tiếp tục duy trì thực hiện các hoạt động sau:

- » Trang bị phòng y tế và tủ thuốc sơ cấp cứu tại tất cả các đơn vị của Tổng công ty.
- » Tích hợp khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV bằng thẻ khám chữa bệnh PVI Care tại các bệnh viện uy tín cho 100% CBCNV của Tổng công ty theo đúng cam kết của thỏa ước lao động theo chế độ: Nam 01 lần/năm và Nữ 02 lần/năm.
- » Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe cho người lao động làm việc trong môi trường lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Thực hiện công tác giám định y khoa và bảo hiểm xã hội cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp.
- » Mở rộng chương trình tiêm ngừa Viêm gan siêu vi B, tiêm ngừa bệnh Cúm, bệnh Thủy đậu, Quai bị, Sởi, Rubella cho CBCNV của Tổng công ty.
- » Thực hiện giám sát môi trường lao động và công tác bảo hộ lao động hiệu quả, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.
- » Tổ chức và cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm sử dụng bắt buộc phải có xuất xứ rõ ràng và được cung cấp từ những đơn vị có uy tín.

Ngoài ra, nhằm giúp cho CBCNV có được sự đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện, PVFCCo đã áp dụng chính sách mua bảo hiểm PVI Care cho CBCNV và người thân để phòng rủi ro cho người lao động yên tâm công tác.





CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ KIỂM SOÁT CHẤT THẢI



Để kịp thời xử lý những biến đổi có thể gây tác động xấu đến môi trường, toàn bộ chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đều được giám sát chặt chẽ theo yêu cầu của báo cáo đánh giá tác động môi trường/cam kết bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Thống kê đánh giá, tình hình quản lý chất thải tại các đơn vị của PVFCCo trong năm 2015 như sau:

STT	Loại chất thải	ĐVT	Lượng phát thải	Lượng xử lý	Mức độ xử lý (Tốt/Bình thường/Chưa tốt)
1	Nước thải sản xuất	m³/năm	124.150	124.150	Tốt
2	Nước thải sinh hoạt	m³/năm	201.421	201.421	Bình thường (*)
3	Nước làm mát	m³/năm	9.707.952	9.707.952	Bình thường (*)
4	Khí thải	Nm³/h	5.950.355.320	5.950.355.320	Tốt
5	Chất thải rắn sinh hoạt	Kg/năm	413.120	413.120	Tốt
6	Chất thải rắn công nghiệp	Kg/năm	673.470	673.470	Tốt
7	Chất thải nguy hại	Kg/năm	169.883	169.883	Tốt

Một điểm sáng trong công tác quản lý môi trường năm 2015 của Tổng công ty là đã tiết kiệm được chi phí trong công tác bảo vệ môi trường, cụ thể:

STT	Nội dung thực hiện tiết kiệm từ việc quản lý chất thải	Chi phí tiết kiệm (VNĐ)	
		Năm 2014	Năm 2015
1	Giảm chi phí xử lý chất thải nguy hại tại Nhà máy đạm Phú Mỹ	259.575.400	258.159.440
1.1	Thực hiện thu hồi giá trị sau xử lý của chất thải nguy hại có khả năng tận thu, tái chế.	116.243.200	184.729.440
1.2	Phân tích tính nguy hại của 21 tấn xúc tác thải ra trong đợt bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ để chuyển giao xử lý như chất thải công nghiệp thông thường.	62.700.000	73.430.000
1.3	Xây dựng sân phơi bùn nhằm giảm chi phí xử lý bùn thải.	-	Đang thực hiện
2	Tự thực hiện và đã được Bộ TN&MT chấp thuận báo cáo đánh giá tác động môi trường rút gọn cho Dự án lắp đặt hệ thống đóng bao Jumbo tại Nhà máy đạm Phú Mỹ.	-	100.000.000

Công tác môi trường ngày càng được Tổng công ty quan tâm thực hiện và có nhiều kết quả đáng khích lệ như:

- » Không có vi phạm pháp luật về môi trường trong các đợt thanh kiểm tra;
- » Kiện toàn được các thủ tục pháp lý về môi trường tại các kho cảng và công trình phù hợp với các quy định pháp luật mới;
- » Ngày càng có nhiều giải pháp tiết kiệm và hợp lý hóa trong công tác môi trường.



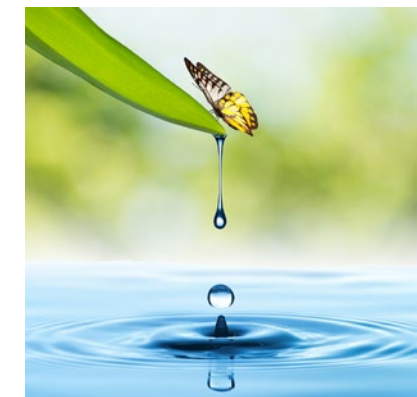
XÂY DỰNG VĂN HÓA
AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG

Cùng với việc sử dụng công nghệ, thiết bị sản xuất hiện đại có chỉ số phát thải thấp và áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004, chương trình STOP và chương trình 5S; PVFCCo còn quan tâm đến việc tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV thông qua việc tổ chức các hoạt động thiết thực như:

- » Duy trì việc tuyên truyền định kỳ trong tuần lễ an toàn vệ sinh lao động, ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy...v.v giúp nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về tuân thủ yêu cầu pháp luật về an toàn – phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động.
- » Tổ chức cuộc thi an toàn – vệ sinh viên giỏi cấp TCT và tham gia cuộc thi an toàn – vệ sinh viên giỏi của Công đoàn ngành dầu khí Việt Nam nhằm nâng cao kiến thức về an toàn – sức khỏe – môi trường.
- » Phối hợp với đoàn thanh niên trong việc tổ chức tuyên truyền tiết kiệm năng lượng bằng việc đặt các khẩu hiệu “tắt khi không sử dụng” tại các nơi sử dụng điện trong khu vực văn phòng làm việc.
- » Áp dụng quy chế khen thưởng An toàn - Môi trường hàng quý nhằm khích lệ CBCNV tham gia tích cực vào công tác an toàn và bảo vệ môi trường.



SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN NƯỚC
VÀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG



- » PVFCCo thường xuyên theo dõi lượng nước sử dụng theo từng nguồn (nước mặt, nước máy, nước tuần hoàn) nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên nước.
- » Năm 2015, PVFCCo tiếp tục duy trì công tác tiết kiệm năng lượng trong sản xuất kinh doanh.
- » Tiếp tục tìm kiếm cơ hội tiết kiệm năng lượng trong các dây chuyền sản xuất hiện hữu của các nhà máy.
- » Áp dụng công nghệ tiên tiến – đưa yêu cầu các thiết bị tiết kiệm năng lượng làm tiêu chí lựa chọn nhà thầu vào các dự án mới của TCT.
- » Nâng cao ý thức tự giác của tất cả CBCNV TCT trong việc sử dụng năng lượng một cách hiệu quả thông qua các hình thức tuyên truyền.
- » Xây dựng ISO 50001:2011.
- » Đào tạo 100% cán bộ quản lý trong toàn TCT về quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo tiêu chuẩn ISO 50001:2011.

CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH RẰNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC AT-SK-MT CỦA PVFCCo TRONG NĂM 2015: VẬN HÀNH AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ, KHÔNG ĐỂ XẢY RA CÁC TAI NẠN, SỰ CỐ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN CON NGƯỜI, TÀI SẢN VÀ MÔI TRƯỜNG, NHẬN THỨC VỀ CÔNG TÁC AT-SK-MT ĐƯỢC NÂNG CAO VÀ TRỞ THÀNH PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG TRONG TOÀN ĐỘI NGŨ CBCNV. CHÍNH NHỮNG NỖ LỰC KHÔNG NGỪNG CỦA BAN LÃNH ĐẠO VÀ TẬP THỂ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN TỔNG CÔNG TY TRONG CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AT-SK-MT ĐÃ GÓP PHẦN TO LỚN KHẮNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU VÀ HÌNH ẢNH CỦA PVFCCo VÌ MỘT TƯƠNG LAI AN TOÀN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.



PVFCCo: TRÊN 100 TỶ ĐỒNG CHO CÁC HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI 2015

Năm 2015, nhờ các kết quả đáng phần khởi trong hoạt động SXKD, PVFCCo tiếp tục dành nguồn lực tương xứng cho nhiều dự án an sinh xã hội thiết thực với tổng giá trị trên 100 tỷ đồng, góp phần củng cố hình ảnh thương hiệu doanh nghiệp nhân văn và gắn gũi với người dân trong cả nước.

Các dự án ASXH tiếp tục tập trung vào các lĩnh vực chính là Y tế, Giáo dục, Văn hóa, Cứu trợ nhân đạo, hướng về biển đảo. Đây là các chương trình thường niên, dài hạn, gắn kết với nhu cầu của từng địa phương, đơn vị, được tổ chức minh bạch, chặt chẽ, với sự phối hợp của các cấp Hội Chữ Thập đỏ, Mặt trận Tổ quốc, chính quyền địa phương.

XÂY DỰNG TRẠM Y TẾ
XÃ CẨM VÂN

2,6
TỶ ĐỒNG



LĨNH VỰC Y TẾ

Năm 2015, PVFCCo tiếp tục tài trợ xây dựng các trạm y tế, cơ sở khám chữa bệnh – đặc biệt là tại các vùng sâu vùng xa, nơi điều kiện khám chữa bệnh còn thiếu thốn. Công trình tiêu biểu là Trạm y tế xã Cẩm Vân, Cẩm Thủy, Thanh Hóa trị giá 2,6 tỷ đồng.



HƯỚNG VỀ BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG

Tiếp tục chương trình “Hướng về biển đảo quê hương”, năm 2015 PVFCCo tài trợ 1,7 tỷ đồng để trang bị 2 xe chuyển quân chuyên dụng cho các đơn vị của Bộ Tư lệnh Hải quân, góp phần nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu của các đơn vị trực tiếp tác chiến.

Chương trình học bổng “Đạm Phú Mỹ” năm nay của PVFCCo tiếp tục ưu tiên hỗ trợ những tấm gương vượt khó học giỏi là con cán bộ chiến sĩ Hải quân, Kiểm ngư, Cảnh sát biển đang trực tiếp đóng quân trên các đảo, nhà giàn và làm nhiệm vụ trực tiếp trên biển.

Tính đến nay, PVFCCo đã đóng góp hơn 35 tỷ đồng cho các hoạt động vì biển đảo quê hương.

HOẠT ĐỘNG
VÌ BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG

35
TỶ ĐỒNG



LĨNH VỰC GIÁO DỤC - VĂN HÓA



GIÁ TRỊ TÀI TRỢ
LĨNH VỰC VĂN HÓA - GIÁO DỤC
NĂM 2015

70
TỶ ĐỒNG

Đây là lĩnh vực trọng điểm với tổng giá trị tài trợ trong năm 2015 lên tới gần 70 tỷ đồng. Nhiều trường học tiếp tục được PVFCCo xây dựng tại các vùng trong cả nước. Dự án tiêu biểu được khánh thành trong năm có thể kể đến là Trường tiểu học Lơ Ku (Lơ Ku, K'Bang, Gia Lai), Trường tiểu học số 1 (Cát Tái, Phù Cát, Bình Định), Trường Mầm non Hải Yến (Cao Lộc, Lạng Sơn), Trường THCS Khôi Kỳ (Đại Từ, Thái Nguyên) v.v... Đây là các trường học được xây dựng tại các khu vực còn rất nhiều khó khăn, hỗ trợ cho giáo viên và học sinh được dạy và học trong các điều kiện tốt hơn nhiều so với trước.

Bên cạnh đó, chương trình “Học bổng Đạm Phú Mỹ” - hoạt động thường niên của PVFCCo từ năm 2008 đến nay tiếp tục được triển khai và được đánh giá là một trong những chương trình học bổng có uy tín và giá trị lớn nhất trên toàn quốc. Trong năm 2015, PVFCCo tiếp tục trao gần 350 suất học bổng với tổng trị giá gần 2 tỷ đồng

cho các em học sinh, sinh viên vượt khó học giỏi, trong đó có những sinh viên ưu tú đạt giải cao tại các cuộc thi, các sinh viên là con em cán bộ, chiến sĩ lực lượng Hải quân, Cảnh sát biển, Kiểm ngư, cán bộ khuyến nông, nông dân giỏi v.v...

Ngoài các công trình giáo dục, năm 2015 PVFCCo cũng hỗ trợ các địa phương xây dựng các công trình văn hóa cộng đồng đáp ứng các tiêu chuẩn và có công năng sử dụng vừa là nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng, vừa là nơi phòng chống thiên tai, được xây trên nền móng kiên cố, cao tầng, có khu sinh hoạt tập thể để người dân có thể trú ngụ an toàn trong trường hợp xảy ra bão lũ. Các công trình tiêu biểu có thể kể tên là Nhà cộng đồng xã Hà Thái, Hà Trung, Thanh Hóa; Trung tâm giáo dục cộng đồng xã Bùi Xá, Đức Thọ, Hà Tĩnh; Trung tâm giáo dục cộng đồng, phòng chống thiên tai xã Châu Hòa, Giồng Trôm, Bến Tre v.v...



HỖ TRỢ CÁC CÁ NHÂN, GIA ĐÌNH KHÓ KHĂN

Với phương châm “Trách nhiệm – Sẻ chia”, với sự tận tâm và hỗ trợ thiết thực, kịp thời, PVFCCo cam kết vẫn là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng.



NĂM 2015, PVFCCo THAM GIA HÀNG LOẠT CÁC CHƯƠNG TRÌNH NHÂN ĐẠO NHƯ HỖ TRỢ CÁC GIA ĐÌNH NẠN NHÂN THIÊN TAI BÃO LŨ, HỖ TRỢ HỘI BẢO TRỢ BỆNH NHÂN NGHÈO TỈNH QUẢNG BÌNH, GIÚP CÁC BỆNH NHÂN NGHÈO CÓ THÊM BỮA ĂN NGON TRONG CÁC NGÀY TẾT, HỖ TRỢ CÁC CỤU THANH NIÊN XUNG PHONG, HỖ TRỢ QUỸ NEWBORNS VIETNAM ĐÀO TẠO ĐIỀU DƯỠNG CHĂM SÓC TRẺ SƠ SINH, CUNG CẤP TRANG THIẾT BỊ Y TẾ NHẪM GIẢM THIỂU TỶ LỆ TỬ VONG Ở TRẺ SƠ SINH VIỆT NAM V.V...

Tiếp tục truyền thống hàng năm, vào dịp Tết Bính Thân vừa qua, PVFCCo đã tổ chức chương trình “Vui Tết cùng Phú Mỹ”. Các phần quà thiết thực với giá trị gần 5 tỷ đồng đã được trao tặng trực tiếp tới hơn 10.000 gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại gần 40 tỉnh thành trong cả nước nhằm giúp bà con có một cái Tết đầm ấm hơn.

Dự báo năm 2016, tình hình kinh tế tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến ngành phân bón nói chung và PVFCCo nói riêng. Tuy nhiên, với phương châm “Trách nhiệm – Sẻ chia”, với sự tận tâm và hỗ trợ thiết thực, kịp thời, PVFCCo cam kết vẫn là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng.

Từ cuối năm 2015, khi mà tình hình hạn hán nặng, xâm nhập mặn xảy ra nghiêm trọng tại khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nam Bộ, PVFCCo cũng đã nhanh chóng triển khai chương trình cứu trợ thiết thực cho bà con tại các địa phương bị ảnh hưởng nặng. Chương trình của PVFCCo có giá trị lên tới gần 7 tỷ đồng, gồm 12.000 phần quà, bao gồm nước uống, thực phẩm nhằm hỗ trợ khẩn cấp cho các gia đình; xây dựng giếng nước hoặc bể nước ngọt nhằm tạo nguồn cấp nước lâu dài, đảm bảo vệ sinh cho bà con; phiếu xăng dầu nhằm cấp nguyên liệu cho các máy móc nông nghiệp, máy đào giếng, máy bơm chống hạn, chống mặn; gần 450 tấn phân bón Phú Mỹ kèm hướng dẫn kỹ thuật nông nghiệp nhằm giúp bà con đầu tư cho vụ sản xuất mới...

CHƯƠNG TRÌNH
HỖ TRỢ CÁC GIA ĐÌNH
BỊ THIẾT HẠI DO
XÂM NHẬP MẶN
VÀ KHÔ HẠN

7
TỶ ĐỒNG

CHƯƠNG TRÌNH
“VUI TẾT CÙNG PHÚ MỸ”

5
TỶ ĐỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	90
Báo cáo kiểm toán độc lập	92
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	93
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	95
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	96
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	98

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên
Ông Đinh Quang Hoàn	Ủy viên (từ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 497/VN1A-HN-BC

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2016, từ trang 93 đến trang 135, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

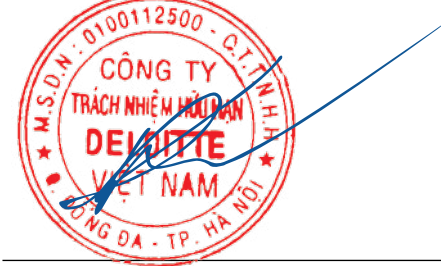
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

BẢNG CÂN ĐỐI
KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.082.320.730.170	7.200.752.688.114
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.690.048.266.789	5.078.299.954.021
1. Tiền	111		251.548.266.789	151.773.287.354
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.438.500.000.000	4.926.526.666.667
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	80.950.000.000	77.119.148.009
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		80.950.000.000	77.119.148.009
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		821.016.395.013	406.076.671.375
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	110.593.516.567	174.789.878.438
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	599.720.730.490	88.841.597.580
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	331.619.897.623	264.036.902.646
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(220.917.749.667)	(121.591.707.289)
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.365.359.901.358	1.491.901.174.015
1. Hàng tồn kho	141		1.369.360.058.916	1.492.182.549.952
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.000.157.558)	(281.375.937)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		124.946.167.010	147.355.740.694
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	16.806.463.175	16.540.850.938
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		104.007.880.744	126.299.049.017
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	4.131.823.091	4.515.840.739
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.836.858.993.077	2.910.257.813.585
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.282.745.091	1.749.902.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	22.282.745.091	1.749.902.000
II. Tài sản cố định	220		1.853.675.922.763	2.048.617.374.641
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	950.883.146.423	1.133.009.443.261
- Nguyên giá	222		7.325.699.359.354	7.325.619.743.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.374.816.212.931)	(6.192.610.300.201)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	902.792.776.340	915.607.931.380
- Nguyên giá	228		1.151.101.721.979	1.148.328.298.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(248.308.945.639)	(232.720.366.642)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	213.918.863.401	274.190.461.027
- Nguyên giá	231		257.503.814.400	314.530.971.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(43.584.950.999)	(40.340.510.165)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		612.341.484.055	246.836.829.085
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	612.341.484.055	246.836.829.085
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	47.372.063.536	230.017.094.841
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		27.205.933.822	209.850.965.127
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.502.000.000	20.502.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(335.870.286)	(335.870.286)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		87.267.914.231	108.846.151.991
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	23.061.447.048	43.566.513.172
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	64.206.467.183	65.279.638.819
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.919.179.723.247	10.111.010.501.699

BẢNG CÂN ĐỐI
KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.371.674.452.992	1.106.070.665.154
I. Nợ ngắn hạn	310		1.835.490.030.431	1.043.932.696.846
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	361.321.100.293	364.668.057.846
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	63.651.015.476	39.360.737.225
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	83.091.150.528	52.084.947.515
4. Phải trả người lao động	314		118.304.455.634	79.926.390.391
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	57.056.342.544	64.130.128.196
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		700.472.473	21.747.446
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	1.009.921.782.301	67.855.304.671
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	2.133.324.000	93.520.912.889
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	40.184.083.102	217.455.312.628
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		99.126.304.080	64.909.158.039
II. Nợ dài hạn	330		536.184.422.561	62.137.968.308
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.182.443.406	2.853.964.450
2. Phải trả dài hạn khác	337	22	6.826.964.074	6.177.584.074
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	230.138.981.667	1.125.866.779
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	146.185.982.143	-
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	96.551.724.139	-
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		54.298.327.132	51.980.553.005
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.547.505.270.255	9.004.939.836.545
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	8.547.505.270.255	9.004.939.836.545
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	2.397.482.187
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	(719.794)
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.498.666.363.829	3.495.964.052.370
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	1.014.770.873
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.038.014.367.026	1.469.879.831.035
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		734.858.823.580	1.040.964.345.963
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		303.155.543.446	428.915.485.072
9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		191.941.449.662	216.801.330.136
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.919.179.723.247	10.111.010.501.699

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.851.635.822.033	9.642.700.730.426
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		86.688.977.560	93.850.877.835
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	9.764.946.844.473	9.548.849.852.591
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	6.612.423.997.803	7.121.096.149.422
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.152.522.846.670	2.427.753.703.169
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	256.561.206.512	406.506.623.868
7. Chi phí tài chính	22	31	7.070.545.699	4.729.620.348
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.568.699.865	2.931.385.121
8. Phần (lỗ) trong công ty liên kết	24	6	(198.273.817.160)	(279.826.945.025)
9. Chi phí bán hàng	25	32	750.985.639.837	701.604.959.417
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	597.075.933.211	570.530.577.008
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		1.855.678.117.275	1.277.568.225.239
12. Thu nhập khác	31	33	25.682.368.809	16.648.055.652
13. Chi phí khác	32	33	1.087.635.279	9.545.806.055
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		24.594.733.530	7.102.249.597
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.880.272.850.805	1.284.670.474.836
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	309.160.303.969	186.726.498.683
17. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	48.651.197.780	(36.514.419.748)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.522.461.349.056	1.134.458.395.901
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.488.213.481.717	1.096.275.840.370
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		34.247.867.339	38.182.555.531
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	3.295	2.506

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014 (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.880.272.850.805	1.284.670.474.836
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	264.527.522.125	268.667.500.841
Các khoản dự phòng	03	304.765.981.944	163.452.258.562
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	33.095.831	104.776.992
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(72.101.740.932)	(125.057.581.292)
Chi phí lãi vay	06	2.568.699.865	2.931.385.121
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	43.515.737.023
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.380.066.409.638	1.638.284.552.083
(Tăng) các khoản phải thu	09	(57.554.865.569)	(179.353.696.872)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	90.739.190.276	(138.784.857.872)
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(232.982.368.141)	(400.599.736.783)
Giảm chi phí trả trước	12	19.650.383.838	25.771.110.979
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.568.699.865)	(3.041.817.704)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(279.826.182.950)	(122.523.463.954)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	106.450.370.984	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(384.390.450.891)	(212.149.839.874)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.639.583.787.320	607.602.250.004
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(960.351.770.011)	(203.886.105.949)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	71.035.909.091	214.216.539
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.950.000.000)	(5.873.765.094)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.119.148.009	1.663.615.831.634
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(29.363.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	2.238.561.705	135.900.173.400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	248.991.636.282	367.559.611.576
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(641.916.514.924)	1.928.166.962.106

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014 (Trình bày lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	360.868.957.857	260.870.891.673
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(176.850.686.644)	(234.682.947.069)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(569.893.611.925)	(1.516.104.854.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(385.875.340.712)	(1.489.916.909.396)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	611.791.931.684	1.045.852.302.714
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.078.299.954.021	4.032.386.358.314
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(43.618.916)	61.292.993
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5.690.048.266.789	5.078.299.954.021


Trần Xuân Thảo
Người lập biểu


Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của của Tổng Công ty bao gồm:

- » Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác.
- » Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- » Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- » Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- » Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- » Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- » Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản.
- » Đào tạo nghề.
- » Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển, sông; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và lưu giữ hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 05 công ty con, 03 công ty liên kết, 01 chi nhánh, 01 Nhà máy, 01 Ban Quản lý và 01 Văn phòng đại diện. Cụ thể bao gồm:

- Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Phân bón và Hóa chất Dầu khí
- Văn phòng đại diện tại Myanmar.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Thông tin khái quát về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	TP. Cần Thơ	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	TP. Hà Nội	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam (*)	TP. Hồ Chí Minh	81,38	81,38	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	43,34	43,34	Sản xuất bao bì	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	TP. Cà Mau	35,63	35,63	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	TP. Hải Phòng	25,99	25,99	Sản xuất và mua bán xơ sợi polyester	Công ty liên kết

(*) Ngày 13 tháng 01 năm 2016, Nghị quyết số 15/NQ-PBHC của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã phê duyệt kết quả chào bán để chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp 81,38% tại Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam (PVFCCo-SBD). Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp, Tổng Công ty sẽ chính thức không còn sở hữu vốn tại PVFCCo-SBD.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay, nợ thuê tài chính và dự phòng phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có). Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	3

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Tổng Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Tổng Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền sáng chế, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	2015
	Số năm
Quyền sử dụng đất	44 - 50
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, tiền thuê đất, vật tư phụ tùng thay thế và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Trong đó:

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã được phân bổ toàn bộ vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và một số chi phí khác được coi là mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai trên một năm. Các khoản chi phí trả trước này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 2 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn và lãi chênh lệch tỷ giá. Trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), tuy nhiên sự khác biệt này không gây ra ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	1.519.452.312	1.451.261.470
Tiền gửi không kỳ hạn	250.028.814.477	150.322.025.884
Các khoản tương đương tiền (*)	5.438.500.000.000	4.926.526.666.667
	5.690.048.266.789	5.078.299.954.021

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,8%/năm đến 5,3%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	80.950.000.000	80.950.000.000	77.119.148.009	77.119.148.009

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,1%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	680.903.000.000	27.205.933.822	25.483.920.000	209.850.965.127
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	100.000.000.000	-	-	11.461.412.775
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	562.700.000.000	-	-	198.389.552.352
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	18.203.000.000	27.205.933.822	25.483.920.000	-
	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	20.502.000.000	(335.870.286)	-	(335.870.286)
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	3.600.000.000	(335.870.286)	-	(335.870.286)
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Ut Xi	16.902.000.000	-	-	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo Bình Phú Mỹ trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán nên Tổng Công ty không có cơ sở đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý tương ứng của các khoản đầu tư này).

Đối với các khoản đầu tư còn lại, do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, đồng thời Tổng Công ty cũng không thể thu thập được các thông tin đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do đó giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa thể xác định được để trình bày trên phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Tổng tài sản	Tổng công nợ	Tổng tài sản	Tổng công nợ
	VND	VND	VND	VND
	6.923.094.964.214	7.378.785.674.715	7.800.828.506.176	6.948.750.206.622
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	330.360.207.714	330.105.596.040	337.765.450.027	334.323.055.159
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	6.468.231.735.297	6.997.058.617.336	7.353.654.378.479	6.565.344.671.260
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	124.503.021.203	61.621.461.339	109.408.677.670	49.082.480.203
		2015		2014
	Doanh thu thuần	Lãi/(Lỗ) thuần	Doanh thu thuần	Lãi/(Lỗ) thuần
	VND	VND	VND	VND
	2.306.393.696.475	(1.299.200.777.978)	1.494.601.943.752	(1.107.155.444.918)
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	176.246.743.797	(3.187.783.194)	119.657.880.948	(28.161.107.257)
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	1.835.314.470.723	(1.307.136.589.258)	1.146.489.282.320	(1.089.171.805.579)
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	294.832.481.955	11.123.594.474	228.454.780.484	10.177.467.918
				(279.826.945.025)
				210.575.667
				(280.037.520.692)
				-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	11.223.207.929	-
Công ty Hoàng Long	10.236.830.890	11.231.088.831
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	7.438.580.996	5.994.257.232
Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hoàng	11.977.390.570	25.483.271.253
Khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	14.856.636.589	5.501.885.160
Các khách hàng khác	54.860.869.593	126.579.375.962
	110.593.516.567	174.789.878.438

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Technip Italy S.p.A	180.551.547.337	-
Thyssenkrupp Industrial Solution (India) Private Limited	93.223.527.025	-
Tập đoàn TOYO Việt Nam	-	59.325.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Sản xuất Ngọc Lan	9.153.800.000	9.153.800.000
Người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	303.892.974.389	7.165.677.758
Ứng trước cho các nhà cung cấp khác	12.898.881.739	13.197.119.822
	599.720.730.490	88.841.597.580

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 (Trình bày lại) VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (i)	101.620.682.378	-
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	22.511.181.846	20.177.721.324
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc (ii)	12.792.091.037	12.792.091.037
Tạm ứng cho người lao động	3.307.722.538	1.627.791.124
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	47.000.000	51.000.000
Thuế GTGT được hoàn của Nhà máy Đạm Phú Mỹ	17.851.484.482	106.450.370.984
Phải thu chiết khấu mua hàng từ nhà cung cấp	51.589.780.848	-
Khác	11.756.687.205	12.794.660.888
	331.619.897.623	264.036.902.646
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.167.836.000	949.902.000
Góp vốn hợp tác kinh doanh (iii)	21.114.909.091	800.000.000
	22.282.745.091	1.749.902.000

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN/HN

9. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

(i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (“PVTEX”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện khoản thanh toán theo cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX. Nghĩa vụ thanh toán phát sinh do Tổng Công ty đã ký 02 Cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX. Trong năm 2014, Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả thay cho PVTEX một phần khoản vay trung hạn đầu tư xây dựng nhà máy và khoản vay ngắn hạn để vận hành chạy thử cùng với lãi suất với số tiền tổng cộng là 389,4 tỷ đồng, theo đó, Tổng Công ty đã hoàn trả cho Tập đoàn số tiền tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty vào PVTEX là 101,2 tỷ đồng.

Theo các Biên bản thỏa thuận giữa PVN, PVTEX và Tổng Công ty, PVN sẽ chịu trách nhiệm thu hồi nợ gốc và lãi vay đối với các khoản bảo lãnh mà các bên đã trả thay PVTEX. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày PVN thu được khoản tiền trả nợ từ PVTEX (bao gồm cả số tiền gốc thanh toán và lãi vay), PVN sẽ hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền tính theo tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại PVTEX. Lãi suất nhận nợ được xác định bằng lãi suất không kỳ hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày Tổng Công ty trả tiền thực hiện bảo lãnh đối ứng cho PVN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do (lỗ) lũy kế của PVTEX đã vượt quá vốn chủ sở hữu, và PVTEX không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với khoản phải thu này.

(ii) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (“PVGN”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh khoản tiền bảo hiểm thiệt hại công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng, số tiền bảo hiểm thiệt hại đã được cơ quan bảo hiểm đền bù nhưng PVGN chưa chuyển trả cho Tổng Công ty.

Phản ánh khoản góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án CO2 thương phẩm của Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí miền Nam (“PVSBĐ”) với Công ty Cổ phần F.A và Nhà máy Đạm Phú Mỹ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân số BCC279/2014/PVFCCo/HC-SBD-FA ngày 06 tháng 5 năm 2014. Theo điều khoản hợp đồng, tổng số vốn góp của PVSBĐ là 64 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, PVSBĐ đã góp khoảng 21,1 tỷ đồng.

10. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	220.917.749.667	-	119.297.067.289	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	110.143.267.289	-	110.143.267.289	-
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan (ii)	9.153.800.000	-	9.153.800.000	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (iii)	101.620.682.378	-	-	-
Phải thu có khả năng thu hồi	-	-	2.294.640.000	2.294.640.000
Các đối tượng khác	-	-	2.294.640.000	2.294.640.000

- (i) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- (ii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- (iii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho số dư phải thu Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (“PVTEX”) liên quan đến khoản cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn trung và dài hạn như trình bày tại Thuyết minh số 9.

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đi đường	87.407.094.183	-	288.454.892.852	-
Nguyên liệu, vật liệu	335.681.802.319	-	499.192.205.959	-
Công cụ, dụng cụ	9.633.946.053	-	4.852.076.337	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	28.769.617.579	-	46.750.905.139	-
Thành phẩm	192.347.388.684	-	344.320.570.248	-
Hàng hoá	715.520.210.098	(4.000.157.558)	308.611.899.417	(281.375.937)
Cộng	1.369.360.058.916	(4.000.157.558)	1.492.182.549.952	(281.375.937)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số hàng hóa có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền 4.000.157.558 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 281.375.937 đồng).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản	10.124.705.794	9.518.700.811
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.681.757.381	7.022.150.127
	16.806.463.175	16.540.850.938
Dài hạn		
Trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng	11.819.525.887	9.573.023.571
Công cụ dụng cụ phân bổ	4.248.106.956	15.734.967.845
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.993.814.205	18.258.521.756
	23.061.447.048	43.566.513.172

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	1.637.402.590.773	5.432.191.851.881	126.207.669.681	122.457.969.152	7.359.661.975	7.325.619.743.462
Mua sắm mới	2.438.863.094	30.831.147.247	15.427.127.453	39.716.271.633	-	88.413.409.427
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.782.000.000	-	-	1.460.533.730	5.242.533.730
Thanh lý, nhượng bán	-	(328.214.510)	(2.481.907.208)	(3.645.235.006)	-	(6.455.356.724)
Tặng/ (Giảm) khác	-	779.934.982	731.360.000	(651.806.982)	-	859.488.000
Giảm do thoái vốn tại Công ty CP Bao Bì Đạm Phú Mỹ	(30.565.858.231)	(55.884.393.303)	(1.400.728.931)	(129.478.076)	-	(87.980.458.541)
Tại ngày 31/12/2015	1.609.275.595.636	5.411.372.326.297	138.483.520.995	157.747.720.721	8.820.195.705	7.325.699.359.354
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	835.803.982.739	5.195.716.107.958	81.508.071.921	76.657.076.568	2.925.061.015	6.192.610.300.201
Trích khấu hao trong năm	89.705.450.736	112.849.920.060	10.771.007.991	22.440.380.216	2.500.456.829	238.267.215.832
Thanh lý, nhượng bán	(432.420.467)	(329.367.879)	(1.647.553.841)	(3.574.959.329)	-	(5.984.301.516)
Giảm do thoái vốn tại Công ty CP Bao Bì Đạm Phú Mỹ	(10.327.494.865)	(38.565.867.434)	(1.049.120.115)	(134.519.172)	-	(50.077.001.586)
Tại ngày 31/12/2015	914.749.518.143	5.269.670.792.705	89.582.405.956	95.387.978.283	5.425.517.844	6.374.816.212.931
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	694.526.077.493	141.701.533.592	48.901.115.039	62.359.742.438	3.394.677.861	950.883.146.423
Tại ngày 31/12/2014	801.598.608.034	236.475.743.923	44.699.597.760	45.800.892.584	4.434.600.960	1.133.009.443.261

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 5.379.131.033.588 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.363.972.216.156 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, một số nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại khoảng 10,43 tỷ đồng đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (như trình bày tại Thuyết minh 24).

MẪU SỔ B 09-DN/HN

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	913.888.881.862	171.736.726.176	52.367.493.588	10.335.196.396	1.148.328.298.022
Tăng trong năm	-	1.977.793.869	1.313.573.361	-	3.291.367.230
Thanh lý	-	-	(85.064.909)	(43.636.364)	(128.701.273)
Giảm do thoái vốn tại Công ty CP Bao Bì Đạm Phú Mỹ	-	-	(36.000.000)	(353.242.000)	(389.242.000)
Tại ngày 31/12/2015	913.888.881.862	173.714.520.045	53.560.002.040	9.938.318.032	1.151.101.721.979
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	16.379.378.701	169.035.688.047	37.091.149.725	10.214.150.169	232.720.366.642
Trích khấu hao trong năm	5.005.600.203	2.595.868.374	8.362.752.886	110.143.108	16.074.364.571
Thanh lý	-	-	(63.810.329)	(32.733.245)	(96.543.574)
Giảm do thoái vốn tại Công ty CP Bao Bì Đạm Phú Mỹ	-	-	(36.000.000)	(353.242.000)	(389.242.000)
Tại ngày 31/12/2015	21.384.978.904	171.631.556.421	45.354.092.282	9.938.318.032	248.308.945.639
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	892.503.902.958	2.082.963.624	8.205.909.758	-	902.792.776.340
Tại ngày 31/12/2014	897.509.503.161	2.701.038.129	15.276.343.863	121.046.227	915.607.931.380

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 178.416.446.555 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 178.805.688.555 đồng).

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	84.498.516.000	230.032.455.192	314.530.971.192
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.825.000.000	-	1.825.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(24.500.000.000)	(34.352.156.792)	(58.852.156.792)
Tại ngày 31/12/2015	61.823.516.000	195.680.298.400	257.503.814.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	6.092.502.718	34.248.007.447	40.340.510.165
Trích khấu hao trong năm	1.330.844.702	8.855.097.020	10.185.941.722
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.941.500.888)	(6.941.500.888)
Tại ngày 31/12/2015	7.423.347.420	36.161.603.579	43.584.950.999
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	54.400.168.580	159.518.694.821	213.918.863.401
Tại ngày 31/12/2014	78.406.013.282	195.784.447.745	274.190.461.027

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN/HN

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	612.341.484.055	246.836.829.085
Trong đó:		
Dự án UFC 85/Formaldehyde (*)	348.243.750.831	75.732.962.614
Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK	108.329.487.319	23.451.226.161
Dự án Amoniac	46.248.899.367	46.248.899.367
Dự án nhà cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.342.070.618
Kho Tây Ninh	24.001.000.364	23.573.596.728
Các dự án khác	49.176.275.556	41.488.073.597
	612.341.484.055	246.836.829.085

(*) Dự án UFC 85/Formaldehyde có tổng mức đầu tư gần 500 tỷ đồng, đã cơ bản hoàn thành và đang trong quá trình chạy thử. Dự kiến, dự án sẽ được bàn giao chính thức đi vào hoạt động trong Quý I/2016. Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ chi phí đầu tư của Dự án Xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là hơn 348 tỷ đồng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn	Lợi nhuận chưa thực hiện	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	13.767.908.411	11.656.179.678	3.341.130.982	-	28.765.219.071
Ghi nhận trong năm	(6.498.452.770)	30.179.691.223	5.681.380.012	7.151.801.283	36.514.419.748
Tại ngày 01/01/2015	7.269.455.641	41.835.870.901	9.022.510.994	7.151.801.283	65.279.638.819
Ghi nhận trong năm	15.087.094.482	(12.688.721.196)	(4.140.575.309)	669.030.387	(1.073.171.636)
Tại ngày 31/12/2015	22.356.550.123	29.147.149.705	4.881.935.685	7.820.831.670	64.206.467.183

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm 2015 VND
Tại ngày 01 tháng 01	-
Ảnh hưởng do loại trừ dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết từ trước năm 2015	98.607.955.999
Ghi nhận trong năm	47.578.026.144
Tại ngày 31 tháng 12	146.185.982.143

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tập đoàn TOYO Việt Nam	-	-	29.662.500.000	29.662.500.000
Baker Hughes Asia Pacific Ltd.,	16.849.383.370	16.849.383.370	12.005.037.500	12.005.037.500
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	200.604.081.795	200.604.081.795	234.170.436.834	234.170.436.834
Các nhà cung cấp khác	143.867.635.128	143.867.635.128	88.830.083.512	88.830.083.512
	361.321.100.293	361.321.100.293	364.668.057.846	364.668.057.846

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty TNHH Hữu Thành	7.859.050.000	44.389.500
Người mua là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 39)	6.212.372.132	5.015.288.623
Các khách hàng khác	49.579.593.344	34.301.059.102
	63.651.015.476	39.360.737.225

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm tới cuối năm				
	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	Giảm do thoái vốn	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.152.818.774	-	-	-	3.152.818.774
Thuế thu nhập cá nhân	1.360.021.965	15.827.935.511	15.446.917.863	-	979.004.317
Thuế môn bài	3.000.000	3.000.000	-	-	-
Cộng	4.515.840.739	15.830.935.511	15.446.917.863	-	4.131.823.091
b) Các khoản phải nộp					
Thuế GTGT hàng bán nội địa	462.406.107	10.762.073.572	9.552.260.479	(51.041.589)	1.621.177.611
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	25.290.085.789	25.290.085.789	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	64.731.936.255	64.731.936.255	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt					-
Thuế nhập khẩu					-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.951.016.887	309.160.303.969	279.826.182.950	(653.071.846)	77.632.066.060
Thuế thu nhập cá nhân	2.615.904.322	26.205.509.127	24.965.035.793	(54.848.079)	3.801.529.577
Thuế tài nguyên	30.299.840	345.331.840	346.190.400	-	29.441.280
Thuế bảo vệ môi trường	498.000	49.680.000	43.242.000	-	6.936.000
<i>Thuế môn bài</i>					-
Thuế môn bài	-	30.000.000	30.000.000	-	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	24.822.359	15.124.562.985	15.149.385.344	-	-
Các loại thuế khác	-	16.779.250	16.779.250	-	-
Cộng	52.084.947.515	451.716.262.787	419.951.098.260	(758.961.514)	83.091.150.528

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015 VND	31/12/2014 (Trình bày lại) VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí an sinh xã hội (*)	18.624.552.700	32.058.808.019
Chi phí phải trả khác	38.431.789.844	32.071.320.177
	57.056.342.544	64.130.128.196

(*) Chi phí an sinh xã hội trong năm được trích theo Nghị quyết số 998/DKVN-TCNS ngày 04 tháng 5 năm 2015 về việc “Chấp thuận phương án phân bổ kinh phí của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam và các đơn vị có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thực hiện chương trình an sinh xã hội năm 2015”. Theo đó, kinh phí được phân bổ cho Tổng Công ty năm 2015 là 95 tỷ đồng. Trong năm, Tổng Công ty có thêm ba (03) quyết định trích bổ sung Quỹ an sinh xã hội với tổng mức trích thêm là 9,5 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư chi phí an sinh xã hội phải trả cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 18.624.552.700 đồng.

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Cổ tức phải trả	975.031.896.789	25.188.468.714
Phải trả chiết khấu	15.207.128.913	17.993.485.335
Phải trả ngắn hạn khác	19.682.756.599	24.673.350.622
	1.009.921.782.301	67.855.304.671
Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.826.964.074	6.177.584.074
	6.826.964.074	6.177.584.074

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2015 cho Nhà máy	-	217.105.262.533
Trích trước chi phí bảo dưỡng GAS TURBINE năm 2016	39.680.210.528	-
Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	503.872.574	350.050.095
	40.184.083.102	217.455.312.628
Dài hạn		
Trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2017 cho Nhà máy	96.551.724.139	-
	96.551.724.139	-

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	91.740.870.923	91.740.870.923	122.258.204.224	171.039.367.131	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	21.455.796.223	21.455.796.223	106.036.629.899	96.292.632.206	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu	5.308.574.700	5.308.574.700	4.461.660.225	9.770.234.925	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu	-	-	11.759.914.100	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	52.500.000.000	52.500.000.000	-	52.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Phòng giao dịch Võ Văn Tấn	12.476.500.000	12.476.500.000	-	12.476.500.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.780.041.966	1.780.041.966	3.419.655.166	3.066.373.132	2.133.324.000	2.133.324.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.115.831.634	1.115.831.634	-	1.115.831.634	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	664.210.332	664.210.332	1.286.331.166	1.950.541.498	-	-
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh An Đông	-	-	1.999.992.000	-	1.999.992.000	1.999.992.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - Phòng giao dịch Hòa Bình	-	-	133.332.000	-	133.332.000	133.332.000
	93.520.912.889	93.520.912.889	125.677.859.390	174.105.740.263	2.133.324.000	2.133.324.000

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	-	-	226.950.078.667	-	226.950.078.667	226.950.078.667
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.245.382.915	1.245.382.915	-	1.245.382.915	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	1.660.525.830	1.660.525.830	5.260.674.966	3.488.163.598	3.433.037.198	-
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh An Đông (ii)	-	-	6.000.000.000	999.996.000	-	5.000.004.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - Phòng giao dịch Hòa Bình (iii)	-	-	400.000.000	77.777.000	-	322.223.000
Cộng	2.905.908.745	2.905.908.745	238.610.753.633	5.811.319.513	3.433.037.198	232.272.305.667
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	1.780.041.966					2.133.324.000
Số phải trả sau 12 tháng	1.125.866.779					230.138.981.667

(i) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay số 03/2015/HĐDA-PVB-CNHCM.QLDT ngày 26 tháng 01 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh và Tổng Công ty với hạn mức vay là 347.574.411.133 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn đầu tư vào dự án Xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Thời hạn vay tối đa là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi suất biên (2.5%/năm). Lãi vay được trả 06 tháng/lần tính trên dư nợ thực tế vào ngày 26 hàng tháng.

Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị dự án xây dựng công trình xưởng sản xuất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng nêu trên.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0103/2015/925 ngày 26 tháng 6 năm 2015 với Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh An Đông với số tiền vay 6.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua sắm 03 xe khách Daewoo Bus FX12. Lãi suất cho vay 11,2%/năm và được điều chỉnh ba (03) tháng một lần. Lãi vay được trả vào ngày 29 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng ba (03) xe ô tô khách 47 chỗ Daewoo Bus FX12. Số dư khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 5.000.004.000 đồng.
- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0089/2015/925 ngày 28 tháng 5 năm 2015 với Ngân hàng TMCP Nam Á - Phòng Giao dịch Hòa Bình với số tiền vay là 400.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua xe. Lãi suất cho vay 11,2%/năm và được điều chỉnh ba (03) tháng một lần. Lãi vay được trả vào ngày 29 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô bán tải 5 chỗ Ford Ranger 4x2 XLS AL. Số dư khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 322.223.000 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	2.133.324.000	1.780.041.966
Trong năm thứ hai	2.133.324.000	793.761.613
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	228.005.657.667	332.105.166
Sau năm năm	-	-
	232.272.305.667	2.905.908.745
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	2.133.324.000	1.780.041.966
Số phải trả sau 12 tháng	230.138.981.667	1.125.866.779

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	3.800.000.000.000	977.787.044	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(264.120.169)	2.526.156.314.757	962.866.860.541	1.014.770.873	2.036.381.182.804	210.122.568.769		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	1.096.275.840.370	38.182.555.531		
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	3.014.884.509	5.345.687.706	-	(8.360.572.215)	-		
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(132.748.113.582)	(3.490.631.739)		
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.519.737.040.000)	(28.042.035.007)		
Tặng/(giảm) khác	-	1.419.695.143	-	-	263.400.375	(1.419.695.143)	-	-	(1.931.466.342)	28.872.582		
Số dư tại ngày 31/12/2014	3.800.000.000.000	2.397.482.187	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(719.794)	2.527.751.504.123	968.212.548.247	1.014.770.873	1.469.879.831.035	216.801.330.136		
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	-	-	-	968.212.548.247	(968.212.548.247)	-	-	-		
Số dư tại ngày 01/01/2015	3.800.000.000.000	2.397.482.187	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(719.794)	3.495.964.052.370	-	1.014.770.873	1.469.879.831.035	216.801.330.136		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	1.488.213.481.717	34.247.867.339		
Trích lập các quỹ (1)	-	-	-	-	-	4.386.836.518	-	-	(4.386.836.518)	-		
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	-	-	-	(291.337.417.673)	(5.728.298.310)		
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.519.737.040.000)	(23.865.144.656)		
Chuyển quỹ	-	-	-	-	-	1.014.770.873	-	(1.014.770.873)	-	-		
Tặng/(giảm) do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	-	(2.038.211.449)	-	-	-	(2.294.797.393)	-	-	4.333.008.842	(34.237.899.815)		
(Giảm) do Công ty liên kết thay đổi số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(10.560.754.437)	-		
Điều chỉnh theo Thông tư 202 (3)	-	-	-	-	-	-	-	-	(98.607.955.999)	-		
Điều chỉnh khác	-	(359.270.738)	-	-	719.794	(404.498.539)	-	-	218.050.059	4.723.594.968		
Số dư tại ngày 31/12/2015	3.800.000.000.000	-	21.179.913.858	(2.296.824.120)	-	3.498.666.363.829	-	-	1.038.014.367.026	191.941.449.662		

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(1) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

(2) Trong năm 2015, Tổng Công ty đã công bố chi trả cổ tức còn lại từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 là 569.901.390.000 đồng (1.500 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 23/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2015, và tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015 là 949.835.650.000 đồng (2.500 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 1064/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2015.

(3) Theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC, Tổng Công ty đã ghi giảm lợi nhuận chưa phân phối tương ứng ghi tăng Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ việc loại trừ khoản dự phòng đầu tư tài chính đã trích lập vào 02 công ty liên kết - Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu Khí (“PVTEX”) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (“PVC-Mekong”) cho giai đoạn trước năm 2015 (xem thêm Thuyết minh số 17).

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	380.000.000	380.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	65.740	65.740
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	379.934.260	379.934.260
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.914.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp 31/12/2015	Vốn đã góp 31/12/2014
	VND	%	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.332.042.530.000	59,58	2.332.042.530.000	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	1.581.957.470.000	40,42	1.467.957.470.000	1.467.957.470.000
	3.914.000.000.000	100%	3.800.000.000.000	3.800.000.000.000

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Biến động của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 31/12/2014	162.791.200.000	2.305.307.509	9.586.028.093	7.436.761.863	975.756.536	33.706.276.135	216.801.330.136
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	7.436.761.863	(7.436.761.863)	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	162.791.200.000	2.305.307.509	17.022.789.956	-	975.756.536	33.706.276.135	216.801.330.136
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	34.247.867.339	34.247.867.339
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.742.736.029)	(5.742.736.029)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(23.865.144.656)	(23.865.144.656)
Chuyển quỹ	-	-	975.756.536	-	(975.756.536)	-	-
Tăng/(giảm) do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	(20.590.000.000)	(2.305.307.509)	(2.595.517.588)	-	-	(4.554.504.031)	(30.045.329.128)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	545.462.000	545.462.000
Số dư tại ngày 31/12/2015	142.201.200.000	-	15.403.028.904	-	-	34.337.220.758	191.941.449.662

26. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại		
- USD	2.141.450	1.808.468
- EUR	32.574	33.658

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Tổng Công ty tổ chức bộ phận hoạt động kinh doanh trên cơ sở các đơn vị hoạt động tương đối riêng biệt về lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh. Các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất bao gồm: Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ và Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất và Dầu khí Đông Nam Bộ.

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì: Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (tại ngày 01 tháng 10 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ).

- Xây dựng công trình dân dụng và cung cấp dịch vụ khác bao gồm: Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam.

Các thông tin về bộ phận kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	12.106.978.782.751	117.282.000.696	(1.332.286.994.022)	10.891.973.789.425
Đầu tư vào Công ty liên kết	580.903.000.000	100.000.000.000	(653.697.066.178)	27.205.933.822
Tổng tài sản	12.687.881.782.751	217.282.000.696	(1.985.984.060.200)	10.919.179.723.247
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	3.634.493.437.689	34.136.718.822	(1.296.955.703.519)	2.371.674.452.992
Tổng nợ phải trả	3.634.493.437.689	34.136.718.822	(1.296.955.703.519)	2.371.674.452.992

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Sản xuất bao bì	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác	Điều chỉnh hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.742.872.324.003	228.249.060.738	187.532.521.921	(13.307.018.084.629)	9.851.635.822.033
Các khoản giảm trừ doanh thu	199.506.966.364	-	-	(112.817.988.804)	86.688.977.560
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.543.365.357.639	228.249.060.738	187.532.521.921	(13.194.200.095.825)	9.764.946.844.473
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19.435.932.744.181	197.396.366.045	160.637.049.282	(13.181.542.161.705)	6.612.423.997.803
Chi phí bán hàng	759.597.248.907	5.559.833.015	1.314.276.957	(15.485.719.042)	750.985.639.837
Chi phí quản lý doanh nghiệp	583.903.457.793	14.198.903.057	17.434.068.806	(18.460.496.445)	597.075.933.211
Kết quả hoạt động kinh doanh	1.763.931.906.758	11.093.958.621	8.147.126.876	21.288.281.367	1.804.461.273.622
Phần (lỗ) trong công ty liên kết					(198.273.817.160)
Doanh thu hoạt động tài chính					256.561.206.512
Chi phí tài chính					7.070.545.699
Lợi nhuận khác					24.594.733.532
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế					1.880.272.850.807
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					309.160.303.969
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					48.651.197.780
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					1.522.461.349.058

Bộ phận theo khu vực địa lý:

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu với doanh thu khoảng 165,7 tỷ đồng - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

28. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu	Tổng cộng
	VND	VND	VND
2015			
Doanh thu thuần	6.792.276.265.117	2.972.670.579.356	9.764.946.844.473
Giá vốn hàng bán	(3.764.056.533.500)	(2.848.367.464.303)	(6.612.423.997.803)
Lợi nhuận gộp	3.028.219.731.617	124.303.115.053	3.152.522.846.670
2014			
Doanh thu thuần	7.071.728.592.529	2.477.121.260.062	9.548.849.852.591
Giá vốn hàng bán	(4.731.082.695.058)	(2.390.013.454.364)	(7.121.096.149.422)
Trong đó: Hoàn nhập dự phòng	2.539.676.996	9.893.267.163	12.432.944.159
Lợi nhuận gộp	2.340.645.897.471	87.107.805.698	2.427.753.703.169

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	6.170.852.658.627	6.313.603.683.900
Doanh thu Ure Cà Mau	146.403.645.000	398.611.030.574
Doanh thu Amoniac	271.418.980.873	181.463.231.525
Doanh thu điện	1.608.040.595	1.422.244.336
Doanh thu khác	269.574.239.723	256.984.586.198
	6.859.857.564.818	7.152.084.776.533
Chiết khấu thương mại	67.581.299.701	80.356.184.004
	6.792.276.265.117	7.071.728.592.529
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày ở Thuyết minh số 39)	324.142.902.346	150.217.876.915

Chi tiết giá vốn kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn kinh doanh Ure	3.278.948.003.205	4.079.664.859.782
Giá vốn kinh doanh Ure Cà Mau	143.568.669.246	389.241.642.156
Giá vốn kinh doanh Amoniac	144.565.582.519	88.671.273.818
Giá vốn kinh doanh điện	2.568.917.635	3.169.077.631
Giá vốn khác	194.405.360.894	170.335.841.671
	3.764.056.533.500	4.731.082.695.058

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.464.741.340.488	3.736.969.200.487
Chi phí nhân công	503.297.670.246	480.836.113.801
Chi phí khấu hao	255.009.195.382	268.667.500.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	854.032.124.616	859.123.476.692
Chi phí khác bằng tiền	579.379.555.970	187.615.021.863
	4.656.459.886.702	5.533.211.313.684

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	251.325.096.804	321.129.781.714
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	5.605.442.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.202.121.876	748.735.235
Lợi nhuận chuyển nhượng cổ phiếu Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	78.527.105.479
Lợi nhuận thoái vốn góp tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	428.421.008	-
Khác	1.605.566.824	495.559.040
	256.561.206.512	406.506.623.868

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền vay	2.568.699.865	2.931.385.121
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(93.433.321)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.456.247.668	1.679.680.768
Khác	45.598.166	211.987.780
	7.070.545.699	4.729.620.348

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vận chuyển, bốc xếp lưu kho	321.192.309.897	365.309.546.096
Chi phí an sinh xã hội	84.566.175.997	93.567.806.900
Chi phí quảng cáo, truyền thông	121.833.095.089	94.226.951.310
Các khoản chi phí bán hàng khác	223.394.058.854	148.500.655.111
	750.985.639.837	701.604.959.417
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	173.419.865.839	161.127.993.271
Phí quản lý nộp Tập đoàn	32.535.684.686	37.320.959.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.890.326.106	93.397.979.136
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	299.230.056.580	278.683.644.998
	597.075.933.211	570.530.577.008

33. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý bất động sản đầu tư	19.293.095.488	-
Thu phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	253.210.835	1.029.475.330
Thu nhập khác	6.136.062.486	15.618.580.322
	25.682.368.809	16.648.055.652
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản	-	175.336.802
Chi phí khác	1.087.635.279	9.370.469.253
	1.087.635.279	9.545.806.055

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	308.326.549.478	170.117.932.415
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước bổ sung	833.754.491	17.942.670.148
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	-	(1.334.103.879)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	309.160.303.969	186.726.498.683

Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh phân đạm: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (từ năm 2008). Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là năm tài chính đầu tiên Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất 15% cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh phân đạm.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015 VND	2014 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.488.213.481.717	1.096.275.840.370
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(236.206.155.225)	(144.229.313.780)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.252.007.326.492	952.046.526.590
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	379.934.260	379.934.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.295	2.506

36. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 (Trình bày lại) VND
Trong vòng một năm	21.279.554.938	21.766.418.938
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	63.604.701.454	67.749.383.254
Sau năm năm	416.839.441.591	431.860.682.729
	501.723.697.983	521.376.484.921

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Tổng Công ty và các đơn vị thành viên phải trả cho việc thuê đất để xây dựng nhà xưởng, kho bãi. Bao gồm các Hợp đồng thuê sau:

- Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Công ty mẹ đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004. Theo Phụ lục hợp đồng số 135/PLHĐ/IZICO ký ngày 07 tháng 11 năm 2013 thì từ năm 2014 trở đi, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất thô và phí sử dụng hạ tầng bằng VND vào ngày 15 tháng 02 hàng năm của năm thuê đất đó với số tiền mỗi năm phải trả là 666.524 USD.
- Ngày 14 tháng 5 năm 2014, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc - Công ty con của Tổng Công ty đã ký Phụ lục số 2 của Hợp đồng số 1521/2011/HĐ-VDKVN/PVFCCo North về việc thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Tổng diện tích thuê bao gồm 655 m² khu văn phòng và 55 m² khu phụ trợ với số tiền thuê là 274.300.000 đồng/tháng.
- Ngày 07 tháng 3 năm 2013, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ ký Hợp đồng thuê xưởng trộn hóa chất của Công ty TNHH Công nghiệp Tây Nam với tổng giá thuê là 167.360.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn 5 năm và kết thúc tại ngày 07 tháng 3 năm 2018.

Cam kết vốn

Theo Quyết định số 115/QĐ-PHBC ngày 08 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nâng công suất phân xưởng NH3 của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học, cung cấp và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ NH3 và phân NPK trong nước với tổng mức đầu tư là 4.987.200.000.000 đồng, dự kiến thời gian hoàn thành của dự án là Quý 2 năm 2017. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 108.329.487.319 đồng.

Cam kết khác

Theo Phụ lục sửa đổi bổ sung số 04 của Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/B1 ngày 07 tháng 5 năm 2010 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá khí được tính theo công thức tính giá khí được giao nhận tại điểm giao nhận khí như sau: Giá khí không bao gồm VAT (USD/MMBTU) = 46%*Giá dầu trung bình MFOC + cước phí bể Cửu Long áp dụng cho nhà máy Đạm Phú Mỹ, với mức cước phí áp dụng cho năm 2016 là 0,94 USD/mmBTU.

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN/HN

37. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có các khoản cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”) liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (“PVTEX”) - Công ty liên kết của Công ty, theo đó Tổng Công ty cam kết hoàn trả cho Tập đoàn toàn bộ gốc vay, lãi vay, chi phí, lệ phí, tổn thất và phí tổn thất phát sinh mà Tập đoàn đã trả cho các ngân hàng tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty tại PVTEX, việc hoàn trả được thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày Tập đoàn có công văn yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả số tiền trên. Ngày 23 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có Công văn số 527/DKVN-TCKT yêu cầu Tổng Công ty thực hiện các cam kết nêu trên, cụ thể: Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả thay cho PVTEX một phần khoản vay trung hạn đầu tư xây dựng nhà máy và khoản vay ngắn hạn để vận hành chạy thử với số tiền tổng cộng là 388,5 tỷ đồng. Theo đó, trong năm 2015 Tổng Công ty đã chuyển trả cho Tập đoàn số tiền là 101.620.682.378 đồng.

Theo Công văn số 9792/CV-KHDN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc cơ cấu khoản vay dự án xây dựng Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Tổng hợp Polyester Đình Vũ: ngày trả nợ gốc tiếp theo là ngày 21 tháng 6 năm 2017, như vậy tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tổng Công ty không có nghĩa vụ hoàn trả Tập đoàn bất cứ số tiền nào liên quan đến các khoản cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn nêu trên. Tổng Công ty sẽ phải tiếp tục thực hiện cam kết từ các năm tiếp theo.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con.

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	232.272.305.667	94.646.779.668
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.690.048.266.789	5.078.229.954.021
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	8.547.505.270.255	9.004.939.836.545
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 (Trnh bày lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.690.048.266.789	5.078.299.954.021
Đầu tư tài chính ngắn hạn	80.950.000.000	77.119.148.009
Phải thu khách hàng và phải thu khác	239.055.851.076	316.356.282.671
Tổng cộng	6.010.054.117.865	5.471.775.384.701
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	232.272.305.667	94.646.779.668
Phải trả người bán và phải trả khác	1.377.368.345.085	437.208.578.587
Chi phí phải trả	57.056.342.544	64.130.128.196
Dự phòng phải trả	136.735.807.241	217.455.312.628
Tổng cộng	1.803.432.800.537	813.440.799.079

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro này có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Đô la Mỹ (USD)	18.413.685.665	-	460.841.784.970	49.165.136.455
Euro (EUR)	-	-	980.005.931	859.697.601

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN/HN

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2015 VND	2014 VND
Đô la Mỹ (USD)	8.848.561.986	983.302.729
Euro (EUR)	19.600.119	17.193.952

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu, và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) thì không có cổ phiếu nào suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty chỉ thực hiện trích dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư nêu trên với số tiền khoảng 336 triệu đồng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì giá trị dự án Xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde do Tổng Công ty làm chủ đầu tư (như trình bày tại Thuyết minh 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng/giảm 4.539.001.573 đồng.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có một số khoản phải thu tồn đọng lâu ngày và khó có khả năng thu hồi. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ cho các khoản phải thu này với số tiền lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 220.917.749.667 đồng (tại 31/12/2014 là 121.591.707.289 đồng).

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiến mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.690.048.266.789	-	-	5.690.048.266.789
Đầu tư tài chính ngắn hạn	80.950.000.000	-	-	80.950.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	217.940.941.985	21.114.909.091	-	239.055.851.076
Tổng cộng	5.988.939.208.774	21.114.909.091	-	6.010.054.117.865

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.133.324.000	230.138.981.667	-	232.272.305.667
Phải trả người bán và phải trả khác	1.370.541.381.011	6.826.964.074	-	1.377.368.345.085
Chi phí phải trả	57.056.342.544	-	-	57.056.342.544
Dự phòng phải trả	40.184.083.102	96.551.724.139	-	136.735.807.241
Tổng cộng	1.469.915.130.657	333.517.669.880	-	1.803.432.800.537
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.519.024.078.117	(312.402.760.789)	-	4.206.621.317.328

31/12/2014 (Trình bày lại)	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.078.299.954.021	-	-	5.078.299.954.021
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.119.148.009	-	-	77.119.148.009
Phải thu khách hàng và phải thu khác	315.556.282.671	800.000.000	-	316.356.282.671
Tổng cộng	5.470.975.384.701	800.000.000	-	5.471.775.384.701

31/12/2014 (Trình bày lại)	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	93.520.912.889	1.125.866.779	-	94.646.779.668
Phải trả người bán và phải trả khác	431.030.994.513	6.177.584.074	-	437.208.578.587
Chi phí phải trả	64.130.128.196	-	-	64.130.128.196
Dự phòng phải trả	217.455.312.628	-	-	217.455.312.628
Tổng cộng	806.137.348.226	7.303.450.853	-	813.440.799.079
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.664.838.036.475	(6.503.450.853)	-	4.658.334.585.622

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm:

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Các Công ty liên kết
Các Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2015 VND	2014 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Cổ tức trả Tập đoàn	932.655.634.657	932.655.634.657
Phí quản lý nộp Tập đoàn	30.727.444.023	35.062.450.431
Phí sử dụng thương hiệu nộp Tập đoàn	1.808.240.663	2.258.509.172
	965.191.319.343	969.976.594.260
Bán hàng		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	51.062.967.200	58.222.097.606
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	34.989.851.105	53.571.853.658
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	14.923.027.120	4.930.623.863
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	3.591.708.300	8.950.009.524
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	18.125.201.663	19.652.376.961
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	9.655.075.525	110.738.572
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí (PVTEX)	191.586.820.000	534.800.000
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	208.251.433	4.245.376.731
	324.142.902.346	150.217.876.915
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	1.849.430.622.610	3.002.896.859.715
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PVSecurity)	5.971.976.988	5.569.558.940
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	69.540.000.000	307.760.541.483
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	33.919.499.821	29.064.546.643
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	4.821.665.719	13.163.032.566
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	1.999.477.828	4.256.136.075
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) - PVC Mekong	8.030.369.090	45.059.393.790
Công ty Cổ phần PVI	64.847.199.706	76.595.931.867
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	10.689.507.965	12.265.617.541
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	105.786.102.309	52.688.745.829
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	16.126.908.437	10.710.672.552
	2.171.163.330.473	3.560.031.037.001

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	3.261.323.890	44.000.000
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	5.744.374.020	4.665.206.304
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	4.885.205.312	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	590.785.644	54.759.939
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí (PVTEX)	195.253.105	588.280.000
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	88.216.138	71.529.662
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	91.478.480	56.591.385
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	-	21.517.870
	14.856.636.589	5.501.885.160
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	5.684.164.656	5.022.403.817
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	3.045.961.760	21.517.870
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	295.162.847.973	-
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	-	1.466.990.727
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	339.312.227
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	-	143.534.819
Tổng Công ty CP Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	-	171.918.298
	303.892.974.389	7.165.677.758
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí (PVTEX)	101.207.873.164	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	12.792.091.037	12.792.091.037
	224.143.231.490	122.935.358.326
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	132.617.055.994	200.708.559.394
Công ty Cổ phần Cảng Dịch Vụ Dầu Khí Tổng Hợp (PTSC)	55.564.201.824	13.246.125.090
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	8.394.696.761	11.979.477.462
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	1.796.605.459	4.613.264.616
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	1.760.649.790	150.028.000
Công ty Cổ phần PVI	301.616.099	1.645.686.651
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	8.575.868	1.827.295.621
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	160.680.000	-
	200.604.081.795	234.170.436.834

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau (Tiếp theo):

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí	6.037.305.000	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	-	4.391.188.146
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	54.602.532	305.981.977
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	120.464.600	318.118.500
	6.212.372.132	5.015.288.623
Vay và nợ thuê tài chính		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	226.950.078.667	1.245.382.915
	226.950.078.667	1.245.382.915
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn dầu khí Việt Nam-Cổ tức phải trả	582.914.138.405	-
	582.914.138.405	-

40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

- Ngày 13 tháng 01 năm 2016, Nghị quyết số 15/NQ-PBHC của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã phê duyệt kết quả chào bán để chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp 81,38% tại Công ty cổ phần Quản lý và phát triển nhà Dầu khí miền Nam (PVFCCo-SBD). Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp, Tổng Công ty chính thức không còn sở hữu vốn tại PVFCCo-SBD.
- Ngày 29 tháng 01 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 23/NQ-KVN về việc thông qua phương án phát hàn cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”). Theo đó, tổng số phiếu đã phát hành là 11.400.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau đợt phát hành tăng 114 tỷ đồng, từ 3.800 tỷ đồng lên 3.914 tỷ đồng.
- Ngày 13 tháng 01 năm 2016, Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam (“PVN”) có Nghị quyết số 248/NQ-DKVN chấp thuận chủ trương dừng nghiên cứu Dự án và chấm dứt thỏa thuận hợp tác đầu tư xây dựng Tổ hợp sản xuất Amoniac và Amon Nitrat giữa PVN và Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng (“GAET”). Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, các bên vẫn đang trong quá trình đàm phán phân chia chi phí triển khai dự án đã phát sinh (lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 46.248.899.367 đồng).

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

41. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		
Tên chỉ tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số tiền (VND)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN											
I. Tài sản			I. Tài sản			I. Tài sản			I. Tài sản		
1. Đầu tư ngắn hạn	121	76.245.382.915	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	77.119.148.009	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	77.119.148.009	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	77.119.148.009
2. Đầu tư dài hạn khác	258	22.175.765.094	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	20.502.000.000	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	20.502.000.000	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	20.502.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135	262.358.111.522	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	264.036.902.646	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	264.036.902.646	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	264.036.902.646
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.675.791.124	4. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	4. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	4. Tài sản ngắn hạn khác	155	-
5. Phải thu dài hạn khác	218	-	5. Phải thu dài hạn khác	216	1.749.902.000	5. Phải thu dài hạn khác	216	1.749.902.000	5. Phải thu dài hạn khác	216	1.749.902.000
6. Tài sản dài hạn khác	268	952.902.000	6. Tài sản dài hạn khác	268	-	6. Tài sản dài hạn khác	268	-	6. Tài sản dài hạn khác	268	-
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn		
1. Doanh thu chưa thực hiện	338	2.875.711.896	1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21.747.446	1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21.747.446	1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21.747.446
2. Chi phí phải trả	316	281.235.390.729	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	64.130.128.196	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	64.130.128.196	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	64.130.128.196
3. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	350.050.095	3. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	217.455.312.628	3. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	217.455.312.628	3. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	217.455.312.628
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	2.853.964.450	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	2.853.964.450	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	2.853.964.450
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	2.527.751.504.123	5. Quỹ đầu tư phát triển	418	3.495.964.052.370	5. Quỹ đầu tư phát triển	418	3.495.964.052.370	5. Quỹ đầu tư phát triển	418	3.495.964.052.370
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	968.212.548.247	Không có chỉ tiêu tương ứng		-	Không có chỉ tiêu tương ứng		-	Không có chỉ tiêu tương ứng		-
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.885	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.506	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.506	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.506
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		
- Các khoản dự phòng	03	(10.231.737.480)	- Các khoản dự phòng	03	163.452.258.562	- Các khoản dự phòng	03	163.452.258.562	- Các khoản dự phòng	03	163.452.258.562
Không có chỉ tiêu tương ứng		-	Không có chỉ tiêu tương ứng		-	Không có chỉ tiêu tương ứng		-	Không có chỉ tiêu tương ứng		-
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(183.400.003.718)	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(400.599.736.783)	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(400.599.736.783)	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(400.599.736.783)

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA CÔNG TY MẸ
được đăng tải tại website của Tổng Công ty tại địa chỉ **www.dpm.vn**



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

43 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp.HCM

Tel: (84.8) 3825 6258 (84.8) 3825 6269

website: dpm.vn